

Nhiếp Đại Thừa Luận

HT Trí Quang Dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-06-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Phần 1: Giới thiệu tổng quát

Phần 2

Phần 3

Phần 4

---o0o---

Phần 1: Giới thiệu tổng quát¹

Ghi Sau Khi Duyệt Nhiếp Luận

Nhiếp luận nói về cảnh (chân lý luận) hành (phương pháp luận) quả (mục đích luận) thật rõ, đầu rõ trong Duy thức học của ngài Vô trước. Với tư cách khởi xương, tư tưởng của ngài học giả phải hiểu mới thấy nó sâu và khác khá nhiều đối với tư tưởng Duy thức học về sau.

Đặc biệt trong phần quả, Nhiếp luận nói rõ hơn các sách khác về đoạn đức (vô trú niết bàn), nhất là về trí đức (vô phân biệt trí). Vô phân biệt trí không phải như

cây đá, vô tư duy, vô tri giác, đa suy luận, nhưng là “tuệ giác không còn ý thức tự ngã”. Tuệ giác ấy có 3 phần và 5 minh, nghĩa là biết tận cùng và hoạt dụng tuyệt hảo. Đức Phật là như vậy, với vô trú niết bàn và vô phân biệt trí, lúc nào ngài cũng thường trú cạnh ta - dầu ta có mắt để thấy hay chưa. Đức Phật như vậy không phải không thể nói là gì sau khi nhập diệt.

Nhiếp luận tự nói đối tượng của mình là những người thuộc bất định tự mà có khả năng xoay lại hay kiên định về đại thừa. Nhưng cách trình bày thì cho ta thấy không ít những điều cần thấy về ngoại đạo và tiểu thừa.

Về ngoại đạo, triết thuyết nổi nhất là “phạn là ngã, ngã là phạn”. Nhiếp luận cho thấy ngã và phạn ấy chỉ là mặt na tự ý thức a lại da làm tự ngã. Sự xác lập và khá đề cao mặt na của Nhiếp luận còn cho thấy nó là sự tự ý thức về tự ngã và từ đó mà tự ngã hóa nhận thức và đối tượng của nhận thức: nó không những năng sở hóa mà còn tự tha hóa tất cả. Đặc biệt tùy ý thức tự ngã còn hay mất mà nó là căn cứ của ô nhiễm và thanh tịnh.

Về tiểu thừa, Nhiếp luận cho thấy khá nhiều tư tưởng được luận ấy đưa ra mà bài bác hoặc điều chỉnh. Lại nữa, trong mục 1, nói A hàm của Đại chúng bộ nói đến căn bản thức, Hóa địa bộ nói đến cùng sinh tử uẩn, chỉ vài câu ấy, và khá nhiều chỗ nói đến quan điểm của tiểu thừa, Nhiếp luận cho ta thấy ngay sau 2 đại hội (do ngài Ca diếp và ngài Ba sư ba chủ trì) của kiết tập 1, 3 tạng mà 2 bộ phái căn bản là Thượng tọa và Đại chúng đã không phải duy nhất. Ngày nay không thể nói 3 tạng Paly của Thượng tọa bộ (được chép thành văn bản vào thời đại A dục vương, hơn 2 bách kỷ sau Phật nhập diệt) là nguyên thủy và “nguyên thủy chỉ có bấy nhiêu”.

Ba mươi tháng 4, 2537.

Trí Quang

---o0o---

Giới thiệu tổng quát

(1) Tác giả Nhiếp luận là Vô trước đại sĩ. Ngài Huyền tráng ghi về đại sĩ như sau:... Quốc đô A du đà, phía tây bắc, cách bốn năm dặm, gần bờ sông Hằng, có 1 đại đà lam, trong có ngôi tháp cao hơn 200 thước, do A dục vương xây dựng, và đó là chỗ xưa kia Phật đã thuyết pháp 3 tháng... Phía tây nam, cách năm sáu dặm, có 1 đà lam cũ, đó là chỗ Vô trước đại sĩ thuyết pháp... Đại sĩ người Càn đà ra, xuất thế trong bách kỷ 10 sau Phật niết bàn, xuất gia trong Hóa địa bộ, sau tín thọ đại thừa...

Đại sĩ người minh triết, có tài trước thuật, viết nhiều luận văn giải thích đại thừa, làm bậc thầy của xứ Ấn độ. Nhiếp luận chính là văn bút của đại sĩ (Chính 50/233).

Thế giới Phật giáo thông sử, cuốn thượng, các trang 179-185, phần nhiều ghi theo truyện Thế thân đại sĩ (em ruột Vô trước đại sĩ). Theo đó, có những chi tiết cần biết như sau.

Vô trước đại sĩ người quăng 310-390 dương lịch, trước sau ngài Pháp hiển đi Ấn độ và ngài La thập đến Trung hoa. Đại sĩ người bắc bộ Ấn độ, nước Phú lâu sa phú la. Có 3 anh em, đại sĩ là anh cả, em kế là Thế thân đại sĩ, cùng xuất gia trong Hữu bộ. Vô trước đại sĩ do La hán Tân đầu la giáo hóa, chứng được không quán của tiểu thừa, nhưng vẫn bất mãn, tìm học với Di lạc đại sĩ. Vị đại sĩ này có thể là nhân vật lịch sử, người quăng 270-350 dương lịch. Tác phẩm Vô trước đại sĩ viết dưới danh nghĩa Di lạc đại sĩ, quan trọng nhất là Du dà, tác phẩm viết dưới danh nghĩa của chính đại sĩ, quan trọng nhất là Nhiếp luận. Phật giáo đại thừa ở Ấn độ, nhân vật trung tâm, ban đầu là Mã minh đại sĩ, kế đó là Long thọ đại sĩ, tiếp theo là Vô trước đại sĩ.

(2) Tác phẩm của Vô trước đại sĩ có khá nhiều và cùng quan trọng. Tựu trung, như vừa nói, tác phẩm quan trọng và được viết dưới danh nghĩa của chính đại sĩ là Nhiếp luận.

Ngoài bản dịch của Tây tạng, tại Trung hoa, Nhiếp luận có 4 bản dịch, 3 bản đơn hành, 1 bản gồm trong thích luận; 3 bản đơn hành mang các số sau đây của Đại tạng kinh bản Đại chính: 1592 là của ngài Phật đà phiên đa, 1593 là của ngài Chân đế, 1594 là của ngài Huyền trắng; 1 bản gồm trong thích luận mang số 1596 là của ngài Đạt ma cấp đa. Nhiếp luận có thích luận, do 2 tác giả. Một là tác giả Thế thân, có đến 3 bản dịch, mang các số sau đây của Đại tạng kinh nói trên: 1595 là của ngài Chân đế, 1596 là của ngài Đạt ma cấp đa, 1597 là của ngài Huyền trắng. Hai là tác giả Vô tánh, bản dịch của ngài Huyền trắng, mang số 1598.

Nhiếp luận, gọi đủ là Nhiếp đại thừa luận, không phải là tông luận, luận văn viết theo chủ đề, mà là thích luận, luận văn giải thích kinh luận khác. Ở đây, Nhiếp luận giải thích phẩm Nhiếp đại thừa của kinh Đại thừa a tì đạt ma. Cái đề Đại thừa a tì đạt ma là ghi theo bản dịch 1592. Theo các bản dịch khác thì phải nói kinh A tì đạt ma, bản kinh của đại thừa.

Nội dung Nhiếp luận có 11 phẩm, tôi gọi phẩm đầu là phần đầu, 10 phẩm tiếp theo tôi gọi là 10 tiết mục. Phần đầu là tự luận, 10 tiết mục tiếp theo mới là nội dung, có thể chia theo thông lệ của Duy thức học, là cảnh (chân lý luận) hành

(phương pháp luận) quả (mục đích luận). Trong 10 tiết mục của Nhiếp luận, các tiết mục 1 và 2 là cảnh, 3 đến 8 là hành, 9 và 10 là quả.

Không hiểu Vô trước đại sĩ giải thích phẩm Nhiếp đại thừa mà giải thích chính văn như thế nào, chỉ biết theo văn từ mà xét thì Nhiếp luận gần như 1 bản tông luận.

Khi luận này được truyền dịch ở Trung hoa trước ngài Huyền tráng thì đã thành 1 tông phái gọi là Nhiếp luận tông. Nhưng lịch sử ngài Huyền tráng nói ngài khổ tâm vì thấy các bản dịch kinh luận cũ có chỗ không làm sao hiểu được cho chắc chắn, mới quyết chí đi học ở Ấn độ. Luận cũ mà ngài Huyền tráng có thái độ ấy chính là Nhiếp luận. Khi về nước, ngài đã dịch lại cả chính văn và 2 bản thích luận. Nhưng điều đáng nói là không hiểu tại sao Nhiếp luận đã không có bản sơ giải nào từ sau khi ngài Huyền tráng dịch ra. Mãi đến sau này mới có ngài Mật lâm sơ giải trọn bộ mà chỉ đăng trên tạp chí Hải trào âm, ngài Thái hư chỉ sơ giải phần đầu và tiết mục 1, cũng chỉ đăng trên tạp chí vừa nói, và sau đó in trong bộ toàn thư của ngài. Gần đây có 1 nhóm 4 pháp sư, Ấn thuận thì giảng, Diển bồi, Diệu khâm và Văn tuệ thì ghi, thành 1 bản đơn hành với cái tên Nhiếp đại thừa luận giảng ký.

Bản dịch giải này của tôi lấy bản dịch của ngài Huyền tráng làm chính văn, tham khảo thì có bản giảng ký vừa nói. Các bản thích luận của các đại sĩ Thế thân và Vô trước, tôi cũng có tham chiếu.

(3) Đối tượng của Nhiếp luận rõ ràng nhắm vào bộ phái tiểu thừa. Phần đầu của Nhiếp luận cho thấy, thời đại luận này, có những luận điệu của tiểu thừa cho đại thừa là phi Phật thuyết, đại thừa không là gì khác hơn chính là tiểu thừa. Luận này gần như đối thoại hoàn toàn với tiểu thừa. Luận này nói có 1 loại các vị thanh văn có khả năng xoay về đại thừa, lại có 1 số các vị bồ tát có thể dao động; thật rõ ràng, chính các vị thanh văn và bồ tát này đích là đối tượng của Nhiếp luận.

Văn phong Nhiếp luận, cũng tựa như những tác phẩm khác của Vô trước đại sĩ, đúng là văn phong của Hữu bộ. Chủ đề của Nhiếp luận là duy thức luận, sẽ được nói đến dưới đây.

(4) Sợi giây trong bóng tối được thấy làm là con rắn. Nếu biết con rắn ấy hoàn toàn không có, chỉ có với sự thấy làm, thì rồi cũng sẽ thấy ra sợi giây chỉ là sự kết hợp của các nguyên tố sắc hương vị xúc. Duy thức là như vậy. Nơi các pháp y tha mà thấy ra biên kế ngã pháp. Ngã pháp ấy là toàn bộ thân tâm và thế giới chúng ta đây. Nhưng thực chất chỉ là con rắn thấy làm sợi giây mà ra. Thế nên duy thức thì

phải nói rõ và đủ là duy thức vô nghĩa, vô nghĩa duy thức. Nhiếp luận nói về duy thức, trước tiên nói như vậy, dưới cái dạng gọi là duy thức vô nghĩa.

Nhiếp luận lại nói đến cái biết của chúng ta. Cái biết ấy có nhận thức có đối tượng. Ở đây nhận thức là đối tượng hóa nhận thức, cũng như đối tượng là nhận thức hóa đối tượng. Như thế mới là biết. Và như thế gọi là duy thức. Đó là cách thứ hai, Nhiếp luận nói về duy thức, dưới cái dạng gọi là 2 phần.

Nhiếp luận thống nhiếp các pháp thành 11 loại, gọi là 11 thức. Một là thức thân (thân thức), tức cái tổng thể gồm cả 5 giác quan. Hai là thức chủ thể của thân (thân giả thức), là ý ô nhiễm. Ba là thức chủ thể của sự tiếp nhận (thọ giả thức), là ý vô gián diệt. Bốn là thức được tiếp nhận (bỉ sở thọ thức), là 6 cảnh. Năm là thức tiếp nhận (bỉ năng thọ thức), là 6 thức. Sáu là thức thì gian (thế thức), là vị lai hiện tại quá khứ liên tục. Bảy là thức số mục (số thức), là những số mục hàng lẻ, hàng chục v/v. Tám là thức cư trú (xứ thức), là thế giới chúng sinh cư trú. Chín là thức nói năng (ngôn thuyết thức), là ngôn ngữ xuất từ thấy nghe hay biết. Mười là thức mình người (tự tha sai biệt thức), là bản thân với tha nhân. Mười một là thức đường lành đường dữ (thiện thú ác thú tử sinh thức), là những nẻo đường sinh tử. Tất cả 11 loại này đều gọi là thức, là vì liên hệ đến thức, do thức biểu thị. Tất cả 11 loại này, 3 loại đầu là 6 căn, loại 4 là 6 cảnh, loại 5 là 6 thức; 6 loại còn lại là chi tiết của 6 căn, 6 cảnh và 6 thức. Thế nên 11 loại này bao gồm hết thấy mọi sự sai biệt của nhân sinh vũ trụ. Mọi sự sai biệt này toàn liên hệ với thức, nên gọi là duy thức, dưới cái dạng gọi là nhiều thứ.

(5) Thế nhưng vấn đề không phải đã ngừng ở đây. Mà nói duy thức thì phải nói về a lại da.

Nhiếp luận nói a lại da khá kỳ đờ Và cũng khá khác với những cách nói khác. Nhiếp luận nói về a lại da có những điểm chính sau đây.

Một, trong 4 duyên, nhân duyên mới là nói về cái nhân tố chính yếu phát sinh các pháp. Nhân tố ấy là chủng tử. Chủng tử là a lại da. Nên a lại da mới là nhân duyên, tức là căn bản của các pháp. Không những như vậy, trong khi nói về đạo lý duyên khởi, Nhiếp luận cho thấy, với 2 loại duyên khởi và 3 sự huân tập sai biệt, a lại da đối với con người và thế giới của con người, nó vừa là chất liệu vừa là tổ hợp.

Hai, a lại da là thức, mà là thức có đủ 2 phần tương kiến, thì chính cách nói này cũng cho thấy a lại da là căn bản của các pháp, là chủ thức của các thức, hơn là

1 thức bình thường. Nếu chỗ nào qui định a lại da là thức, thì ở đó tất cả (11) thức khác là tướng phần, còn ý thức (trong đó) và mọi thức nó dựa vào là kiến phần.

Ba, a lại da là y tha (gồm có 11 thức). Y tha là tổng thể của biến kế và viên thành (của nhiễm và tịnh)... Sinh tử là phần tạp nhiễm nơi y tha, niết bàn là phần thanh tịnh nơi y tha, chỗ dựa của 2 phần là y tha. Chuyển y là chính y tha khi nổi lên sự đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm mà chuyển được phần thanh tịnh.

Bốn, đặc biệt chủng tử của đa văn huân tập, khởi đầu của sự tu chứng ngộ nhập, là đa văn giáo pháp của pháp giới tối thanh tịnh (nói theo từ ngữ của học hệ khác, là chân như và đẳng lưu của chân như, là dụng huân tập của chân như). Đa văn huân tập cũng dựa vào a lại da nhưng vẫn đối trị a lại da.

Năm, đối với thân tâm và thế giới chúng ta đây, Nhiếp luận nói, chung là chủng tử của thế giới ở ngoài, riêng là chủng tử của tự thể riêng biệt. Chung là chủng tử không sinh cảm giác, riêng là chủng tử có sinh cảm giác. Khi sự đối trị sinh ra thì chỉ loại riêng bị diệt, còn loại chung thì người khác duy trì, và mình chỉ thấy trong sạch.

A lại da là như vậy, như mấy điểm vừa thuật lại, nên đã có cái ví dụ người mù sờ voi, con voi a lại da qua sự mô tả của bao tư tưởng mù mờ...

Cách nói về a lại da như vậy thật là đặc thù, những ai học về Duy thức học phải chú ý xét kỹ. Bởi vì cách nói a lại da của Nhiếp luận, xưa và nay, vẫn có ý kiến cho a lại da chỉ là phần nhiễm, và nói phải có cái gọi là giải tánh a lại da, hay phải lập thêm thức a ma la (vô cầu thức).

(6) Giữa đại thừa với tiểu thừa không thể có sự dung hòa ở chính mục đích. Tiểu thừa chỉ cần tịnh trừ phiền não mà chứng giải thoát thân. Nhưng đại thừa thì ngoài giải thoát thân, mục đích chính là pháp thân (trí thân).

Nhiếp luận có 1 luận cứ: nếu các pháp mà thật thì cái trí biết các pháp cũng thật, cần gì phải tu dưỡng. Nói như vậy là căn bản của trí thức đã được đặt ra và đã thành vấn đề. Và quả thật nếu không vì mục đích lợi ích chúng sinh thì chỉ cần nói giải thoát, gần như không có nhu cầu gì để nói đến giác ngộ cả. Trái lại, mục đích đại thừa lại chính ở đây. Nên sự tu dưỡng trí thức là cả một vấn đề của đại thừa, của Nhiếp luận.

Trong vấn đề này, Nhiếp luận vừa nói về sự tu dưỡng, vừa cho thấy vị trí của các thức trong sự ấy.

Trước hết là vị trí của a lại da. Khởi sự tu dưỡng ngộ nhập là đa văn huân tập giáo pháp đại thừa, tức là đa văn cái đăng lưu của pháp tánh tối thanh tịnh. Nghĩa là không phải xuất từ a lại da; mà đa văn ấy chỉ ký thác a lại da, và có khả năng đối trị chuyển y a lại da. Nói như vậy cũng như có thể nói đa văn cũng huân tập a lại da mà là sự huân tập có tác dụng hoàn diệt. Và từ đó, vị trí a lại da vẫn là căn bản của sự tu dưỡng ngộ nhập.

Kế vị trí a lại da, hãy xét đến cái ý ô nhiễm. Tuệ giác sẽ sinh mà nó thường làm trở ngại, nó lại đi trong tất cả tâm thức, nó đó là vô minh bất cộng, vô minh đặc biệt. Vô minh đặc biệt không những vô minh vì ý thức tự ngã, mà trong sự ngã kiến huân tập, nó tạo sự sai biệt và cách biệt giữa bản thân với tha nhân. Do vậy mà nó là mục tiêu hủy diệt của sự tu dưỡng ngộ nhập.

Sau hết, và đây mới quan trọng, ấy là vị trí của ý thức. Từ đầu đến cuối của sự tu dưỡng ngộ nhập toàn là hoạt dụng ý thức. Trong đời sống bình thường, chưa hay không tu dưỡng ngộ nhập, thì ý thức là năng biến kế. Trong sự tu dưỡng ngộ nhập, Nhiếp luận trước hết nói đến đa văn huân tập và quan sát danh với sự, mà đó là ý thức cả. Quan sát danh với sự là quan sát tên gọi và cái được gọi, để thấy ý thức tự nó vừa hiển cảnh vừa biểu nghĩa, nên danh với sự cùng là khách thể của nhau. Bước tới nữa, tới nữa, tới cho đến tuệ giác của Phật, cũng chỉ là ý thức từ đa hành của vô phân biệt trí thành căn bản và hậu đắc của vô phân biệt trí.

Với cách nói tu dưỡng ngộ nhập như vậy, Nhiếp luận cho thấy khả năng của tâm thức chúng sinh thật là vĩ đại, trong mê cũng như trong ngộ.

(7) Nay hãy nói vấn đề niết bàn. Niết bàn có cái pháp số 4. Một là tánh tịnh niết bàn, là bản thể của các pháp, trong đó có chúng sinh, vốn và vẫn tĩnh lặng. Niết bàn này là căn bản cho 3 niết bàn sau. Hai là hữu dư niết bàn, là niết bàn mới tịnh trừ tập đế, khổ đế đang còn. Ba là vô dư niết bàn, là niết bàn hết cả khổ đế nữa. Bốn là vô trú niết bàn, là niết bàn không ở vào đâu cả: không ở sinh tử mà cũng không ở niết bàn.

Nhiếp luận nói niết bàn của đại thừa là vô trú niết bàn. Loại niết bàn thứ 3 chỉ tiểu thừa có. Thế nhưng đức Phật mà nay gọi là đức Phật trong lịch sử, thì có niết bàn thứ 3. Nhiếp luận nói đức Phật trong lịch sử chỉ là biến hóa thân của Phật. Sự niết bàn của đức Phật này là sự niết bàn của biến hóa thân. Phật chỉ có vô trú niết bàn, biến hóa thân mới có niết bàn thứ 3. Nói cách khác, Phật không niết bàn, hoặc không lúc nào Phật tách rời niết bàn cả.

Nhiếp luận đối thoại với tiểu thừa về sự cho thân Phật chính là và chỉ là biến hóa thân, đã nói rằng nếu biến hóa thân mà chính là pháp thân, thì thế là Phật có sự

nhập niết bàn, và nhập niết bàn thì đại nguyên độ sinh của Phật bị cắt đứt. Đối với Phật, sự giáng sinh và sự nhập diệt đều là thấy như thế nào mới lợi ích chúng sinh thì thị hiện ra như thế ấy. Biến hóa thân nhập niết bàn chỉ là phương tiện để lợi ích chúng sinh. Cách nói này của Nhiếp luận không khác mà còn rõ hơn cả Pháp hoa.

Nhưng vô trú niết bàn là gì? Nhiếp luận nói niết bàn ấy là chuyển bỏ phần tạp nhiễm nơi y tha mà chuyển được phần thanh tịnh nơi y tha ấy. Với lý thuyết như vậy, Nhiếp luận nói rõ vô trú niết bàn xả bỏ phiền não chứ không xả bỏ chúng sinh. Nên Phật thường trú, thị hiện đủ loại hình mà ích lợi chúng sinh. Không những thị hiện thân Phật, thị hiện niết bàn, mà thậm chí cái thân tôi tớ giúp việc Phật cũng thị hiện. Và nói như kinh Địa tạng, cao nguyên, bình nguyên, ao hồ, suối giếng, không có gì ích lợi, có tác dụng hóa độ chúng sinh mà Phật không thị hiện.

Phật thị hiện đến như vậy mà ta không nhận biết, là vì ta là đồ bể, không thể chứa nước, hoặc chứa nước mà nước đục, nước xao động, thì chẳng bao giờ thấy được hình bóng vàng trắng. Nhiếp luận còn nói rất rõ, những người đủ mọi chương ngại, những người thiếu các yếu tố, những người bị nghiệp chướng và báo chướng quyết định, đối với những người như vậy thì Phật không thể tự tại. Cũng như nếu có nghiệp nặng trở ngại cho tiền tài địa vị, nếu được tiền tài địa vị thì chướng ngại cho thiện pháp, nếu thiếu thốn tiền tài địa vị mới biết chán hiện hữu, nếu được tiền tài địa vị thì dồn chứa nhân tố bất thiện, nếu được tiền tài địa vị thì làm hại cho người khác, thì Phật chẳng thể đem tiền tài địa vị lại cho họ.

(8) Sau hết, dầu vụn vặt một chút, ta cũng nên để ý cách nói chính xác của Nhiếp luận. Thí dụ nói căn bản và hậu đắc của trí vô phân biệt thì Nhiếp luận đã ví dụ: căn bản của trí ấy như hư không, hậu đắc của trí ấy như trong hư không ấy hiện mọi hình tượng. Nói vô trú niết bàn thì bỏ tạp nhiễm mà không bỏ chúng sinh; nói giới luật nghi là căn bản của giới nhiếp thiện pháp và giới lợi ích chúng sinh; nói duy thức thì duy thức là các pháp không thật... Đại khái như vậy, Nhiếp luận nói khá độc đáo.

Nhiếp luận nói về cách ngộ nhập, nói về địa vị ngộ nhập, tương đối rõ ràng, đơn giản. Do đó, khi Nhiếp luận mới đến Trung hoa đã được thành lập 1 tông.

---o0o---

Phần 2

Chương 1: Cương Yếu Của Đại Thừa

Chính Văn.-

Trong kinh Đại thừa a tì đạt ma, trước đức Thế tôn, các vị Bồ tát đã khéo ngộ nhập đại thừa², vì biểu thị đại thừa bản thể vĩ đại, nên nói rằng căn cứ vào đại thừa mà chư vị Thế tôn có 10 ngôn ngữ thù thắng nói về 10 tiết mục thù thắng³: một là căn cứ của các pháp sở tri, hai là sắc thái của các pháp sở tri, ba là ngộ nhập các pháp sở tri, bốn là nhân quả của sự ngộ nhập ấy, năm là sự tu tập về nhân quả ấy, sáu là giới tăng thượng trong sự tu tập, bảy là định tăng thượng trong sự tu tập, tám là tuệ tăng thượng trong sự tu tập, chín là đoạn đức của sự tu tập, mười là trí đức của sự tu tập⁴. Do những tiết mục trên đây, đã được nói trong kệ kinh đức Thế tôn ẩn chứng, mà biểu thị đại thừa thật là Phật thuyết.

Lược Giải.-

Luận này không phải tông luận, mà là thích luận, giải thích phẩm Nhiếp đại thừa của kinh Đại thừa a tì đạt ma. Phẩm ấy nói về 10 tiết mục, với chủ ý nói rằng vì những tiết mục ấy thù thắng nên ngôn ngữ diễn đạt những tiết mục ấy cũng thù thắng, nói cách khác, phải có ngôn ngữ thù thắng mới diễn đạt được nghĩa lý thù thắng. Những tiết mục ấy là cương yếu của đại thừa, nên đại thừa là Phật thuyết. Điều này chứng tỏ luận này cốt chống luận cứ đại thừa là ngụy tạo, phi Phật thuyết. Phật thuyết là kinh, kinh có 2 loại, có loại Phật tuyên thuyết, có loại Phật ẩn chứng mà bồ tát tuyên thuyết. Kinh Đại thừa a tì đạt ma là loại 2.

---o0o---

Chương 2: Đại Thừa Là Thù Thắng

Chính Văn.-

Biểu thị như thế nào? Là 10 tiết mục đã nói trên đây, trong thanh văn thừa đã không thấy nói đến, chỉ trong đại thừa mới nhiều chỗ thấy nói. (Một) nói a lại da là căn cứ của các pháp sở tri⁵. (Hai) nói 3 tánh, y tha, biến kế và viên thành là sắc thái của các pháp sở tri⁶. (Ba) nói đạo lý duy thức là sự ngộ nhập các pháp sở tri⁷. (Bốn) nói 6 độ là nhân quả của sự ngộ nhập ấy⁸. (Năm) nói 10 địa của Bồ tát là sự tu tập về nhân quả ấy⁹. (Sáu) nói bồ tát giới là giới tăng thượng trong sự tu tập. (Bảy) nói thủ lãng nghiêm, hư không tạng, và các định đồng đẳng, là định tăng thượng trong sự tu tập. (Tám) nói trí vô phân biệt là tuệ tăng thượng trong sự tu tập¹⁰. (Chín) nói niết bàn vô trú là đoạn đức của sự tu tập. (Mười) nói 3 loại thân Phật, thân tự tánh, thân thọ dụng và thân biến hóa là trí đức của sự tu tập¹¹. Do 10 tiết mục đã nói trên đây mà biểu thị đại thừa biệt lập với thanh văn thừa, lại biểu thị đức Thế tôn chỉ nói 10 tiết mục ấy cho Bồ tát, nên chỉ căn cứ vào đại thừa mà chư vị Thế tôn có 10 ngôn ngữ thù thắng về 10 tiết mục thù thắng.

Lược Giải.-

Thời đại luận này còn có cái luận cứ: đại thừa không gì khác hơn là chính tiểu thừa. Với nội dung 10 tiết mục như luận này nói, cho thấy đại thừa không thể chính là tiểu thừa. Đại thừa là đại thừa, với mọi sự thù thắng mà tiểu thừa không có.

---o0o---

Chương 3: Đại Thừa Là Phật Thuyết

Chính Văn.-

Tại sao do ngôn ngữ thù thắng của đức Thế tôn nói về 10 tiết mục thù thắng mà biểu thị đại thừa là Phật thuyết, ngăn chặn ý kiến nói thanh văn thừa là đại thừa? Vì 10 tiết mục này trong thanh văn thừa đã không thấy nói đến, chỉ trong đại thừa mới thấy chỗ này nói chỗ khác nói. Có nghĩa 10 tiết mục này là rất có năng lực dẫn ra đại bồ đề, là khéo léo xác lập, là thích ứng chứ không mâu thuẫn và có năng lực chứng được cái trí Nhất thế trí¹². Ở đây có 2 bài văn chỉnh cú¹³. 1. Căn cứ của các pháp sở tri, sắc thái của các pháp sở tri, ngộ nhập về các pháp sở tri, nhân quả của sự ngộ nhập ấy, sự tu tập về nhân quả ấy, 3 tầng thượng học của sự tu tập ấy, đoạn đức và trí đức của kết quả sự tu tập ấy, đó là những tiết mục thù thắng, thống thuộc đại thừa tối thượng. 2. Đại thừa thì thấy nói đến, mà ngoài đại thừa thì không thấy nói đến. Do vậy, 10 tiết mục nói trên là nhân tố thù thắng của đại bồ đề, và tôi chủ trương rằng đại thừa thật là Phật thuyết. Đại thừa ấy, do nói về 10 tiết mục, nên là thù thắng.

Lược Giải.-

Nội dung luận này là 10 tiết mục. Mười tiết mục là đại thừa, có năng lực dẫn ra toàn giác. Nên đại thừa là Phật thuyết, và biệt lập với tiểu thừa.

---o0o---

Chương 4: Tổng Quát Cả Đại Thừa

Chính Văn.-

Tại sao 10 tiết mục có thứ tự như vậy? Là vì (một) các vị Bồ tát trước hết phải khéo biết về căn bản của các pháp thì mới gọi là khéo biết về các pháp duyên khởi; (hai) kế đó thì phải khéo biết sắc thái của các pháp duyên khởi thì mới tách rời

được 2 cực đoạn thêm và bớt¹⁴; (ba) kế đó, vị bồ tát khéo biết này phải chính xác thông suốt, nghĩa là khéo biết về sở thủ¹⁵, làm cho tâm trí siêu thoát mọi sự chướng ngại; (bốn) kế đó, thông suốt sở thủ rồi thì, trước tiên, đối với 6 độ của da hành vị, vì chứng đắc nên càng phải thành mãn để ý lạc được trong sáng; (năm) kế đó, đối với 6 độ của ý lạc trong sáng, càng phải trải qua 10 địa mà tu tập một cách nỗ lực, tức là phải trải qua 3 đại kiếp vô số¹⁶; (sáu đến tám) trong sự tu tập này phải viên mãn về 3 học của bồ tát; (chín và mười) viên mãn rồi thì hiện chứng đại niết bàn và đại bồ đề của kết quả sự viên mãn ấy. Thứ tự được nói về 10 tiết mục là như vậy, và ở đây đã nói về toàn thể đại thừa một cách trọn vẹn.

Lược Giải.-

Mười tiết mục bao gồm tất cả cảnh, hành, quả, nên đã bao quát được toàn bộ đại thừa. Luận này lấy tên Nhiếp đại thừa là vì như vậy.

---o0o---

Tiết 1: Giải thích danh xưng để chứng minh về a lại da

Mục 1: Danh Xưng A Lại Da

Chính Văn.-

Trong 10 tiết mục thù thắng, trước hết, hãy nói về căn cứ của các pháp sở tri. Căn cứ ấy là a lại da. Ở chỗ nào đức Thế tôn đã nói a lại da tên là a lại da? Là trong kinh Đại thừa a tì đạt ma, đức Thế tôn đã nói như sau, trong một bài chính cú: Là cái nhân từ vô thí, a lại da là căn cứ mà tất cả các pháp đồng đẳng nương dựa, do đó mà có mọi nẻo đường sinh tử và có sự chứng được niết bàn¹⁷. Cũng trong kinh ấy, đức Thế tôn lại còn nói bài chính cú sau đây: Là cái chủ thức thâm tàng chủng tử¹⁸ của các pháp, nên mệnh danh là a lại da, đối với những người hơn người thì Như lai khai thị. Như vậy là đã dẫn chứng trong kệ kinh. Nhưng vì lý do nào mà gọi là a lại da? Vì, đối với các pháp tạp nhiễm¹⁹, nó thâm tàng với đặc tính làm quả, rồi cũng chính nó thâm tàng với đặc tính làm nhân, nên mệnh danh là a lại da; hoặc hữu tình thâm tàng làm tự ngã, nên mệnh danh là a lại da²⁰.

Lược Giải.-

A lại da là cái căn bản vừa là chủng tử, vừa là hiện hành, lại vừa là tự ngã, nên tên là a lại da.

---o0o---

Mục 2: Danh Xung A Đà Na

Chính Văn.-

A lại da cũng mệnh danh là a đà na. Ở đây, kệ kinh là như kinh Giải thâm mật nói: A đà na thức cực kỳ vi tế, tất cả chúng tử tựa như dòng nước dốc²¹, Như lai không nói cho phàm phu và tiểu thừa, vì sợ họ phân biệt chấp làm tự ngã. Nhưng vì lý do nào mà mệnh danh a lại da là a đà na? Là vì nó chấp thọ sắc căn, chấp thủ tự thể. Tại sao, vì các sắc căn do nó chấp thọ mới không biến hoại, tùy chuyển suốt đời; lại lúc mới liên tục kiết sinh thì nó chấp thủ kiết sinh ấy làm tự thể²². Do vậy mà a lại da cũng mệnh danh là a đà na.

Lược Giải.-

Sinh mệnh là biểu hiện của a lại da, nên a lại da có tên là a đà na.

Đoạn 1: Giải Thích Trước Về Ý

Chính Văn.-

A lại da cũng mệnh danh là tâm, như đức Thế tôn nói tâm ý thức 3 thứ. Trong đây ý có 2 loại. Thứ nhất là làm đấng vô gián duyên, tức cái ý vô gián diệt làm cho ý thức sinh ra. Thứ hai là cái ý ô nhiễm thường tương ứng với 4 phiền não ngã kiến, ngã mạn, ngã ái, ngã si, và chính nó là cái làm cho ý thức tạp nhiễm. Ý thức do ý thứ nhất mà phát sinh, do ý thứ hai mà tạp nhiễm. Vì là đặc tính nhận thức đối cảnh (nên cũng là thức), lại vì là đấng vô gián và vì là đặc tính tư lượng, nên ý có 2 loại²³.

Lược Giải.-

Trong duy thức học, sự khám phá và thuyết minh về ý cũng rất quan trọng và đặc thù. Ý là ý thức tự ngã. Chính ý thức tự ngã này làm cho tâm thức tạp nhiễm, rồi ý thức tự ngã này chuyển đổi đi thì chính ý làm cho tâm thức thanh tịnh. Do đó mà ý được gọi là nhiễm tịnh y.

Chính Văn.-

Làm sao biết có cái ý ô nhiễm? Là vì cái ý ô nhiễm nếu không có thì (một) vô minh bất cộng không có, mà như vậy là có lỗi; (hai) cái đồng pháp với 5 thức cũng không có, mà như vậy là có lỗi, vì 5 thức quyết định có 5 căn làm câu hữu y; (ba) sự huân thích danh từ cũng không có, mà như vậy là có lỗi; (bốn) sự khác nhau

giữa vô tướng định và diệt tận định cũng không có, mà như vậy là có lỗi, vì vô tướng định còn có ý ô nhiễm chứ không phải diệt tận định, không như vậy thì 2 định này đáng lẽ không khác gì nhau; (năm) suốt thì gian sinh trời vô tướng đáng lẽ không có ô nhiễm, nghĩa là không có ngã chấp và ngã mạn, mà như vậy là có lỗi; (sáu) có ý ô nhiễm nên trong các tâm thiện, ác và vô ký, lúc nào ngã chấp cũng hiện hành thấy được, trái lại thì đáng lẽ chỉ trong tâm ác mới có ngã và ngã sở tương ưng mà hiện hành, chứ không phải trong tâm thiện và tâm vô ký - nên có cái ý ô nhiễm hiện hành vì câu hữu chứ không phải hiện hành vì tương ưng, thì không có cái lỗi này²⁴.

Lược Giải.-

Ý ô nhiễm chính là ý thức tự ngã. Ý thức tự ngã phải có mới có sự ô nhiễm mà lúc nào tâm thức cũng có.

Chính Văn.-

Ở đây có 4 bài chính cú: 1. Vô minh bất cộng, đồng pháp 5 thức, huân thích danh từ, 2 định khác nhau, nếu không có ý ô nhiễm thì 4 sự ấy không có, và như thế thì thành ra có lỗi. 2. Nếu không có ý ô nhiễm thì đáng lẽ sinh trời vô tướng không còn ngã chấp, như vậy là có lỗi; ngã chấp thường có trong tất cả tâm thức thiện, ác và vô ký, sự ấy cũng không có nếu không có ý ô nhiễm. 3. Không có ý ô nhiễm thì 2 lý do đầu và 3 lý do tiếp theo, đều không thể có được, và như vậy thì mâu thuẫn với chính tiểu thừa; không có ý ô nhiễm thì đáng lẽ không phải lúc nào cũng có ngã chấp. 4. Tuệ giác sẽ sinh mà nó thường làm trở ngại, nó lại đi trong tất cả tâm thức²⁵, nó đó là vô minh bất cộng.

Lược Giải.-

Trong 4 bài chính cú này, quan trọng là bài cuối cùng, nói về vô minh bất cộng và ngã chấp thường có: đó là chứng cứ thấy rõ nhất về ý.

Chính Văn.-

Vì ý thì ô nhiễm, nên tính chất của nó là hữu phú vô ký. Nó thường tương ưng với 4 phiền não. Như phiền não ở cõi Sắc và Vô sắc thuộc về tính chất hữu phú vô ký, vì phiền não 2 nơi này bị xa ma tha chế ngự, ý cũng vậy, lúc nào cũng vi tế hằng hữu, nên nó là hữu phú vô ký²⁶.

Lược Giải.-

Chúng sinh tu chứng được là vì ý là vô ký.

Đoạn 2: Giải Thích Về Tâm

Chính Văn.-

Tâm trong 3 thứ tâm ý thức, nếu không có a lại da thì không có được. Do vậy mà xác lập a lại da là tâm, do tâm làm chủng tử mà có ý và thức. Thế nhưng vì lý do gì mà a lại da mệnh danh là tâm? Vì nó là nơi qui tụ của chủng tử các pháp huân tập. Tại sao trong thanh văn thừa không nói tâm mệnh danh là a lại da và mệnh danh là a đà na? Vì đó là lĩnh vực cực kỳ vi tế. Sự thể này như thế nào? Vì tuệ giác của các vị thanh văn không nhắm vào toàn bộ đối cảnh, nên đối với họ, tách rời a lại da đi nữa, tuệ giác vẫn thành tựu, giải thoát vẫn thành tựu, nên Phật không cần nói cho họ về a lại da. Còn các vị bồ tát thì tuệ giác quyết định phải nhắm vào toàn bộ đối cảnh, nên Phật cần nói cho các vị ấy. Có nghĩa nếu tách rời tuệ giác nhắm vào toàn bộ đối cảnh thì không dễ dàng chứng được cái trí Nhất thế trí.

---o0o---

Mục 3: Các Danh Xưng Khác Trong Tiểu Thừa

Chính Văn.-

Thật ra trong thanh văn thừa cũng đã dùng cách nói khác và ý tứ kín mà nói về a lại da. Như trong Tăng nhất a hàm nói chúng sinh yêu a lại da, thích a lại da, ưa a lại da, khoái a lại da; để hủy diệt cái a lại da như vậy nên khi đức Như lai thuyết pháp thì cung kính, tập trung tinh giác, chuyên chú vào sự tìm hiểu, thuận theo pháp và làm theo pháp; đức Như lai xuất thế nên cái pháp kỳ lạ hiếm có (nhắm vào sự hủy diệt a lại da) như vậy xuất hiện thế gian. Trong kinh Bốn thành quả Như lai xuất hiện của thanh văn thừa cũng đã dùng cách nói khác và ý tứ kín mà nói về a lại da. A hàm của Đại chúng bộ cũng đã dùng cách nói khác và ý tứ kín mà nói a lại da với cái tên căn bản thức, tựa như gốc rễ làm chỗ dựa cho cái cây. Trong Hóa địa bộ cũng đã dùng cách nói khác và ý tứ kín mà nói a lại da là cái uẩn cùng tận sinh tử, có chỗ có lúc thấy sắc và tâm mất đi, nhưng không phải chủng tử của chúng nơi a lại da đã mất²⁷.

Lược Giải.-

Trong cái gọi là Phật giáo nguyên thủy thì có 2 kinh đã nói a lại da; trong cái gọi là Phật giáo bộ phái thì có 2 bộ đã nói căn bản thức và cùng sinh tử uẩn.

---o0o---

Mục 4: Lời Kết

Chính Văn.-

Như vậy căn cứ của các pháp sở tri được nói là a lại da thức, là a đà na thức, là tâm, là a lại da, là căn bản thức, là cùng sinh tử uẩn. Do những cách nói khác nhau như vậy mà a lại da thành ra như đại lộ của đại vương đi.

---o0o---

Tiết 2: Ngăn Chận Sự Giải Thích Khác Đi

Chính Văn.-

Có người nói tâm ý thức, ý nghĩa là một, chỉ danh từ khác nhau. Nói như vậy không đúng. Ý với thức đã có thể thấy được ý nghĩa khác nhau, thì tâm cũng vậy, ý nghĩa phải khác. Có người nói đức Thế tôn nói chúng sinh yêu a lại da, cho đến nói rộng hơn, thì ở đây chính 5 uẩn là a lại da. Có người nói cái lạc thọ đi đôi với tham, gọi là a lại da. Có người nói ngã kiến là a lại da. Các vị này, do giáo lý và luận chứng, cho thấy họ ngu mê a lại da nên có những kiến chấp như vậy. Cái lối giải thích a lại da như họ nói, đối với đạo lý của thanh văn thừa cũng đã mâu thuẫn. Nếu không ngu mê a lại da thì đã phải lấy thức a lại da đặt tên a lại da. Đặt tên như vậy thì hơn hết. Hơn hết như thế nào? Nếu 5 uẩn là a lại da, thì sinh chỗ thuận khổ trong các đường dữ, phải rất chán nghịch, chúng sinh tuyệt đối không yêu thích, thường mong rời bỏ cho mau, vậy mà nói chấp tàng thì không đúng đạo lý. Nếu nói cái lạc thọ đi đôi với tham là a lại da, thì tứ thiên sắp lên đã không có lạc thọ ấy, lạc thọ ấy chúng sinh tứ thiên thường chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng thì không đúng đạo lý. Nếu nói ngã kiến là a lại da, thì những người tin hiểu vô ngã trong chánh pháp thường có sự chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng thì không đúng đạo lý. A lại da chính là tự ngã, nên dẫu sinh chỗ thuận khổ trong đường dữ, thường mong bỏ được khổ uẩn, nhưng vẫn thường có ngã ái, nên chưa hề có ý thức cầu bỏ. Dẫu sinh tứ thiên sắp lên, thường chán nghịch cái lạc thọ đi đôi với tham, nhưng vẫn thường có cái ngã ái a lại da theo dõi họ. Dẫu những người tin hiểu vô ngã trong chánh pháp thường chán nghịch ngã kiến, nhưng vẫn thường có ngã ái a lại da theo dõi họ. Do vậy, đem thức a lại da đặt tên a lại da thì xác lập hơn hết.

---o0o---

Mục 1: Nói Về 3 Đặc Tính

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói danh xưng khác biệt của a lại da, còn đặc tính của a lại da thì thế nào? Qui định đặc tính của a lại da thì đại khái có 3: một là đặc tính đặc hữu, hai là đặc tính làm nhân, ba là đặc tính làm quả²⁸. Đặc tính đặc hữu của a lại da là, với khả năng thu giữ chủng tử, a lại da có cái đặc tính tiếp nhận các pháp tạp nhiễm²⁹ huân tập rồi làm nhân sinh ra các pháp ấy. Đặc tính làm nhân là chính cái a lại da thu giữ chủng tử ấy lúc nào cũng làm nhân sinh ra các pháp tạp nhiễm. Đặc tính làm quả là chính cái a lại da ấy tiếp nhận các pháp tạp nhiễm huân tập mà vô thì đến giờ liền tục hiện hữu.

Lược Giải.-

Vạn hữu là hiện tượng của a lại da, đó là đặc tính làm nhân của nó. A lại da qui tụ tiềm năng của vạn hữu, đó là đặc tính làm quả của nó. Cả 2 đặc tính gồm lại là đặc tính đặc hữu của nó: đặc tính đặc hữu của nó là thu giữ chủng tử, nghĩa là tiếp nhận huân tập (làm quả) và phát sinh các pháp (làm nhân). Nói tóm, hiện tượng là hiện tượng của a lại da, tiềm năng là tiềm năng của a lại da, a lại da có cái đặc tính làm chủ thể như vậy.

---o0o---

Mục 2: Nói Về Sự Huân Tập

Chính Văn.-

Huân tập là thế nào? Huân tập là năng thuyên, vậy sở thuyên là gì? Sở thuyên của từ ngữ huân tập là cái này với cái kia cùng sinh cùng diệt³⁰, rồi cái này thành ra có cái kia, đó là sở thuyên của từ ngữ huân tập. Ví như mè ướp hoa, mè với hoa cùng sinh cùng diệt, rồi mè thành ra có cái hơi thơm của hoa³¹. Lại như nói hành giả tham lam, thì đó là tham lam huân tập, tâm của hành giả với sự tham lam ấy cùng sinh cùng diệt, nên tâm của hành giả có cái tham lam ấy. Hoặc nói người đa văn, thì có nghĩa người ấy do đa văn huân tập, cùng sinh cùng diệt với tác ý của đa văn, nên tâm hành giả có ký ức của đa văn, và vì thu giữ cái đã được huân tập mà gọi là người nắm chắc chánh pháp. Đạo lý huân tập nơi a lại da, nên biết cũng là như vậy.

Lược Giải.-

Nhìn vào những ví dụ thì thấy tuồng như huân tập là cái này không có cái kia, nhưng huân tập cái kia mà thành ra có cái kia. Thật ra đạo lý huân tập muốn nói cái năng tính tiếp nhận huân tập. Nếu mà không có cái năng tính tiếp nhận hơi thơm thì có ướp hoa cũng không thơm được. Vậy cái năng tính thọ huân mới chính là yếu tố thọ huân. Sự huân tập của a lại da là như vậy.

---o0o---

Mục 3: Nói A Lại Da Với Chúng Tử Là Đồng Nhất Hay Biệt Lập

Chính Văn.-

Nơi a lại da, chúng tử của các pháp tạp nhiễm là biệt lập hay đồng nhất? Nơi a lại da, không phải chúng tử có thật và biệt lập, nhưng cũng không phải đồng nhất. A lại da phát sinh, có nghĩa là những năng tính khác nhau phát sinh, nên có cái tên thức chúng tử.

Lược Giải.-

Cái tay có khả năng viết chữ, khả năng ấy không phải đồng nhất hay biệt lập với cái tay. Thế nhưng khả năng ấy được huân tập mà có, rồi bị huân tập mà không, còn cái tay không vì vậy mà có hay không theo. A lại da với chúng tử cũng là như vậy.

---o0o---

Mục 4: Nói A Lại Da Với Các Pháp Làm Nhân Duyên Cho Nhau

Chính Văn.-

A lại da với các pháp tạp nhiễm đồng thời mà làm nhân tố cho nhau, sự ấy làm sao thấy được? Ví như đèn sáng, ngọn đèn với tim đèn đồng thời mà vẫn có sự hỗ tương. Lại như một bó lau, dựa nhau giữ nhau mà đồng thời không ngã. Hãy quan sát cái đạo lý hỗ tương ở đây cũng là như vậy: A lại da là nhân tố cho các pháp tạp nhiễm, các pháp tạp nhiễm cũng là nhân tố cho a lại da³², chỉ sự thể này mới lập ra cái nghĩa nhân duyên³³, còn nhân duyên nào khác nữa thì không thể có được.

Lược Giải.-

Khi nói nhân duyên mới thật nói duy thức.

---o0o---

Mục 5: Nói A Lại Da Là Nhân Của Các Pháp Đa Dạng

Chính Văn.-

Tại sao a lại da huân tập thì không đa dạng, mà lại làm nhân cho các pháp đa dạng? Như tấm vải được nhuộm, khi nhuộm thì chưa có đa dạng, nhuộm rồi thì nơi tấm vải có những màu sắc và đường nét đa dạng. A lại da cũng vậy. Nó được sự huân tập bởi các pháp đa dạng, nhưng khi huân tập thì chưa có đa dạng, huân tập rồi thì các pháp đa dạng hiện hành.

Lược Giải.-

Như cái tay tuy luyện tập mọi khả năng mà vẫn không thấy đa dạng, nhưng lúc thi thố khả năng ấy thì thấy rất đa dạng. A lại da cũng vậy, huân tập chủng tử thì không thấy đa dạng, nhưng chủng tử hiện hành thì thấy rất đa dạng.

Đoạn 1: Nói Về 2 Loại Duyên Khởi

Chính Văn.-

Sự duyên khởi như đã nói trên đây, thì trong đại thừa cũng đã rất sâu xa. Thêm nữa, nói đại khái thì duyên khởi có 2 loại. Một là duyên khởi ra tự tánh khác nhau, hai là duyên khởi ra tự thể khác nhau³⁴. Ở đây do a lại da mà các pháp sinh ra, đó là duyên khởi ra tự tánh khác nhau, vì làm duyên tố cho những tự tánh khác nhau. Lại có sự duyên khởi của 12 chi, đó là duyên khởi ra tự thể khác nhau, vì làm duyên tố cho những tự thể tốt xấu khác nhau.

Lược Giải.-

Cả 2 sự duyên khởi đều là do a lại da. Duyên khởi thứ nhất do danh ngôn huân tập, duyên khởi thứ hai do hữu chi huân tập. Duyên khởi thứ nhất là chất liệu, duyên khởi thứ hai là tổ hợp. Nhân sinh vũ trụ do duyên khởi thứ nhất mà thành các pháp biệt thể khác nhau, do duyên khởi thứ hai mà các pháp biệt thể ấy thành ra quả báo tổng thể khác nhau.

Chính Văn.-

Nơi a lại da, nếu ngu mê sự duyên khởi thứ nhất thì có kẻ cho tự tánh là nguyên nhân, có kẻ cho túc tác là nguyên nhân, có kẻ cho tự tại là nguyên nhân, có

kẻ cho thật ngã là nguyên nhân, có kẻ cho không có nguyên nhân³⁵. Nếu ngu mê sự duyên khởi thứ hai thì có kẻ cho thật ngã là tác giả, có kẻ cho thật ngã là thọ giả³⁶. Ví như những kẻ đui mù bẩm sinh, chưa thấy con voi bao giờ, có người đem con voi bảo họ sờ. Những kẻ đui mù ấy người sờ nhằm vòi voi, người sờ nhằm ngà voi, người sờ nhằm tai voi, người sờ nhằm chân voi, người sờ nhằm đuôi voi, người sờ nhằm u lưng voi. Ai hỏi họ voi là gì, thì người nói như cán cây, người nói như cái chày, người nói như cái ky, người nói như cái cối, người nói như cái chổi, người nói như núi đá. Cái vô minh đui mù, không biết 2 loại duyên khởi thì cũng tương tự như vậy: có người chấp tự tánh làm nguyên nhân, có người chấp túc tác là nguyên nhân, có người chấp tự tại làm nguyên nhân, có người chấp thật ngã làm nguyên nhân, có người chấp không có nguyên nhân, có người chấp thật ngã là tác giả, có người chấp thật ngã là thọ giả, trong khi a lại da với đặc tính đặc hữu, đặc tính làm nhân và đặc tính làm quả, thì như con voi mà họ không biết đến.

Lược Giải.-

Đây là ví dụ mà thường nói là người mù sờ voi.

Chính Văn.-

Nếu nói tổng quát, thì a lại da là dị thực thức, là chủng tử thức, nên bao quát tất cả tự thể (và tự tánh)³⁷ trong 3 cõi, mọi đường lành dữ.

Lược Giải.-

A lại da hiện hành tự tánh thì gọi là chủng tử thức. A lại da hiện hành tự thể thì gọi là dị thực thức.

Đoạn 2: Nói Về Chủng Tử

Chính Văn.-

Ở đây có 5 bài chính cú: 1. và 2. Chủng tử có loại ở ngoài và loại ở trong³⁸, cả 2 loại (đều là tính chất vô ký), không phải rõ ràng thiện hay ác. Chủng tử ở ngoài là nói theo cái biết thông thường, chủng tử ở trong mới nói theo cái nghĩa thù thắng. Cả 2 loại chủng tử đều có 6 đặc tính: một là sát na diệt, hai là quả câu hữu, ba là hằng tùy chuyển, bốn là tánh quyết định, năm là đãi chủng duyên, sáu là dẫn tự quả. 3. Kiên trụ, vô ký, khả huân, tương ưng với năng huân: sở huân không thể khác 4 đặc tính này, và đó là sắc thái huân tập³⁹. 4. Sáu thức không có đặc tính tương ưng với năng huân, vì có 3 sự sai biệt nên mâu thuẫn với nghĩa sở huân: 2 giai đoạn trước với sau (dầu đồng loại mà) không phải câu hữu, nên cũng như bao

thứ đồng loại khác, thành ra sai lầm⁴⁰. 5. Chủng tử ở ngoài và chủng tử ở trong đều có đặc tính năng sinh và đặc tính năng dẫn, nên biết như vậy. Nên cây khô với thân chết do đặc tính năng dẫn mà vẫn còn một thì gian sau mới tiêu diệt⁴¹.

Lược Giải.-

Cách nói về chủng tử và sở huân như ở đây, là cốt chứng minh chỉ có chủng tử nơi a lại da mới thật là chủng tử, chỉ có a lại da mới thật là chủ thể sở huân.

Chính Văn.-

Để biểu thị chủng tử ở trong không phải như chủng tử ở ngoài, nên nói thêm 2 bài tụng: 1 và 2. Chủng tử ở ngoài (hoặc có huân tập) hoặc không huân tập, không phải như chủng tử ở trong quyết định phải có huân tập. Phải biết như vậy. Nếu sự huân tập đa văn không có, mà có kết quả của sự đa văn thì phi lý; lại làm thì mất, không làm mà được, mâu thuẫn như vậy nên sai lầm⁴². Chủng tử ở ngoài do chủng tử ở trong làm nhân duyên, vì do a lại da tiếp nhận huân tập⁴³.

Lược Giải.-

Sự khác nhau giữa chủng tử trong và chủng tử ngoài cho thấy chỉ chủng tử sinh hiện hành và hiện hành sinh chủng tử mới là nhân duyên, do a lại da làm chủ thể. Cái nghĩa duy thức là ở đây. Chủng tử sinh hiện hành (kể cả hiện hành tâm và vật), nếu có cái khái niệm vạn hữu do nguyên tử chuyển động mà hình thành, thì có thể có khái niệm ấy.

Đoạn 3: Qui Nạp Theo 2 Thức Và 4 Duyên

Chính Văn.-

Ngoài a lại da, những chuyển thức khác, đối với tất cả tự thể trong các nẻo đường sinh tử, nên biết gọi là cái thức thọ dụng. Như trong luận Trung biên phân biệt có bài chính cú, nói cái thứ nhất gọi là thức nhân duyên, cái thứ hai gọi là thức thọ dụng. Sự thọ dụng, sự phân biệt và sự suy động là những tâm sở thuộc về thức thọ dụng⁴⁴. Hai thức như trên lại làm nhân duyên cho nhau, như bài chính cú trong kinh Đại thừa a tì đạt ma đã nói: Các pháp đối với tàng thức thể nào thì tàng thức đối với các pháp cũng vậy, làm quả cho nhau mà cũng làm nhân cho nhau⁴⁵.

Lược Giải.-

Sự qui nạp 2 thức nhân duyên và thọ dụng cũng cốt nói a lại da làm chủ thể nhân duyên: hiện sinh chủng hay chủng sinh hiện, đều là a lại da và các chuyển thức của nó.

---o0o---

Tiết 3

Chính Văn.-

Trong sự duyên khởi thứ nhất thì 2 thức như vậy làm nhân duyên cho nhau, còn trong sự duyên khởi thứ hai thì là duyên gì, là tăng thượng duyên. Và như vậy thì 6 thức do mấy duyên nữa sinh ra, do tăng thượng duyên, sở duyên duyên, đẳng vô gián duyên⁴⁶. Còn 3 sự duyên khởi, một là cùng tận sinh tử, hai là đường lành đường dữ, ba là khả năng thọ dụng, thì đủ cả 4 duyên⁴⁷.

Lược Giải.-

Sự qui nạp 2 thức (và 3 duyên khởi) với 4 duyên cũng cốt nói a lại da là nhân duyên, ngoài ra tất cả đều là các duyên khác chứ không phải nhân duyên, mà nhân duyên mới là duy thức.

---o0o---

Mục 1: Nói Tổng Quát

Chính Văn.-

Như vậy là đã xác lập danh xưng và đặc tính của a lại da, nhưng làm sao biết được danh xưng và đặc tính như vậy quyết định chỉ chỉ cho a lại da chứ không phải chỉ cho chuyển thức? Bởi vì nếu phi cái a lại da đã được xác lập thì tạp nhiễm và thanh tịnh đều bất thành: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm đã bất thành, mà thanh tịnh của thế gian và thanh tịnh của xuất thế cũng bất thành.

---o0o---

Mục 2: Nói Phiền Não Tạp Nhiễm Phi A Lại Da Thì Bất Thành

Đoạn 1: Nói Chuyển Thức Huân Tập Phiền Não Bất Thành

Chính Văn.-

Tại sao phiền não tạp nhiễm bất thành? Vì phiền não và tùy phiền não huân tập thành chủng tử, sự đó nếu nói ở nơi 6 thức thì không hợp lý. Tại sao, vì nếu nói nhân thức với phiền não và tùy phiền não cùng sinh cùng diệt, nhân thức được phiền não và tùy phiền não huân tập thành ra chủng tử, chứ không phải cái nào khác, thì chính nhân thức ấy nếu diệt mất, thức khác xen vào, như vậy thì sự huân tập, và chỗ dựa của sự huân tập, đều không thể có được - Có nghĩa nhân thức diệt mất, thức khác xen vào, hiện không còn thực thể, vậy nói nhân thức với phiền não cùng sinh thì không hợp lý, vì nhân thức đã quá khứ, hiện không còn thực thể, tựa như cái nghiệp đã quá khứ, hiện không còn thực thể gì nữa, mà nói nó sinh ra quả báo, thì không hợp lý. Giả sử cho nhân thức với phiền não cùng sinh mà có sự huân tập thì cũng bất thành: sự huân tập ấy không thể ở nơi phiền não, vì phiền não là năng y, không kiên trụ; cũng không thể nói ở nơi thức khác, vì thức khác thì cái căn sở y riêng biệt, lại không quyết định cùng sinh cùng diệt; cũng không thể nói ở ngay nơi bản thân nhân thức, vì bản thân thì quyết định không có sự cùng sinh cùng diệt. Do vậy, nói nhân thức với phiền não có sự huân tập thì không hợp lý, mà nhân thức ấy cũng không thể do thức khác huân tập. Nói nhân thức như vậy thì các chuyển thức khác cũng vậy, nên nhận thức một cách thích đáng.

Đoạn 2: Nói Ly Dục Thoái Xuống Phiền Não Bất Thành

Chính Văn.-

Từ những chỗ ở trên, như trời Vô tướng v/v, chết rồi sinh xuống ở đây, thì bảy giờ phiền não và tùy phiền não làm tạp nhiễm cái thức đầu tiên, cái thức ấy khi phát sinh lẽ đáng không có chủng tử, vì chỗ dựa và sự huân tập đều đã quá khứ, hiện không còn thực thể gì.

Đoạn 3: Nói Thức Đối Trị Sinh Phiền Não Bất Thành

Chính Văn.-

Cái thức đối trị phiền não sinh ra, thì mọi cái thức thế gian đều diệt mất, bảy giờ nếu tách rời a lại da, nói chủng tử phiền não và tùy phiền não ở nơi cái thức đối trị thì không hợp lý, vì thức đối trị tính nó là giải thoát, không cùng sinh cùng diệt với phiền não và tùy phiền não. Sau cái thức đối trị, cái thức thế gian sinh ra lại, bảy giờ nếu tách rời a lại da thì mọi sự huân tập và chỗ dựa của sự huân tập đều đã quá khứ, hiện không còn thực thể gì, vậy cái thức thế gian sinh ra lại đó đáng lẽ không có chủng tử mà được phát sinh. Do vậy, nếu không có a lại da thì phiền não tạp nhiễm mọi trường hợp đều bất thành.

Mục 3: Nói Nghiệp Tụp Nhiễm Phi A Lại Da Thì Bất Thành

Chính Văn.-

Tại sao nghiệp tụp nhiễm bất thành? Vì hành làm duyên tố cho thức là không thích đáng, nếu không có a lại da; nếu không có a lại da thì thủ làm duyên tố cho hữu cũng không thích đáng.

Lược Giải.-

Hành với thủ đều là nghiệp mà một thuộc quá khứ, một thuộc hiện tại. Hành duyên thức, hành là nghiệp, thức là a lại da, thế thì nghiệp thành tựu; không có a lại da thì thức đó là thức nào cũng không hợp lý. Thủ duyên hữu cũng vậy.

Số 1: Nói Kiết Sinh Liên Tục Bất Thành

Chính Văn.-

Tại sao sinh tụp nhiễm bất thành? Vì sự kiết sinh liên tục không được thích đáng. Có ai chết rồi sinh ra ở cõi Dục này, thì được giải thích rằng giai đoạn trung hữu có cái ý thức ô nhiễm kiết sinh liên tục; cái ý thức ô nhiễm ấy diệt mất ở giai đoạn trung hữu, nhưng trong thai mẹ thành ra cái thức hóa hợp với tinh huyết. Như vậy có nghĩa chính ý thức hóa hợp với tinh huyết, hóa hợp rồi do ý thức ấy mà trong thai mẹ có cái ý thức khác chuyển sinh, nếu thế thì đáng lẽ phải có 2 cái ý thức cùng lúc chuyển sinh trong thai mẹ. Nếu chính cái thức hóa hợp với tinh huyết là ý thức, thì không hợp lý, vì cái thức hóa hợp ấy là ô nhiễm, là bất đoạn, là không có đối cảnh⁴⁸. Giả thiết cái thức hóa hợp là chính ý thức, thì cái thức hóa hợp ấy là thức chủng tử? hay cái ý thức do cái thức ấy sinh ra mới là thức chủng tử? Nếu cái thức hóa hợp là thức chủng tử, thì thế chính là a lại da mà các người lấy tên khác gọi là ý thức. Nếu cái ý thức do thức hóa hợp sinh ra mới là thức chủng tử, thế thì cái thức làm chỗ dựa, cái thức làm nhân lại không phải là thức chủng tử, còn cái thức dựa vào nó, cái thức làm quả lại là thức chủng tử: như thế thật không hợp lý. Do vậy, hãy xác định cái thức hóa hợp không phải là ý thức, mà là thức dị thực, thức chủng tử.

Số 2: Nói Chấp Thọ Căn Thân Bất Thành

Chính Văn.-

Kiếp sinh liên tục rồi, nếu không có thức dị thực thì sự chấp thọ sắc căn không thể có được. Ngoài thức dị thực, những thức khác đều có cái căn sở y khác nhau, đều không kiên trụ, mà các sắc căn thì không thể tách rời với thức.

Số 3: Nói Thức Với Danh Sắc Dựa Nhau Bất Thành

Chính Văn.-

Nếu tách rời thức dị thực, thì thức với danh sắc nương tựa vào nhau, y như bó lau tựa nhau mà đứng, sự đó cũng bất thành.

Số 4: Nói Thức Thực Bất Thành

Chính Văn.-

Nếu tách rời thức dị thực, thì hữu tình sinh ra rồi, sự thức thực⁴⁹ bất thành. Tại sao, vì trong 6 thức, lấy ra thức nào cũng không thể làm thức thực cho hữu tình đã sinh ra trong 3 cõi.

Số 1: Nói Chung Tử Của Tâm Kiết Sinh Bất Thành

Chính Văn.-

Nếu chết ở cõi Dục này, chính lúc thọ sinh ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, thì đó là cái ý thức ô nhiễm của cõi Dục liên tục kiếp sinh. Cái ý thức ô nhiễm này lệ thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, vậy nếu nó không phải là thức dị thực, thì bất cứ cái gì làm chung tử cũng không thể có được.

Số 2: Nói Chung Tử Của Thiện Tâm Ô Nhiễm Bất Thành

Chính Văn.-

Sinh cõi Vô sắc, nếu tách rời thức chung tử dị thực, thì cái thiện tâm ô nhiễm ở cõi ấy đáng lẽ không có chung tử, nó không có chỗ dựa để được duy trì.

Số 3: Nói Dị Thực Của Tâm Xuất Thế Bất Thành

Chính Văn.-

Chính nơi cõi Vô sắc, nếu cái tâm xuất thế hiện tiền thì cái tâm thế gian mất hết, bấy giờ đáng lẽ rời mất cõi Vô sắc ấy. Nếu sinh chỗ Phi tướng phi phi tướng mà cái tâm xuất thế của chỗ Vô sở hữu hiện tiền, thì khi đó cả 2 chỗ ấy đáng lẽ rời

mất hết. Bởi vì cái tâm xuất thế kia không lấy chỗ Phi tướng phi phi tướng làm chỗ dựa, không lấy chỗ Vô sở hữu làm chỗ dựa, cũng chưa phải lấy Niết bàn làm chỗ dựa, (mà chỉ có thể dựa vào thức dị thực).

Đoạn 2: Nói Khi Chết

Chính Văn.-

Lại nữa, khi chết thì tùy điều thiện hay điều ác đã làm mà cái thân sở y, hoặc bắt đầu từ dưới trở lên, hoặc bắt đầu từ trên sắp xuống, dần dần phát lạnh. Nếu không tin có a lại da thì sự thể như vậy không thể có được. Do vậy, nếu tách rời thức chủng tử dị thực⁵⁰ thì sinh tạp nhiễm cũng bất thành.

---o0o---

Mục 5: Nói Thanh Tịnh Của Thế Gian Phi A Lại Da Thì Bất Thành

Chính Văn.-

Tại sao sự thanh tịnh của thế gian bất thành? Người nào có cái tham lệ thuộc cõi Dục mà chưa có cái tâm lệ thuộc cõi Sắc, thì đem chính cái thiện tâm lệ thuộc cõi Dục⁵¹ làm cái tâm ham muốn ly dục mà siêng năng tu tập. Cái tâm tu tập lệ thuộc cõi Dục này cùng với cái tâm lệ thuộc cõi Sắc không cùng sinh cùng diệt, nên cái tâm lệ thuộc cõi Sắc không phải được huân tập bởi cái tâm tu tập lệ thuộc cõi Dục, vậy nói nó làm chủng tử cho cái tâm lệ thuộc cõi Sắc thì không hợp lý. Lại nữa, cái tâm lệ thuộc cõi Sắc nhiều đời quá khứ, bị những tâm khác xen cách, không thích đáng làm chủng tử cho cái định tâm ngày nay của cõi Sắc, bởi vì nó đã không còn có nữa. Vì vậy, hãy xác định rằng cái định tâm lệ thuộc cõi Sắc là do thức chủng tử dị thực triển chuyển truyền lại, làm nhân duyên ngày nay cho nó, còn cái thiện tâm tu tập thì làm tăng thượng duyên. Phải nhận thức thích đáng như vậy đối với tất cả các chỗ ly dục. Và như vậy, nếu tách rời thức chủng tử dị thực, thì sự thanh tịnh của thế gian theo lẽ bất thành.

Thứ 1: Nói Sự Văn Huân Tập Phi A Lại Da Thì Bất Thành

Chính Văn.-

Tại sao sự thanh tịnh của xuất thế bất thành? Như đức Thế tôn dạy, rằng do lời tiếng của Ngài mà trong tâm người nghe có cái tác ý đúng lý, cái tác ý này làm nhân cho chánh kiến được sinh ra. Hãy xét coi cái tác ý đúng lý do lời tiếng của Phật mà có ra đó, nó huân tập nhĩ thức? huân tập ý thức? hay huân tập cả hai?

Khi tư duy đúng lý đối với chánh pháp được nghe, thì nhĩ thức không còn phát sinh; ngay ý thức cũng bị các thức tán loạn khác xen cách, khi cái tác ý đúng lý phát sinh, thì cái ý thức được sự nghe huân tập, cùng với sự huân tập ấy, đã quá khứ cả rồi, quyết định không còn thực thể gì nữa, làm sao còn làm chủng tử để sinh ra cái tâm thích ứng với cái tác ý đúng lý sau này? Lại nữa, cái thích ứng với tác ý đúng lý là tâm thể gian, cái thích ứng với chánh kiến là tâm xuất thế, hai cái chưa hề cùng sinh cùng diệt, nên cái tâm này không phải cái tâm kia huân tập, không huân tập mà nói nó làm chủng tử cho cái tâm này thì không hợp lý. Do vậy, nếu tách rời thức chủng tử dị thực thì sự thanh tịnh xuất thế cũng không thể thành tựu, vì vẫn huân tập thâu giữ chủng tử của chánh kiến là điều không thích đáng.

Số 1: Nói Về Nhân

Chánh Văn.-

Tại sao thức chủng tử dị thực là cái nhân tạp nhiễm mà lại làm chủng tử cho cái tâm xuất thế thanh tịnh đối trị lại chính cái nhân tạp nhiễm? Cái tâm xuất thế xưa chưa hề được huân tập, huân tập không có; huân tập không có thì chủng tử do đâu sinh ra? Do vậy, nên giải đáp rằng do cái chủng tử được huân tập bởi sự chánh văn đẳng lưu⁵² từ pháp giới tối thanh tịnh.

Lược Giải.-

Đoạn này có vẻ không phải tư tưởng chánh văn là xuất từ chủng tử vô lậu vốn có của a lại da. Nếu lấy tư tưởng chỗ khác, như Khởi tín luận, mà giải thích đoạn này, thì a lại da là pháp giới tối thanh tịnh đang bị che lấp nơi chúng sinh, nhưng từ pháp giới tối thanh tịnh đã được hiển lộ nơi chư Phật mà huân tập cho sự chánh văn rồi dẫn ra chánh kiến. Tựa như cái tay của ta đang chỉ xuống được cái tay đã chỉ lên của người khác đỡ cho chỉ lên. Điều này được gọi là cái dụng huân tập của chân như.

Số 2: Nói Về Sở Y

Chánh Văn.-

Chánh văn huân tập như vậy là tự tánh a lại da, hay không phải là tự tánh a lại da? Nếu là tự tánh a lại da, thì sao lại là chủng tử đối trị a lại da? Nếu không phải là tự tánh a lại da, thì cái chỗ dựa của chủng tử chánh văn huân tập làm sao tìm thấy? Cho đến ngày chứng được tuệ giác bồ đề của chư Phật, chánh văn huân tập này tùy chuyển nơi một chỗ sở y, ấy là ký thác nơi thức dị thực, cùng với thức

ấy hóa hợp tùy chuyển, tựa như sữa với nước, nhưng nó vẫn không phải là a lại da, bởi vì nó là chủng tử đối trị a lại da.

Số 3: Nói Về Phẩm Loại

Chánh Văn.-

Chánh văn huân tập này do huân tập bậc thấp thành huân tập bậc vừa, do huân tập bậc vừa thành huân tập bậc cao, vì nó do nghe, nghĩ và tu đa phần tu tập mà được như vậy.

Số 4: Nói Về Thể Tánh Và Tác Dụng

Chánh Văn.-

Chủng tử chánh văn huân tập bậc thấp, bậc vừa và bậc cao này, nên biết nó cũng là chủng tử của pháp thân, trái ngược với a lại da, không phải thâm tàng nơi a lại da, bởi vì nó là sự đặng lưu của pháp giới xuất thế tối thanh tịnh, tuy đang còn là thế gian mà đã là chủng tử của tâm xuất thế⁵³. Cái tâm xuất thế này lúc chưa phát sinh mà đã có khả năng đối trị mọi phiền não, đã có khả năng đối trị mọi nẻo đường ác, đã có khả năng đối trị những ác nghiệp xóp mục, đã có khả năng tùy thuận, gập gỡ và phụng sự đối với chư vị Phật đà, chư vị Bồ tát. Tuy còn là thế gian, mà phần bồ tát sơ nghiệp có được thuộc về giải thoát thân và pháp thân, còn phần thanh văn duyên giác có được chỉ thuộc về giải thoát thân.

Như vậy chánh văn huân tập không phải là a lại da, mà thuộc về pháp thân và giải thoát thân, và nó huân tập tuần tự tăng lên từ bậc thấp đến bậc vừa bậc cao như thế nào, thì cũng như thế ấy thức dị thực tuần tự giảm bớt, nghĩa là chuyển biến cái sở y đi. Sở y của chủng tử chuyển biến thì thức dị thực và thức chủng tử chuyển sinh một cách không còn chủng tử của nó, chủng tử của nó vĩnh diệt.

Lại nữa, như sữa với nước là thế nào? Chánh văn huân tập không phải a lại da vẫn cùng a lại da đồng chuyển, nhưng chủng tử a lại da diệt hết mà chủng tử không phải a lại da tăng lên, sự thế này ví như con ngỗng uống sữa trong nước⁵⁴, lại như thế gian khi được ly dục, thì sự huân tập cõi Dục giảm dần và sự huân tập cõi Sắc cõi Vô sắc tăng dần mà được chuyển đổi sở y.

Thứ 1: Nói Cái Thực Diệt Định Phi A Lại Da Thì Bất Thành

Chánh Văn.-

Nhập diệt định⁵⁵ thì thức vẫn không rời thân, Phật đã dạy như vậy. Ở đây thức diệt thực mới thích đáng không rời thân, vì không do đối trị thức ấy mà có diệt định. Cũng không phải xuất diệt định thì ý thức sinh lại, bởi vì ngay như thức diệt thực mà gián đoạn rồi, có nghĩa tách rời kiết sinh liên tục rồi, thì cũng không có sự sinh lại. Nếu ai chấp rằng vì có ý thức nên nói diệt định có tâm, thì cái tâm ấy bất thành, vì (có ý thức thì) diệt định đáng lẽ không thành; vì đối cảnh và cái biết đối cảnh thì diệt định không có, (mà ý thức thì có rất rõ); vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ phải có cái lỗi thích ứng với tâm sở thiện, còn ác với vô ký thì không hợp lý rồi; vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cái lỗi là 2 tâm sở thọ và tướng đều hiện hành, (không thể gọi là diệt thọ tướng định); vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cả tâm sở xúc, trong định đáng lẽ có cái khả năng ấy; vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cái lỗi chỉ diệt tâm sở tướng mà thôi, (không được gọi là diệt thọ tướng định); lại đáng lẽ có cả cái lỗi tư tâm sở, tín tâm sở, v/v, hiện hành; nếu nói bạt nhỏ cái năng y (là tâm sở) tách rời cái sở y (là ý thức, và cái sở y vẫn còn) thì không hợp lý; vì có sự ví dụ (ví như vô tướng định, cái tướng năng y bị diệt thì cái ý thức sở y cũng không còn); vì, (nếu nói ví như ở tứ thiền, hơi thở năng y không còn mà cái thân sở y vẫn còn, thì không đúng, bởi hơi thở) không biến hành, còn thọ và tướng (là biến hành), không có sự không biến hành. Lại nữa, nói trong diệt định do có ý thức nên nói có tâm, thì tâm ấy dầu thiện, dầu ác, dầu vô ký, đều bất thành cả, nên không hợp lý.

Thứ 2: Nói Sắc Với Tâm Vô Gian Phát Sinh Làm Chúng Tử Cũng Bất Thành

Chính Văn.-

Nếu chấp sắc với tâm phát sinh không gián đoạn, đó là chúng tử của các pháp, thì điều này bất thành, như trước đã nói⁵⁶. Thêm nữa, từ các cõi trời Vô sắc và Vô tướng chết rồi, (sinh ở cõi Dục, có sắc và có tướng sinh ra, sắc với tướng ấy lấy gì làm chúng tử); từ diệt tận định và từ vô tướng định xuất rồi (lấy gì làm chúng tử cho thọ và tướng sinh ra), nên cái chấp nói trên không hợp lý. Thêm nữa, (nếu nói tâm trước làm chúng tử sinh ra tâm sau, thì) cái tâm tối hậu của các vị La hán không thể có được, (làm sao nhập niết bàn hoàn toàn). Do vậy, (sắc tâm vô gian sinh ra sắc tâm thì) chỉ có thể nói là đẳng vô gian duyên, (không thể nói làm chúng tử, nghĩa là làm nhân duyên).

---o0o---

Mục 7: Kết Luận Xác Lập A Lại Da

Chính Văn.-

Như vậy, nếu tách rời thức chủng tử dị thực thì tạp nhiễm và thanh tịnh đều bất thành tất cả, do đó mà xác lập a lại da, với 3 đặc tính đã nói, quyết định thực hữu.

---o0o---

Mục 8: Nói Riêng Chuyển Y Phi A Lại Da Thì Bất Thành

Chính Văn.-

Ở đây có 3 bài chính cú. 1. Trong tịnh tâm, bỏ tất rời xa 5 thức, không còn thừa lại ý thức ác và vô ký, vậy cái tâm tạp nhiễm phải chuyển y, các người làm sao cho có (nếu không công nhận có a lại da)? 2. Nếu nói sự đối trị là chuyển y, thì vì sự đối trị ấy chưa phải vĩnh đoạn chủng tử tạp nhiễm, nên sự chuyển y bất thành. Thêm nữa, (cho sự đối trị là chuyển y thì như thế là) nhân với quả không khác nhau, đối với sự vĩnh đoạn thành ra sai lầm. 3. (Nếu không công nhận a lại da, thế là) không có chủng tử và không có thức thể, mà cho là chuyển y, thì vì không có 2 thứ chủng tử và thức thể : không có thì nói chuyển y là phi lý.

Lược Giải.-

Chuyển y nghĩa là chuyển bỏ cái chỗ dựa. Như vậy chuyển y là chuyển a lại da. Trước quả vị Phật, chuyển y chỉ phân đoạn tạp nhiễm, đến quả vị Phật, chuyển y mới vĩnh đoạn tạp nhiễm.

Mục 1: Tổng Quát Nêu Lên

Chính Văn.-

Lại nữa, sự sai biệt của a lại da là thế nào? Nói tổng quát thì nên biết a lại da hoặc có 3 sự sai biệt, hoặc có 4 sự sai biệt.

Lược Giải.-

Nói các dạng của a lại da là chú ý nói nhân sinh vũ trụ đa dạng thì chủng tử cũng đa dạng.

Mục 2: Nói 3 Sự Sai Biệt

Chính Văn.-

Ở đây, 3 sự sai biệt là 3 sự huân tập sai biệt: một là danh ngôn huân tập sai biệt⁵⁷, hai là ngã kiến huân tập sai biệt⁵⁸, ba là hữu chi huân tập sai biệt⁵⁹.

Lược Giải.-

Do 3 sự sai biệt trên đây mà thấy a lại da vừa là chất liệu, vừa là tổ hợp, đối với nhân sinh vũ trụ.

Đoạn 1: Tổng Quát Nêu Lên

Chính Văn.-

Ở đây, 4 sự sai biệt, một là dẫn phát sai biệt, hai là dị thực sai biệt, ba là duyên tướng sai biệt, bốn là tướng mạo sai biệt.

Đoạn 2: Nói Dẫn Phát Sai Biệt, Dị Thực Sai Biệt Và Duyên Tướng Sai Biệt

Chính Văn.-

Dẫn phát sai biệt là sự huân tập mới có. Sự này không có thì hành làm duyên tố cho thức và thủ làm duyên tố cho hữu, đáng lẽ không thể thành được. Dị thực sai biệt là do hành và hữu làm duyên tố mà có thức dị thực sai biệt trong mọi nẻo đường sinh tử. Sự này không có thì không có chủng tử, các pháp về sau mà phát sinh là điều đáng lẽ không thể thành được. Duyên tướng sai biệt là cái tướng ngã chấp nơi ý. Sự này không có thì cái ngã chấp nơi ý ô nhiễm đáng lẽ không thể thành được.

Lược Giải.-

Dẫn phát là cái dạng a lại da do nghiệp lực mới huân tập. Dị thực, xưa dịch là báo, là cái dạng a lại da do nghiệp lực huân tập mà thành quả báo. Duyên tướng là cái dạng a lại da là đối tượng tự ngã của ý.

Thứ 1: Tổng Quát Nêu Lên

Chính Văn.-

Tướng mạo sai biệt là a lại da có tướng chung với tướng riêng, có tướng chủng tử không cảm giác với tướng chủng tử có cảm giác, v/v.

Thứ 2: Nói Các Dạng Chung Với Riêng Và Không Cảm Giác Với Có Cảm Giác

Chính Văn.-

Tướng chung là chủng tử của thế giới ở ngoài, tướng riêng là chủng tử của tự thể riêng biệt⁶⁰. Tướng chung là chủng tử không sinh cảm giác, tướng riêng là chủng tử có sinh cảm giác. Khi sự đối trị sinh ra, thì chỉ tướng riêng bị diệt, còn tướng chung thì do người khác duy trì, và mình chỉ thấy trong sạch. Sự thể này như các hành giả Du đà đối với một vật mà có những cái biết và cái thấy khác nhau, thành tựu tất cả. Ở đây có 2 bài chĩnh cú: 1 và 2. Khó vĩnh đoạn và khó biến tri, nên biết chính là cái gọi là cộng kiết⁶¹. Tâm trí hành giả Du đà bất đồng, nên cái thế giới rộng lớn ở ngoài, đối với người trong sạch, đâu không diệt mất mà thấy là trong sạch. Lại như cõi Phật trong sạch là do Phật thấy trong sạch. Lại có bài chĩnh cú riêng biệt nữa, làm luận cứ cho những cái biết và cái thấy bất đồng nói trên cùng được xác lập: Các hành giả Du đà đối với một vật mà những cái biết và cái thấy không đồng nhất vẫn được xác lập, nên biết sở thủ là duy thức. Sự này không có thì thế giới sai biệt và chủng sinh sai biệt đáng lẽ không thể thành được.

Lược Giải.-

Tướng mạo sai biệt là a lại da có nhiều dạng nữa. Trước hết là cái dạng thế giới khác nhau và tự thể khác nhau, 1 bên là không cảm giác, đối trị sinh ra thì không mất nhưng thấy trong sạch, 1 bên là có cảm giác, đối trị sinh ra thì mất.

Thứ 3: Nói Các Dạng Nặng Với Nhẹ

Chính Văn.-

Có tướng nặng và tướng nhẹ. Tướng nặng là chủng tử của phiền não và tùy phiền não; tướng nhẹ là chủng tử của thiện pháp hữu lậu. Sự này không có thì cái sở y của dị thực không kham năng với có kham năng khác nhau không thể thành được.

Lược Giải.-

Có kham năng làm lành và xuất thế là nhẹ nhàng, trái lại là nặng nề. Sở y của dị thực là bản thân ta đây; bản thân ấy có hay không kham năng thì biết a lại da có cái dạng nhẹ nhàng hay nặng nề.

Thứ 4: Nói Các Dạng Hết Với Còn

Chính Văn.-

Có tướng hết với còn. Tướng hết là chủng tử thiện ác đã thành quả báo dị thực; tướng còn là chủng tử danh ngôn huân tập, loại chủng tử vô thí đến giờ vẫn lưu chuyển. Sự này không có thì 2 nghiệp thiện ác có quả báo rồi là hết, đáng lẽ không thành; thêm nữa, phần danh ngôn mới huân tập đáng lẽ không thành.

Lược Giải.-

Cái dạng hết là chủng tử của nghiệp, hết năng lực là hết quả báo. Cái dạng còn là chủng tử các pháp, lưu chuyển từ vô thí đến giờ. Có dạng thứ nhất mới có sự kết thúc của nghiệp lực, có dạng thứ hai mới có chủng tử tân huân của các pháp - Chủ trương có chủng tử tân huân là chủ trương có chủng tử bản hữu.

Thứ 5: Nói Các Dạng Ví Dụ

Chính Văn.-

Có các tướng ví dụ. Là a lại da có những sự ảo thuật, sóng nắng, chiêm bao và màng mắt làm ví dụ. Sự này không có thì những ảnh tượng thác loạn do chủng tử biến kế tạo ra, đáng lẽ không thành.

Lược Giải.-

Ảo thuật, ví dụ này có 2 mặt: ảo hình do ảo thuật tạo ra và nhà ảo thuật tạo ra ảo hình. A lại da được ví như cả 2 mặt: các pháp chỉ như ảo hình và các pháp ấy do a lại da phát sinh. Sóng nắng là nai khát, từ xa nhìn sóng nắng thấy như là nước: hạnh phúc chỉ là ảo tượng của khát vọng, khát vọng cùng ảo tượng toàn là a lại da. Chiêm bao dễ hiểu. Màng mắt là màng mắt có bệnh, thì thấy vòng lửa, hoa đốm, v/v: ảo tượng thác loạn chỉ do vô minh thác loạn, vô minh với ảo tượng toàn là a lại da. A lại da có các dạng ví dụ như vậy là do chủng tử của sự biến kế.

Thứ 6: Nói Các Dạng Còn Đủ Với Không Đủ

Chính Văn.-

Có tướng còn đủ với không đủ. Những kẻ đủ hết mọi sự ràng buộc thì gọi là tướng còn đủ. Những người ly dục thì gọi là tướng giảm bớt. Các vị thanh văn đang còn tu học và các vị bồ tát thì gọi là tướng nhỏ hẵn một phần. La hán và Duyên giác thì gọi là tướng nhỏ hẵn toàn phần về phiền não chướng. Chư vị Như lai thì gọi là tướng nhỏ hẵn toàn phần về phiền não chướng và sở tri chướng. Mọi sự thích ứng là như vậy. Sự này không có thì sự tạp nhiễm và sự hoàn diệt tuần tự như trên đây đáng lẽ không thành.

Lược Giải.-

A lại da có 5 dạng về sự tạp nhiễm và sự hoàn diệt.

---o0o---

Tiết 4: Nói Tính Chất Vô Phú Vô Kỳ Của A Lại Da

Chính Văn.-

Vì lý do gì mà các pháp thiện ác dẫn ra quả dị thực, nhưng quả dị thực lại vô phú vô kỳ? Vì quả dị thực vô phú vô kỳ mới không trái nghịch với thiện ác, chứ thiện ác thì trái nghịch lẫn nhau. Quả dị thực mà là thiện hay ác, thì sự tạp nhiễm hay sự hoàn diệt không mất nào thành cả. Do vậy, thức dị thực chỉ là vô phú vô kỳ.

Lược Giải.-

Như cái tay tập viết chữ, khả năng viết chữ và chữ được viết tính chất khác nhau, mà cái tay vẫn là trung tính - trung tính mới tập và viết được mọi chữ. A lại da cũng vậy.

---o0o---

Phần 3

Mục 1: Tổng Quát Nêu Lên

Chính Văn.-

Đã nói căn cứ của các pháp sở tri rồi, còn sắc thái của các pháp sở tri thì nên nhìn thấy như thế nào? Các pháp sở tri đại khái có 3 thứ: một là y tha khởi tướng, hai là biến kế chấp tướng, ba là viên thành thật tướng⁶².

---o0o---

Mục 2: Lược Giải Y Tha

Chính Văn.-

Trong đây, y tha khởi tướng là gì? Là các thức do a lại da làm chủng tử và thuộc về phân biệt hư vọng⁶³. Các thức ấy là gì? Là thức thân, thức chủ thể của thân, thức chủ thể của sự tiếp nhận, thức được tiếp nhận, thức tiếp nhận, thức thì

gian, thức số mục, thức thế giới cư trú, thức nói năng, thức mình người, thức đường lành đường dữ⁶⁴. Tự trung, thức thân cho đến thức nói năng là do chủng tử của danh ngôn huân tập, thức mình người là do chủng tử của ngã kiến huân tập, và thức đường lành đường dữ là do chủng tử của hữu chi huân tập. Các thức như vậy là cái y tha khởi tướng thống thuộc 3 cõi 5 đường và 3 tạp nhiễm, là được biểu hiện bởi phân biệt hư vọng. Như vậy, các thức này thống thuộc phân biệt hư vọng, đặc tính là duy thức, làm căn cứ cho sự biểu hiện không có và không thực. Như thế đó gọi là y tha khởi tướng.

Lược Giải.-

Nói tổng quát, y tha khởi tướng là do chủng tử a lại da phát sinh, là biểu hiện của phân biệt hư vọng, là căn cứ của sự không thực.

---o0o---

Mục 3: Lược Giải Biến Kế

Chính Văn.-

Trong đây, biến kế chấp tướng là gì? Là nơi sự không thật, duy thức, mà biểu hiện như là thật có.

Lược Giải.-

Biến kế là nơi y tha (nơi sự không thật, duy thức) mà chấp ngã pháp thật có (biểu hiện như là thật có).

---o0o---

Mục 4: Lược Giải Viên Thành

Chính Văn.-

Trong đây, viên thành thật tướng là gì? Là chính nơi y tha khởi mà cái ấn tượng như là thật có vĩnh viễn không còn.

Lược Giải.-

Viên thành là nơi y tha mà không còn biến kế ngã pháp (ấn tượng như là thật có vĩnh viễn không còn).

Sự lược giải 3 tướng ở đây, cho thấy y tha là chính. Y tha là các pháp do nhân duyên (do a lại da) mà có, dầu là có một cách tương đối. Nơi y tha mà thấy ngã thấy pháp thì đó là biến kế, có mà chỉ có với vọng chấp, gọi là tình có lý không. Nơi y tha mà ngã pháp biến kế không còn là viên thành, có mà là có với tuệ giác, gọi là tình không lý có. Tuy nhiên, đặc biệt về viên thành, phải nói rõ là nhị không sở hiển (cái được lộ ra khi ngã và pháp đã không).

Đoạn 1: Lặp Lại 11 Thức Để Thống Nhất Các Pháp

Chính Văn.-

Trong 11 thức, thức thân, thức chủ thể của thân, và thức chủ thể của sự tiếp nhận, nên biết rằng đó là 6 giác quan ở trong, tức nhãn căn, nhĩ căn, v/v; thức được tiếp nhận, nên biết rằng đó là 6 đối cảnh ở ngoài, tức sắc cảnh, thanh cảnh, v/v; thức tiếp nhận, nên biết rằng đó là 6 nhận thức, tức là nhãn thức, nhĩ thức, v/v. Ngoài ra, các thức khác, nên biết rằng đó là sự sai biệt của các thức trên đây.

Lược Giải.-

Thống nhiếp các pháp vào 11 thức như sau. Một, 3 thức đầu là 6 căn, thức thứ 4 là 6 cảnh, thức thứ 5 là 6 thức. Hai, 6 thức còn lại là chi tiết của 6 căn 6 cảnh và 6 thức. Thống nhiếp như vậy thì chữ “các thức” chính là chữ “các pháp”.

Thứ 1: Biểu Thị Bằng Ví Dụ

Chính Văn.-

Các thức như vậy toàn là duy thức, không thật. Sự thể này lấy gì ví dụ để biểu thị? Nên biết rằng lấy chiêm bao v/v làm ví dụ để biểu thị. Là như trong chiêm bao hoàn toàn không thật, chỉ độc có thức. Dầu có đủ thứ sắc thanh hương vị xúc, nhà rừng đất núi, biểu hiện như thật, nhưng tựu trung hoàn toàn không thật. Do sự ví dụ này biểu thị, theo đó nên nhận thức rằng lúc nào chỗ nào cũng toàn là thức. Chữ v/v, nên biết còn có những ví dụ như ảo thuật lừa dối, như hươu nai khao khát, như mắt bệnh hoa nhòe, v/v.

Khi thức tỉnh thì lúc nào chỗ nào cũng thấy như chiêm bao, cũng thấy duy thức, như chiêm bao thức tỉnh rồi biết trong chiêm bao toàn là thức cả, thế thì bây giờ chúng ta đang thức tỉnh đây, sao không thấy biết như vậy? Khi chân trí thức tỉnh mới thấy biết như vậy. Như trong chiêm bao sự thấy biết như vậy không có, nhưng chiêm bao thức tỉnh rồi sự thấy biết như vậy mới có. Khi chưa được chân trí

thức tỉnh sự thấy biết như vậy không có, được chân trí thức tỉnh rồi sự thấy biết như vậy mới có.

Thư 2: Tỷ Tri Bằng Giáo Lý

Chính Văn.-

Ai chưa được chân trí thức tỉnh thì đối với đạo lý duy thức làm sao đối chiếu biết được? Là do giáo và lý mà đối chiếu để biết.

Giáo ở đây là trong kinh Thập địa, đức Thế tôn đã nói 3 cõi như vậy toàn là duy tâm. Lại như trong kinh Giải thâm mật, đức Thế tôn cũng đã nói như vậy. Trong kinh ấy, bồ tát Từ thị hỏi đức Thế tôn, ấn tượng được thấy trong định, cùng với tâm trong định, nên nói khác nhau hay nên nói không khác? Đức Thế tôn bảo bồ tát Từ thị, nên nói không khác. Tại sao, vì ấn tượng ấy chỉ là thức. Như lại nói cái thức biết chỉ do thức hiện. Bạch đức Thế tôn, nếu ấn tượng trong định không khác với tâm trong định, thì tại sao tâm ấy trở lại biết lấy tâm ấy? Từ thị, không có chút pháp nào lấy được chút pháp nào, nhưng chính tâm ấy khi phát sinh như vậy thì có ấn tượng như vậy biểu hiện. Tựa như chính bản chất làm duyên tố mà thấy bản chất ấy, nhưng nói rằng tôi thấy ảnh tượng, lại cho ngoài bản chất có cái ảnh tượng thấy riêng. Tâm ở đây cũng vậy; tâm ấy khi phát sinh như vậy thì tựa như có ấn tượng như vậy biểu hiện được thấy riêng ra.

Do cái giáo trên đây mà cái lý cũng hiển lộ. Tại sao, vì trong tâm của định quán thấy những ấn tượng như thân chết xanh ứ v/v, thì không có cái xanh ứ v/v nào khác, mà chỉ là thấy lấy tâm mình. Do đạo lý này, đối với các thức, bồ tát nên đối chiếu mà biết toàn là duy thức, không phải là đối cảnh thật có. Cái ấn tượng xanh ứ v/v cũng không phải là đối cảnh do cái thức nhớ thấy ra, vì là ấn tượng hiện hữu: 2 cái thức nhớ về nghe và nghĩ cũng lấy ấn tượng quá khứ làm đối cảnh, nên ấn tượng ấy cũng là duy thức. Do sự tỷ lượng như vậy, bồ tát tuy chưa được chân trí thức tỉnh, cũng có thể đối chiếu mà biết về đạo lý duy thức.

Số 1: Nghi Về Sắc Thì Không Phải Duy Thức

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói các thức như những ví dụ chiêm bao v/v. Chính trong sự ví dụ ấy mà thấy nhãn thức v/v là duy thức. Thế nhưng nhãn thức v/v có sắc cảnh v/v, thì làm sao thấy được sắc cảnh v/v cũng là duy thức? Hỏi như vậy thì cũng do giáo và lý vừa nói ở trước mà thấy được.

Số 2: Nghi Về Sắc Kiên Trú Liên Tục

Chính Văn.-

Nếu các thức như trên bản thể cũng là thức, thì tại sao biểu hiện ra sắc chất trước sau như một, tồn tại lâu dài, và liên tục không cách hở? Vì cùng với các pháp tạp nhiễm thác loạn làm chỗ dựa. Nếu không phải như vậy thì sự thác loạn cho là thật cái không thật đáng lẽ không có. Nếu không phải như vậy thì 2 chương ngại phiền não và sở tri đáng lẽ không có. Và nếu không phải như vậy thì các pháp thanh tịnh cũng đáng lẽ không có. Do đó (mà biết) các thức chuyển hiện như vậy. Trong đây có 1 bài chính cú: Hiện tượng thác loạn và bản thể thác loạn nên cho là sắc thức và phi sắc thức⁶⁵, sự thể này không có thì mọi sự khác cũng không có.

Số 3: Nghi Về Sự Hóa Hợp Của Các Thức

Chính Văn.-

Tại sao thức thân, thức chủ thể của thân, thức chủ thể của sự tiếp nhận, thức được tiếp nhận, thức tiếp nhận, 5 thức này cùng cấu hữu và hóa hợp trong tất cả các thân? Vì có thể mới viên mãn sự thọ dụng của đời sống.

Số 4: Nghi Về Sự Biểu Hiện Sai Biệt

Chính Văn.-

Tại sao nói thức thì gian v/v chuyển hiện sai biệt? Bởi vì vô thi đến giờ sự lưu chuyển của sinh tử không có đứt mất (nên gọi là thức thì gian), vì cái thế giới chúng sinh không có số lượng (nên gọi là thức số mục), vì cái thế giới thế giới không có số lượng (nên gọi là thức thế giới cư trú), vì ngôn ngữ được nói về sự việc được làm không có số lượng (nên gọi là thức nói năng), vì căn thân được nắm giữ và hưởng thụ khác nhau không có số lượng (nên gọi là thức mình người), vì những quả báo đáng ưa và đáng ghét hưởng chịu khác nhau không có số lượng, và vì sự sống chết khác nhau cũng không có số lượng (nên gọi là thức đường lành đường dữ).

Thứ 1: Đa Thức Luận

Chính Văn.-

Làm sao xác lập các thức⁶⁶ như vậy thành duy thức? Đại khái có 3 cách, một là do duy thức, vì không cái gì thật cả; hai là do 2 phần, vì có tướng phần có kiến

phần 2 thức khác nhau; ba là do nhiều thức, vì có nhiều thức hành tướng sinh khởi. Tại sao có 3 cách như vậy, bởi vì tất cả các thức không thật, nên có thể xác lập duy thức; bởi vì có tướng phần và có kiến phần nên thành ra 2 mặt; bởi vì nhãn thức thì lấy sắc thức làm tướng phần, lấy thức của nhãn thức làm kiến phần, cho đến thân thức thì lấy xúc thức làm tướng phần, lấy thức của thân thức làm kiến phần, đến như ý thức thì lấy các thức làm tướng phần, lấy thức của ý thức làm kiến phần⁶⁷ - trong tướng phần ấy sắc thức làm tối sơ, pháp thức làm tối hậu, vì ý thức là chủ thể phân biệt, sinh khởi tương tự tất cả các thức. Trong đây có 1 bài chính cú: Duy thức, 2 phần, nhiều thức, hành giả quán sát như vậy thì ý thức có thể ngộ nhập duy thức, rồi cái ý thức đó cũng bị chế ngự và siêu thoát.

Lược Giải.-

Đa thức luận là căn cứ chuyển thức mà xác lập duy thức, bằng 3 dạng. Dạng một “không thật”, là các pháp không có gì thật cả, nên toàn là duy thức. Dạng hai “2 phần”, thì kiến phần là đối tượng hóa nhận thức, tướng phần là nhận thức hóa đối tượng, nên là duy thức. Dạng ba “đa dạng” (nhiều thức) là 11 thức (tất cả các pháp) toàn liên hệ với thức, nên đều duy thức.

Sau đa thức luận, sự xác lập duy thức còn căn cứ ý thức luận, nhất là còn căn cứ bản thức (a lại da). Cả 2 sự căn cứ này nên nói trước ở đây cho dễ hiểu. Căn cứ ý thức luận mà xác lập duy thức là quy nạp chuyển thức lại nơi ý thức, ý thức chủ phát mọi phân biệt và ấn tượng, nên đều là duy thức. Căn cứ bản thức mà xác lập duy thức thì các pháp (11 thức) là tướng phần, chuyển thức (ý thức và mọi thức nó dựa vào) là kiến phần, chủ thể của tất cả 2 phần này là bản thức, nên toàn bộ là duy thức.

Số 1: Lấy Một Ý Thức Mà Xác Lập Duy Thức

Chính Văn.-

Ở đây có một số vị nói chỉ có một ý thức; một ý thức này phát sinh theo cái gì thì được tên cái ấy, như tư nghiệp của ý mà gọi là thân nghiệp khẩu nghiệp. Thêm nữa, khi ý thức phát sinh theo mọi cái sở y thì sinh ra nhiều thứ ấn tượng mà qui nạp lại là 2 thứ ấn tượng: có thật và phân biệt⁶⁸. Và thêm nữa, mọi chỗ, ý thức cũng phát sinh theo ấn tượng nó tiếp xúc, vì trong thế giới có hình sắc thì chính ý thức dựa vào cái thân, như những sắc căn đều dựa vào cái thân ấy.

Số 2: Dẫn Kinh Làm Chứng Cho Sự Xác Lập Ấy

Chính Văn.-

Trong đây có 1 bài chính cú: Đi xa xôi, và đi một mình, không thân thể, và ngủ trong hang, ai điều phục được cái tâm khó điều phục ấy, thì Như lai gọi là phạm chí chân thật. Lại như trong kinh nói lĩnh vực mà 5 căn đi thì ý thức tiếp nhận được hết, vì nó là chỗ dựa cho 5 căn. Thêm nữa, trong 12 xứ thường nói thì 6 thức gọi là ý xứ.

Đoạn 2: Căn Cứ Tương Kiến Của Bản Thức Mà Xác Lập Duy Thức

Chính Văn.-

Nếu chỗ nào qui định a lại da là thức thật, thì ở đó tất cả 11 thức khác là tương phần, ý thức trong đó và mọi thức nó dựa vào là kiến phần. Do tương phần vừa nói là duyên tố phát sinh kiến phần vừa nói, nên khi sự tựa như thật có biểu hiện, thì làm chỗ dựa cho kiến phần phát khởi. Như thế đó gọi là xác lập các thức (các pháp) là duy thức.

Mục 3: Nói 4 Trí Mà Xác Lập Duy Thức

Chính Văn.-

Mọi sự hiện tiền rõ ràng mà không phải thật có, sự đó làm sao thấy được? Như đức Thế tôn đã dạy, nếu bỏ tất thành tựu 4 trí, thì có thể ngộ nhập duy thức chứ không phải thực có. Một là cái trí biết sự mâu thuẫn, là biết như ngã qui, bàng sinh, cùng với chư thiên, nhân loại, cùng nơi một sự mà sự thấy biết khác nhau. Hai là cái trí biết không có đối cảnh mà thức vẫn có, là biết như quá khứ, vị lai, và những mộng ảnh mà vẫn có cái biết biết chúng. Ba là cái trí biết đáng lẽ không dụng công mà vẫn không thác loạn, là biết như cái biết biết đối cảnh hiện thời đáng lẽ không thác loạn gì, không do dụng công mà vẫn biết đúng sự thật. Bốn là được 3 cái trí tùy chuyển: thứ nhất là được cái trí tùy thắng giải lực của định tự tại mà đối cảnh biểu hiện; thứ hai là được cái trí tùy tác ý lực của tu pháp quán mà đối cảnh biểu hiện; thứ ba là được cái trí tùy trí vô phân biệt mà thấy đối cảnh biểu hiện không có gì là thật cả⁶⁹. Do 3 cái trí ở đây với 3 cái biết ở trên mà đạo lý đối cảnh không thật được xác lập.

Lược Giải.-

Đoạn này lấy mặt trái mặt phải, mặt có mặt không, đặc biệt mặt biết và mặt được biết, chứng minh các pháp không thật: không thật là duy thức.

Tiết 1: Giải Thích 3 Tướng

Chính Văn.-

Nếu y tha là duy thức, làm chỗ dựa cho đối cảnh không thật được biểu hiện ra, thì sao thành y tha? tại sao gọi là y tha? Từ chủng tử huân tập mà phát sinh, do duyên tố khác như vậy nên gọi là y tha; một sát na sau khi sinh ra, không có năng lực gì, (chỉ dựa vào sự tương quan) mà vẫn tồn tại, nên gọi là y tha. Biến kế thì dựa vào y tha, thật không có mà biểu hiện như có, thì sao thành biến kế? tại sao gọi là biến kế? Vô số cái biết toàn là cái biết thác loạn của ý thức biến kế, nên gọi là biến kế, bản thân thật không có, chỉ có cái mà biến kế chấp, nên gọi là biến kế. Còn viên thành là biến kế vĩnh viễn không còn, thì sao thành viên thành? tại sao gọi là viên thành? Viên thành nghĩa là tánh không biến đổi, lại là đối tượng của tuệ giác thanh tịnh, là tối thắng của tất cả thiện pháp: vì cái nghĩa tối thắng này mà gọi là viên thành.

---o0o---

Tiết 2: Giải Thích Riêng Biến Kế

Chính Văn.-

Có năng biến kế, có sở biến kế, biến kế mới thành. Vậy ở đây năng biến kế là gì? sở biến kế là gì? cái gì là tự tánh của biến kế? Nên nhận thức rằng ý thức⁷⁰ là năng biến kế, vì nó là chủ thể phân biệt - Tại sao, vì nó lấy sự danh ngôn huân tập của bản thân nó mà làm chủng tử, lại lấy sự danh ngôn huân tập của tất cả 11 thức khác mà làm chủng tử, nên ý thức có vô số cái biết và vô số sự phân biệt sinh ra, nó phân biệt kế đạt khắp cả toàn thể, nên gọi là biến kế. Còn y tha là sở biến kế. Lại biến kế làm cho y tha thành cái sở biến kế, nên biến kế được gọi là biến kế chấp⁷¹. Biến kế chấp là nghĩa như vậy.

Thêm nữa, biến kế tại sao có thể kế đạt khắp cả? Nó vin đối cảnh nào? Nó lấy đối tượng nào? Nó do cái gì mà chấp trước? Nó lấy gì khởi lên ngôn ngữ? Nó lấy gì nói năng? Nó thêm lên cái gì? Nó vin tên gọi mà làm đối cảnh. Nó lấy y tha mà làm đối tượng. Nó do vọng kiến mà chấp trước. Nó do sự tâm câu mà khởi lên ngôn ngữ. Nó do thấy nghe hay biết, 4 thứ nói ấy mà nói năng. Nó thêm sự có nơi đối cảnh không thật có. Do tất cả những điều trên đây mà nó có thể kế đạt khắp cả.

---o0o---

Chương 3: Nói Về Sự Đồng Dị Của 3 Tướng

Chính Văn.-

Ba tánh khác nhau hay không khác? Nên nói không phải khác nhau, hay không phải không khác. Bởi vì y tha do mặt khác mà chính y tha ấy thành y tha, do mặt khác mà chính y tha ấy thành biến kế, do mặt khác mà chính y tha ấy thành viên thành. Do mặt nào mà chính y tha thành y tha? Là do chủng tử đã huân tập mà khởi ra. Do mặt nào mà chính y tha ấy thành biến kế? Vì là đối tượng của biến kế, là sở chấp của biến kế. Do mặt nào mà chính y tha là viên thành? Là tuyệt đối không như cái có của đối tượng biến kế.

---o0o---

Tiết 1: Nói Chung Phẩm Loại Của 3 Tướng

Chính Văn.-

Ba tánh, mỗi tánh có mấy thứ? Y tha đại khái có 2 thứ: một là do chủng tử huân tập mà sinh ra, hai là không cố định nhiễm hay tịnh. Do 2 thứ y tha như vậy nên gọi là y tha. Biến kế cũng có 2 thứ: một là biến kế về tự tánh, hai là biến kế về sai biệt⁷². Do 2 thứ biến kế như vậy nên gọi là biến kế. Viên thành cũng có 2 thứ: một là tự tánh viên thành, hai là thanh tịnh viên thành⁷³. Do 2 thứ viên thành như vậy nên gọi là viên thành.

---o0o---

Tiết 2: Nói Riêng Phẩm Loại Của Biến Kế

Chính Văn.-

Biến kế lại có 4 thứ: một là biến kế về tự tánh, hai là biến kế về sai biệt, ba là biến kế rất rành, bốn là biến kế không rành. Rất rành là biết rành danh từ, không rành là không rành danh từ. Do vậy mà biến kế còn có 5 thứ nữa: một là theo tên biến kế nghĩa, rằng cái tên như vậy thì có cái nghĩa như vậy; hai là theo nghĩa biến kế tên, rằng cái nghĩa như vậy thì có cái tên như vậy; ba là theo tên biến kế tên, tức biến kế những cái tên khác của cái tên mà mình chưa biết nghĩa; bốn là theo nghĩa biến kế nghĩa, tức biến kế những cái nghĩa khác của cái nghĩa mà mình chưa biết tên; năm là theo tên và nghĩa mà biến kế tên và nghĩa, tức biến kế danh như vậy và nghĩa như vậy thì thể tánh là như vậy.

Tiết 3: Lược Nói 10 Thứ Phân Biệt

Chính Văn.-

Thống nhiếp tất cả phân biệt thì đại lược có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, là a lại da. Hai là phân biệt đối cảnh, là sắc thức v/v. Ba là phân biệt biểu hiện, là nhãn thức và thức của nhãn thức v/v. Bốn là phân biệt đối cảnh biến đổi, là biến đổi vì già v/v, vì cảm giác vui v/v, vì tham v/v, vì thời tiết làm cho tàn tạ v/v, vì những nẻo đường dữ như nại la ca v/v, vì những cõi như cõi Dục v/v. Năm là phân biệt biểu hiện biến đổi, tức những sự biến đổi của những sự biến đổi kể trên. Sáu là phân biệt người khác dẫn ra, tức nghe tà pháp với nghe chánh pháp khác nhau. Bảy là phân biệt không đúng lý, là sự phân biệt của ngoại đạo nghe tà pháp. Tám là phân biệt đúng lý, là sự phân biệt của những người ở trong chánh pháp nghe chánh pháp. Chín là phân biệt chấp trước, là những sự phân biệt thuộc loại tác ý không đúng lý, thích ứng với 62 tà kiến lấy ngã kiến làm gốc. Mười là phân biệt tán động, là 10 thứ phân biệt của bồ tát : thứ 1 là tán động không tướng, thứ 2 là tán động có tướng, thứ 3 là tán động thêm lên, thứ 4 là tán động bớt đi, thứ 5 là tán động đồng nhất, thứ 6 là tán động biệt lập, thứ 7 là tán động tự tánh, thứ 8 là tán động sai biệt, thứ 9 là tán động lấy nghĩa theo tên, thứ 10 là tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động như vậy, các kinh của Bát nhã ba la mật đa đều nói đến trí vô phân biệt. Như vậy, cả 2 phần sở tri và năng tri đều thấu nhiếp đủ cả các nghĩa của Bát nhã ba la mật đa.

Tiết 1: Mặt Khác Không Khác

Chính Văn.-

Nếu do những mặt khác nhau mà y tha có 3 tánh, thì vì sao 3 tánh ấy không thành ra không khác gì nhau? Vì nếu do mặt khác mà y tha thành y tha, thì không do chính mặt ấy mà y tha thành biến kế và viên thành; nếu do mặt khác mà y tha thành biến kế, thì không do chính mặt ấy mà y tha thành y tha và viên thành; nếu do mặt khác mà y tha thành viên thành, thì không do chính mặt ấy mà y tha thành y tha và biến kế.

Tiết 2: Tên Không Xứng Thế

Chính Văn.-

Vì sao biết được, như y tha, biến kế biểu hiện mà không xứng thể? Vì trước khi có cái tên thì cái biết không có, vậy nói xứng thể là mâu thuẫn (với hiện thực); vì cái tên có nhiều thứ, vậy nói nhiều thể là mâu thuẫn (với hiện thực); vì cái tên không cố định, vậy nói tạp thể là mâu thuẫn (với hiện thực). Trong đây có 2 bài chính cú: 1. Vì trước khi có tên thì cái biết không có, vì tên có nhiều thứ, vì tên không cố định, vậy nói xứng thể, nhiều thể và tạp thể là mâu thuẫn (với hiện thực) 2. Biến kế không mà thấy có, thì nên biết như ảo thuật; viên thành không ô nhiễm mà có tịnh trừ thì cũng như hư không⁷⁴.

Lược Giải.-

Chủ ý của đoạn này nói cái danh đối với cái tướng của biến kế là không chính xác.

Tiết 3: Y Tha Toàn Không

Chính Văn.-

Vì sao sự biểu hiện thật không có, mà y tha không phải ở đâu và lúc nào cũng không có? Vì nếu y tha không có thì viên thành cũng không có; y tha mà không có thì không có gì nữa. Y tha với viên thành không có thì thành ra cái lỗi không có nhiễm với tịnh. Nhưng nhiễm với tịnh là hiện có, thế nên không nên nói tất cả toàn không. Ở đây có 1 bài chính cú: Y tha mà không thì không viên thành; tất cả toàn không thì luôn luôn không có nhiễm tịnh.

Đoạn 1: Giải Thích 3 Tướng

Chính Văn.-

Chư vị Thế tôn đã nói giáo lý cao rộng trong đại thừa. Giáo lý ấy nói nên nhận thức biến kế như thế nào? Nên nhận thức rằng nếu dùng mặt khác thì nói là không thật có. Nên nhận thức y tha như thế nào? Nên nhận thức ví như ảo thuật, sóng nắng, chiêm bao, ảnh tượng, bóng sáng, tiếng dội, trăng nước, biến hóa. Nên nhận thức viên thành như thế nào? Nên nhận thức là 4 pháp thanh tịnh. Bốn pháp thanh tịnh là gì? Một là tự tánh thanh tịnh, tức là chân như, không, thật tế, vô tướng, thắng nghĩa, pháp giới. Hai là ly cấu thanh tịnh, là chính tự tánh thanh tịnh đã thoát ly tất cả chướng ngại dơ bẩn. Ba là đặc thủ thanh tịnh, là tất cả bồ đề phần pháp, ba la mật đà, v/v. Bốn là sinh thủ thanh tịnh, là pháp giáo đại thừa, vi diệu, chân chánh - Pháp giáo này là cái mà tuệ giác thanh tịnh biết đến nên không phải là biến kế, là cái từ pháp giới tối thanh tịnh đấng lưu ra nên không phải y tha. Bốn pháp như vậy thống nhiếp hết tất cả các pháp thanh tịnh. Ở đây có 2 bài chính

cú: 1 và 2. Như ảo thuật v/v là nói về (y tha) cái được sinh ra. Nói không thật là nói về (biến kế) sự được kể chấp. Nói 4 thanh tịnh là nói về viên thành: tự tánh, lý cấu⁷⁵..., là cái mà tuệ giác thanh tịnh biết đến, và tất cả các pháp thanh tịnh đều thống nhiếp trong 4 pháp thanh tịnh này.

Đoạn 2: Nói 8 Dụ Y Tha

Chính Văn.-

Lại nữa, vì lý do gì mà trong kinh nói những ví dụ y tha như ảo thuật v/v? Vì để loại bỏ những mối nghi ngờ không đúng đối với y tha. Những mối nghi ngờ không đúng đối với y tha là thế nào? Là họ nghi ngờ như vậy đối với y tha: (Một), tại sao không thật mà lại thành ra đối tượng được biết? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ ảo thuật. (Hai), tại sao không thật mà có tâm và tâm sở sinh ra? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ sóng nắng. (Ba), tại sao không thật mà có những sự hưởng chịu đáng ưa đáng ghét khác nhau? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ chiêm bao. (Bốn), tại sao không thật mà có những quả báo đáng ưa đáng ghét của thiện nghiệp và ác nghiệp khác nhau? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ ảnh tượng. (Năm), tại sao không thật mà có các thức phát sinh? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ bóng sáng. (Sáu), tại sao không thật mà lại có những ngôn ngữ phát sinh? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ tiếng dội. (Bảy), tại sao không thật mà có đối tượng của các định biết thật? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ trăng nước. (Tám), tại sao không thật mà các vị bồ tát đem tâm trí không thác loạn cố ý thọ sinh (trong sinh tử) để làm những sự lợi ích chúng sinh? Vì loại bỏ nghi ngờ này nên nói sự ví dụ biến hóa⁷⁶.

Mục 2: Thông Thích Kinh Phạn Vấn

Chính văn.-

Vì sao đức Thế tôn đã mật ý nói như sau, trong kinh Phạn vấn: Như lai không sinh tử, không niết bàn? Ấy là Ngài nói theo cái mật ý: nơi y tha, biến kế với viên thành, tức sinh tử với niết bàn, không có sai khác. Tại sao, vì chính nơi y tha, do mặt biến kế mà thành sinh tử, do mặt viên thành mà thành niết bàn.

Mục 3: Thông Thích Kinh Đại Thừa A Tì Đạt Ma

Chính Văn.-

Trong kinh Đại thừa a tì đạt ma, đức Thế tôn nói pháp có 3 thứ: một là tạp nhiễm, hai là thanh tịnh, ba là hai phần ấy. Ngài đã căn cứ mật ý nào mà nói như

vậy? Nơi y tha, biến kế là tạp nhiễm, viên thành là thanh tịnh, và y tha khởi lên 2 phần ấy: đức Thế tôn đã căn cứ mật ý này mà nói như trên. Nghĩa này có thể biểu thị bằng ví dụ nào? Có thể biểu thị bằng ví dụ khối vàng đất. Như trong khối vàng đất có 3 thứ thấy được: một là địa giới⁷⁷, hai là đất, ba là vàng. Trong địa giới, đất không thật mà hiện thấy có, còn vàng là thật thì không thấy; khi luyện bằng lửa thì đất không còn mà vàng hiện ra. Thêm nữa, nơi địa giới, khi đất hiện ra là hư vọng biểu hiện, khi vàng hiện ra là chân thật biểu hiện, nên địa giới là cả 2 phần ấy; thức cũng vậy, khi lửa trí vô phân biệt chưa đốt cháy nung luyện thì nơi thức ấy biến kế biểu hiện mà viên thành không biểu hiện, khi thức ấy được lửa trí vô phân biệt đốt cháy nung luyện thì nơi thức ấy viên thành biểu hiện mà biến kế không biểu hiện. Do vậy, nơi y tha là cái thức phân biệt có cả 2 phần, như trong khối vàng đất có cả 2 thứ vàng và đất.

Đoạn 1: Trường Hàng

Chính Văn.-

Đức Thế tôn có chỗ nói các pháp thường, có chỗ nói các pháp vô thường, có chỗ nói các pháp không phải thường không phải vô thường. Ngài đã dựa vào mật ý nào mà nói như vậy? Nơi y tha, do viên thành nên thường, do biến kế nên vô thường, do đủ cả 2 phần nên không phải thường không phải vô thường: đức Thế tôn đã căn cứ mật ý này mà nói như vậy. Như thường, vô thường và không phải cả hai, thì khổ, vui và không phải cả hai, tịnh, bất tịnh và không phải cả hai, không, bất không và không phải cả hai, ngã, vô ngã và không phải cả hai, tịch tịnh, không tịch tịnh và không phải cả hai, có tự tánh, không tự tánh và không phải cả hai, sinh, bất sinh và không phải cả hai, diệt, bất diệt và không phải cả hai, bản lai tịch tịnh, không phải bản lai tịch tịnh và không phải cả hai, tự tánh niết bàn, không phải tự tánh niết bàn và không phải cả hai, sinh tử, niết bàn và không phải cả hai, cũng là như vậy. Đại loại như vậy, những sự sai biệt mà toàn là ngôn ngữ mật ý của đức Thế tôn, hãy do 3 tánh mà quyết liễu cho thích hợp, như trên đã nói tiết mục thường, vô thường.

Đoạn 2: Chính Cú

Chính Văn.-

Ở đây có 5 bài chính cú: 1. Như các pháp thì thật không có, nhưng như các pháp biểu hiện thì không phải một thứ: không phải pháp và không phải phi pháp như vậy, nên nói đến cái nghĩa không hai. 2. Căn cứ một mặt nhiễm hay một mặt tịnh mà nói thì hoặc có hoặc không phải có, nhưng căn cứ cả 2 mặt mà nói thì không phải có không phải không có. 3. Như sự biểu hiện (của biến kế thì) không

phải có, nên nói là không; nhưng cũng do sự biểu hiện như vậy nên nói là có. 4. (Vị lai thì sinh ra) không phải tự nhiên, (quá khứ qua rồi thì) tự thể đã không, (còn hiện tại tuy có mà) tự tánh không cố định, như sự chấp thủ (của biến kế) thì không có, (do 4 sự như vậy) nên chủ trương rằng (các pháp) không có tự tánh. 5. Do sự không có tự tánh mà làm căn cứ cho những kết luận sau đây : bất sinh bất diệt, bản lai tịch tịnh, tự tánh niết bàn.

Tiết 2: Căn Cứ 4 Ý Thú Và Bí Mật Mà Lý Giải Mọi Phật Ngôn

Chính Văn.-

Lại có 4 thứ ý thú và 4 thứ bí mật, đối với Phật ngôn, hãy tùy đó mà quyết liễu. Bốn ý thú, một là ý thú bình đẳng, là như nói Như lai xưa kia, vào lúc ấy, chỗ ấy, có danh hiệu là đáng chánh biến giác Thắng quán; hai là ý thú khác thì, là như nói ai niệm danh hiệu đức Đa bảo như lai thì thể là đối với tuệ giác vô thượng đã được quyết định, lại như nói chỉ cần phát nguyện thì thể là vãng sinh thế giới Cực lạc; ba là ý thú khác nghĩa, là như nói nếu đã gặp gỡ và phụng sự hằng sa chư Phật thì đối với đại thừa mới lý giải được ; bốn là ý thú do người, là như vì một người mà trước khen bố thí sau chê bố thí, như đối với sự bố thí thì đối với sự giữ giới và một phần thiên định thế gian cũng vậy. Như vậy gọi là 4 thứ ý thú⁷⁸.

Còn 4 thứ bí mật, một là bí mật dẫn vào, là trong thanh văn thừa hay trong đại thừa, y theo thể tục để mà nói có ngã, lại nói có pháp; hai là bí mật về tướng, là ở đây nói các pháp tướng bằng cách nói 3 tự tánh; ba là bí mật đối trị, là ở đây nói hành tướng đối trị có đến 84 ngàn; bốn là bí mật chuyển biến, là ở đây đem lời chữ khác mà biểu thị ý nghĩa khác, như có bài chính cú nói: Biết sự không kiên cố là kiên cố, khéo sống trong sự đảo ngược, thì cùng cực sự não loạn của phiền não mà được tuệ giác tối thượng⁷⁹.

Mục 1: Do Nói Về Duyên Khởi

Chính Văn.-

Có ai muốn làm sự giải thích về pháp đại thừa, thì đại khái nên do 3 tiết mục mà làm sự giải thích ấy: một là do nói về duyên khởi, hai là do nói về pháp tướng được duyên sinh, ba là do nói về ngữ nghĩa⁸⁰. Trong đây nói về duyên khởi là như có bài chính cú nói: Do danh ngôn huân tập mà sinh ra các pháp, rồi cái này lại từ cái kia, nên dị thực với chuyển thức làm nhân duyên cho nhau⁸¹.

Lược Giải.-

Duyên khởi là chủng tử sinh hiện hành và hiện hành sinh chủng tử. Nhưng ở đây nói duyên khởi là gồm cả 2 loại duyên khởi.

Mục 2: Do Nói Về Duyên Sinh

Chính Văn.-

Chuyển thức có tướng có kiến, và tự tánh là thức⁸². Chuyển thức lại lấy chỗ dựa làm sắc thái, lấy sở chấp làm sắc thái, lấy pháp tánh làm sắc thái⁸³, do vậy mà biểu thị 3 tánh tướng, như có chính cú nói: Từ chuyển thức có tướng có kiến mà nhận thức về 3 tướng. Giải thích (để nhận thức) về 3 tướng như thế nào? Nơi y tha, biến kế thì không, viên thành thì có; do 2 sự không với có này mà, khi chưa thấy chân lý và khi đã thấy chân lý, đều cùng lúc không được và được: nơi y tha vì không biến kế và vì có viên thành, nên khi chuyển theo nhiễm tịnh, thì phàm phu được biến kế là không được viên thành, thánh giả được viên thành là không được biến kế. Như có bài chính cú nói: Nơi y tha, biến kế thì không mà viên thành thì có, nên được với không được đều như nhau⁸⁴.

Lược Giải.-

Pháp duyên sinh chính là y tha, được phát sinh từ chủng tử nơi a lại da. Nhưng nói y tha là nói đủ cả 3 tướng, lúc mê cũng như lúc ngộ. Lúc mê thì nơi y tha chỉ thấy biến kế (ngã pháp) mà không thấy viên thành (chân như), lúc ngộ thì trái lại.

Mục 3: Do Nói Về Ngữ Nghĩa

Chính Văn.-

Nói về ngữ nghĩa là trước nói câu đầu, sau đem những câu khác mà phân tách biểu thị. Làm như vậy là hoặc do đức, hoặc do nghĩa. Do đức là như nói về công đức⁸⁵ của Phật: Tuệ giác cực kỳ trong sạch vì (1) hiện hành bất nhị, (2) đạt đến vô tướng, (3) đứng vào chỗ đứng của các đức Thế tôn, (4) thể hiện tính bình đẳng của các Ngài, (5) đến chỗ không còn chướng ngại, (6) giáo pháp không thể khuynh đảo, (7) tâm thức không bị cản trở, (8) cái được thiết lập không thể nghĩ bàn, (9) biết rõ như nhau đối với mọi việc quá khứ hiện tại và vị lai, (10) thân hình bủa ra khắp các thế giới, (11) các pháp thì thông suốt, (12) các hạnh thì toàn hảo, (13) trí biết không còn nghi hoặc, (14) thân hiện không có phân biệt, (15) là tuệ giác mà tất cả bỏ tất cầu mong, (16) chứng được cái thân đồng nhất của chư Phật mà đứng ở bờ bến tối thượng bên kia, (17) thực hiện một cách không còn hỗn tạp về giải thoát và diệu trí của các đức Thế tôn, (18) toàn chứng cảnh Phật không có

chính giữa cũng không có bên cạnh, (19) cùng tận pháp giới, (20) khắp không gian, (21) và suốt thì gian⁸⁶. Tuệ giác cực kỳ trong sạch, nên biết câu này do 21 câu tiếp theo phân tích biểu thị, như vậy mới là khéo thuyết pháp. Tuệ giác cực kỳ trong sạch là tuệ giác cực kỳ trong sạch của đức Thế tôn, nên biết tuệ giác ấy thống nhiếp 21 công đức của Ngài: (1) triệt để không còn bị chướng ngại đối với các pháp sở tri, (2) nhập vào một cách tối thắng, thanh tịnh, đối với chân như có không bất nhị, (3) ở trong trạng thái không ngừng nghỉ của việc Phật không còn dụng công, (4) trong pháp thân, ý lạc và việc làm không có dị biệt, (5) tu luyện sự đối trị hết thấy chướng ngại, (6) chiến thắng hết thấy ngoại đạo, (7) sống trong đời mà không bị đời gây trở ngại, (8) thiết lập chánh pháp, (9) thọ ký, (10) thị hiện thân biến hóa và thân thọ dụng trong tất cả thế giới, (11) loại trừ hoài nghi, (12) làm cho nhập vào các diệu hạnh, (13) phát sinh diệu trí đối với các pháp đương lai, (14) thị hiện đúng như thắng giải của mọi người, (15) làm căn cứ cho vô số sự nỗ lực điều phục chúng sinh, (16) thành mãn các pháp ba la mật của pháp thân bình đẳng, (17) tùy theo thắng giải mà thị hiện Phật độ khác nhau, (18) ba loại thân Phật không có giới hạn về phương hướng và nơi chốn, (19) cùng tận biên cương của sự sinh tử, thường thị hiện lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh, (20) vô giới hạn, [(21) rất cứu cánh].

Chính Văn.-

Do nghĩa là như nói nếu bỏ tất thành tự 32 pháp mới gọi là bỏ tất⁸⁷. Ấy là có cái ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh: (1) làm cho chúng sinh nhập vào trí Nhất thế trí, (2) tự biết nay tôi cần gì cái trí giả hiệu⁸⁸, (3) xô dẹp sự ngạo mạn, (4) ý lạc chắc chắn siêu việt, (5) không phải thương xót giả hiệu⁸⁹, (5b) bình đẳng đối với người thân kẻ thù, (5c) vĩnh viễn làm thiện hữu cho đến lúc họ được niết bàn mới là giới hạn sau cùng, (6) nói đúng hạn lượng, (6b) mỉm cười chào hỏi trước, (7) đại bi vô hạn, (8) không từ thoái hay khiếp nhược đối với việc phải chịu đựng, (9) không có ý gì chán và mệt, (10) nghe nghĩa lý không chán, (11) thấy rất sâu cái lỗi của tội mình làm, (11b) đối với tội người làm thì dạy bảo mà không giận, (12) luôn luôn tu luyện bỏ đề tâm trong mọi cử động, (13) bố thí mà không cầu quả báo, (14) thọ giới giữ giới mà không hướng về các nẻo đường còn có sinh tử, (15) nhẫn nhục mà không giận dữ đối với chúng sinh, (16) tinh tiến mà thâm nhiếp hết thấy thiện pháp, (17) thiên định mà bỏ cõi Vô sắc, (18) bất nhã thích ứng với mọi phương tiện, (19) lấy 4 nhiếp pháp mà thống nhiếp mọi phương tiện, (20) coi người giữ giới với người phá giới cùng là thiện hữu, (21) đem lòng tha thiết mà nghe chánh pháp, (22) đem lòng tha thiết mà ở nơi thanh vắng, (23) không thích việc tạp ở đời, (24) không bao giờ thích cỗ xe thấp kém, (24b) thấy rất sâu công đức của đại thừa, (25) xa bạn ác, (25b) gần thiện hữu, (26) luôn luôn tu tập 4 thứ phạn trú, (27) thường vận dụng 5 thứ thần thông, (28) nương tựa và đi

mau đến tuệ giác, (29) không bỏ chúng sinh nào dầu họ sống theo chánh hạnh hay không sống theo chánh hạnh, (30) nói chắc chắn, (31) trọng chắc thật, (32) tâm đại bồ đề luôn luôn dẫn đầu. Ba mươi hai câu như vậy là chi tiết của câu đầu, ấy là câu có cái ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh. Câu ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui này có 16 nghiệp khác nhau, nên biết như vậy. Ở đây 16 nghiệp là 1. lần lượt nỗ lực (câu 1), 2. không thác loạn (câu 2), 3. tự nhiên nỗ lực mà không đợi người mời (câu 3), 4. không dao động hư rã (câu 4), 5. không cầu không nhiệm, nghiệp này có 3 câu khác nhau, nên biết như vậy, đó là không nhiệm không hệ lụy (câu 5), không thương ghét người ơn kẻ thù (câu 5b), đời đời thường theo họ (5c), 6. miệng và thân đều xứng đáng, nghiệp này có 2 câu khác nhau, nên biết như vậy, (đó là các câu 6 và 6b), 7. bình đẳng bất nhị đối với vui và khổ (câu 7), 8. không thấp kém (câu 8), 9. không thoái chuyển (câu 9), 10. đầu thập phương tiện (câu 10), 11. chán và ghét cái bị đối trị, nghiệp này có 2 câu khác nhau, nên biết như vậy, (đó là các câu 11 và 11b), 12. tác ý không gián đoạn (câu 12), 13. tu hành thẳng tiến, nghiệp này có 7 câu khác nhau, nên biết như vậy, đó là sự nỗ lực chính yếu về 6 ba la mật (các câu 13 đến 18) và sự nỗ lực chính yếu về 4 nhiếp pháp (câu 19), 14. nỗ lực thành mãn, nghiệp này có 6 câu khác nhau, nên biết như vậy, đó là gần gũi người hiền (câu 20), lắng nghe chánh pháp (câu 21), ở nơi thanh vắng (câu 22), bỏ suy nghĩ ác (câu 23), công đức tác ý, câu này lại có 2 câu khác nhau, nên biết như vậy, (đó là các câu 24 và 24b), công đức và bạn hữu, câu này lại có 2 câu khác nhau, nên biết như vậy (đó là các câu 25 và 25b), 15. thành tựu viên mãn, nghiệp này có 3 câu khác nhau, nên biết như vậy, đó là thanh tịnh vô lượng (câu 26), được đại thế lực (câu 27), công đức chứng đắc (câu 28), 16. xây dựng cho người, nghiệp này có 4 câu khác nhau, nên biết như vậy, đó là chế ngự cho họ (câu 29) chỉ dạy chắc chắn (câu 30) tài pháp hợp nhất (câu 31) không tâm tạp nhiễm (câu 32). Tất cả (32 câu bao gồm trong 16 nghiệp) như vậy, nên biết toàn là chi tiết của câu đầu. Như có bài chĩnh cú nói: Do câu đầu mà có những câu chi tiết, nói về đức; do câu đầu mà có những câu chi tiết, nói về nghĩa.

Lược Giải.-

Trong ghi chú 77 đã nói mục ngữ nghĩa là nói về hành (phương pháp luận) và quả (mục đích luận). Chính văn đoạn trên và đoạn này cho thấy đoạn này (nói về nghĩa) là nói về hành của Bồ tát, đoạn trên (nói về đức) là nói về quả của Phật đà. Nhưng, cùng với mục 1 nói về duyên khởi và mục 2 nói về duyên sinh, và mục 3 nói về ngữ nghĩa này, cốt cho thấy do 3 tướng mà giải thích đại thừa là giải thích như thế nào.

Tiết 1: Chủ Yếu Ngộ Nhập

Chánh Văn.-

Như vậy là đã nói sắc thái của các pháp sở tri rồi, còn sự ngộ nhập các pháp sở tri thì nên nhận thấy như thế nào? (Chủ yếu của sự ngộ nhập là) cái ý thức⁹⁰ được đa văn huân tập, sự huân tập không thuộc về a lại da mà vẫn như a lại da huân tập thành chủng tử; (cái ý thức ấy) thuộc về sự tác ý đúng lý, tạo ra nơi kiến phần của ý thức cái ấn tượng tương tự với pháp và nghĩa (của đại thừa).

Lược Giải.-

Chủ yếu của sự ngộ nhập các pháp sở tri chính là ý thức. Ý thức ấy phải có cái căn bản là, đối với đại thừa, phải học và nghĩ (đa văn huân tập và tác ý đúng lý).

Tiết 2: Tư Cách Ngộ Nhập

Chánh Văn.-

Nhưng ở đây ai là người có thể ngộ nhập các pháp sở tri? Là vị bồ tát có sự huân tập liên tục của sự đa văn pháp nghĩa đại thừa, đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện thế gian, đã được cái thắng giải⁹¹ một chiều chắc chắn, đã khéo đôn chứa các thiện căn, tức là khéo cụ bị 2 thứ tư lương phước và trí.

Lược Giải.-

Tư cách để ngộ nhập là phải có 4 lực: lực chính nhân, là có sự huân tập của đa văn đại thừa; lực thiện hữu, là được thân cận chư Phật; lực tác ý, là thắng giải chắc chắn; lực nhiệm trì, là có sức tích tập 2 loại tư lương phước và trí.

Tiết 3: Địa Vị Ngộ Nhập

Chánh Văn.-

Vị trí nào ngộ nhập được? Là chính cái ý thức mà kiến phần có cái ấn tượng tương tự pháp và nghĩa của đại thừa, do pháp và nghĩa của đại thừa đẳng lưu sinh ra, (cái ý thức ấy) trải qua địa vị giải hành, địa vị kiến đạo, địa vị tu đạo và địa vị cứu cánh, đối với đạo lý các pháp duy thức nó thắng giải theo đa văn, thông suốt rất đúng lý, đối trị các chướng ngại, thoát ly các chướng ngại.

Lược Giải.-

Nhiếp luận tổng quát các bồ tát vị lai thành 4 vị. Một là giải hành vị, gọi đủ là thắng giải hành vị, gồm cả tư lương vị và da hành viế của Duy thức luận; giải hành vị có 10 tín, 10 hành, 10 hướng và 4 da hành. Hai là kiến đạo vị, Duy thức luận gọi là thông đạt vị, chỉ cho nhập tâm của Sơ địa. Ba là tu đạo vị, Duy thức luận gọi là tu tập vị, gồm có trú tâm của sơ địa cho đến xuất tâm của thập địa. Bốn là cứu cánh vị, Duy thức luận cũng gọi là cứu cánh vị, và chỉ cho Phật địa. Đoạn này có 4 đũa vị ngộ nhập duy thức, tức ngộ nhập các pháp sở tri. Ngộ nhập đại khái như sau: giải hành vị thì thắng giải theo đa văn, kiến đạo vị thì thông suốt rất đúng lý, tu đạo vị thì đối trị các chướng ngại, cứu cánh vị thì thoát ly các chướng ngại.

Mục 1: Nói 3 Sự Luyện Mài

Chính Văn.-

Do yếu tố nào mà ngộ nhập được? Do sức mạnh của thiện căn nhiệm trì: do 3 sự luyện mài tâm chí và dứt bỏ 4 sự, mà vin theo pháp và nghĩa của đại thừa, chỉ và quán thường được thiết tha nỗ lực, không có phóng dật. Vô số người trong vô lượng thế giới, mỗi sát na đều có người chứng được vô thượng bồ đề, (thì ta đây cũng sẽ chứng được), đó là sự luyện mài tâm chí thứ nhất. Do ý lạc này mà tu được lục độ; ta đã có ý lạc này thì nhờ đó ta dụng công thêm chút nữa sẽ tu được viên mãn về lục độ, đó là sự luyện mài tâm chí thứ hai. Những người có điều thiện còn chướng ngại, vậy mà chết rồi vẫn được sinh ra với cái tự thể khả ái, huống chi ta có điều thiện vi diệu, không còn chướng ngại, thì tại sao lại không được kết quả viên mãn, đó là sự luyện mài tâm chí thứ ba. Ở đây có 3 bài chính cú: 1. Những chúng sinh thuộc nhân loại, và thế giới của họ, đều vô lượng, trong mỗi ý nghĩ đều có người chứng được đẳng giác, vậy ta không nên thoái lui, khuất phục. 2. Những ai có cái ý lạc của tâm trí trong sạch, thì có năng lực thực hành lục độ, ta cũng đã có được cái ý lạc thù thắng ấy⁹², nên ta cũng có năng lực thực hành lục độ. 3. Người làm điều thiện kém cỏi mà khi chết rồi vẫn được mãn ý về sự vui thích, huống chi ta đây có cái điều thiện thù thắng do vĩnh đoạn chướng ngại, thì sự viên mãn làm sao không đạt được.

Lược Giải.-

Bồ tát trong phần đầu của giải hành vị (tức tư lương vị) hay có 3 điều thoái khuất. Một là thoái khuất vì tuệ giác rộng lớn, là nghe nói tuệ giác bồ đề tối thượng, rộng lớn, sâu xa, mà sinh tâm thoái khuất. Hai là thoái khuất vì vạn hạnh khó tu, là nghe nói vạn hạnh như bố thí rất là khó tu, mà sinh tâm thoái khuất. Ba là thoái khuất vì chuyển y khó chứng, là nghe nói 2 diệu quả chuyển y rất khó

chứng được, mà sinh tâm thoái khuất. Đối trị 3 sự thoái khuất này là 3 sự luyện mài tâm chí. Thứ nhất, dẫn việc người khác đã chứng tuệ giác vô thượng mà luyện mài tâm chí. Thứ hai, ý thức về ý lạc của mình mà luyện mài tâm chí. Thứ ba, đem điều thiện thô kém của người so với cái nhân vi diệu của mình mà luyện mài tâm chí.

Mục 2: Nói 4 Sự Phải Bỏ

Chính Văn.-

(Một), dứt bỏ tác ý, là tách rời cái tác ý của thanh văn duyên giác. (Hai), vĩnh viễn dứt bỏ sự hoài nghi của cái trí tuệ khác⁹³, là tách rời mọi sự hoài nghi đối với đại thừa. (Ba), dứt bỏ pháp chấp⁹⁴, là tách rời ngã và ngã sở trong giáo pháp được nghe và được nghĩ. (Bốn), dứt bỏ phân biệt, là tách rời tác ý và phân biệt đối với mọi hiện tượng hiện tiền và xác lập⁹⁵. Ở đây có 1 bài chính cú: Thế giới hiện tiền mà ta tự nhiên sống với, cùng với những ảnh tượng được xác lập, người có trí thì không phân biệt, nên được tuệ giác tối thượng.

Tiết 5: Quán Trí Ngộ Nhập

Chính Văn.-

Do cái gì và làm thế nào để được ngộ nhập? Do cái ý thức thuộc chủng loại đa văn huân tập và thuộc về tác ý đúng lý, mà kiến phần của nó có cái ấn tượng tương tự pháp và nghĩa, (do cái ý thức ấy mà phân thành 4 tâm tư và 4 thật trí). Bốn tâm tư là suy tìm chỉ là giả thiết về danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt⁹⁶. Bốn thật trí là biết chắc chỉ là giả thiết về danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt⁹⁷. Cả 4 tâm tư và 4 thật trí như vậy đồng là không thể thủ đắc. Chư vị bồ tát muốn ngộ nhập duy thức một cách đúng như sự thật, nên nỗ lực mà tu - tức là đem cái ý thức có cái ấn tượng tương tự về danh và nghĩa mà suy tìm danh chỉ là ý thức, suy tìm nghĩa dựa vào danh cũng chỉ là ý thức, suy tìm tự tánh và sai biệt của danh và nghĩa cũng chỉ là giả thiết. Bao giờ chứng được chỉ là ý thức, thì bấy giờ chứng biết danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt, toàn là không thật, đồng là không thể thủ đắc. Như vậy, do 4 tâm tư và do 4 thật trí mà chính nơi cái ý thức có ấn tượng tương tự danh và nghĩa mà ngộ nhập được đạo lý duy thức⁹⁸.

Tiết 6: Chủ Đề Ngộ Nhập

Chính Văn.-

Trong sự ngộ nhập duy thức nói trên, là ngộ nhập cái gì? ngộ nhập thế nào? (Ngộ nhập cái gì là) ngộ nhập duy thức, 2 phần và nhiều thứ⁹⁹, nghĩa là ngộ nhập danh, tự tánh của danh, sai biệt của danh, nghĩa, tự tánh của nghĩa, sai biệt của nghĩa, 6 thứ như vậy toàn là không thật, toàn là năng thủ sở thủ, toàn là nhiều thứ sự thể¹⁰⁰. (Ngộ nhập như thế nào là) như trong bóng tối thì cái giầy hiện ra như con rắn, nhưng trên cái giầy, con rắn là không, vì nó hoàn toàn không có. Biết con rắn là không, cái biết con rắn tuy mất, mà cái biết sợi giầy vẫn còn. Nếu phân tích kỹ thì sợi giầy cũng giả dối, vì chỉ do sắc hương vị xúc hợp thành, biết như vậy thì cái biết sợi giầy cũng mất. Như thế đó, khi cái ý thức có cái ấn tượng 6 tướng về danh và nghĩa nó dẹp bỏ 6 tướng không thật, thì cái biết duy thức như cái biết sợi giầy cũng sẽ loại bỏ - loại bỏ do cái biết biết về viên thành.

Tiết 7: Ngộ Nhập Sở Tri

Chính Văn.-

Vị bồ tát như vậy ngộ nhập cái ấn tượng tuồng như thật có của ý thức nên ngộ nhập biến kế, ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập y tha, còn viên thành thì ngộ nhập thế nào? Nếu đã loại bỏ cái ý tưởng duy thức vốn thuộc chủng loại đa văn huân tập của ý thức, thì bây giờ bồ tát đã loại bỏ ấn tượng thật có, mọi ấn tượng tuồng như thật có không thể phát sinh, nên cái ý tưởng duy thức cũng không sinh được. Vì lý do ấy mà đứng ở chỗ mọi nghĩa đều không có danh riêng, sống thích ứng với sự hiện thấy pháp tánh. Bây giờ là bồ tát đã phát sinh cái trí bình đẳng, không phân biệt năng tri sở tri, do đó mà vị bồ tát này được gọi là ngộ nhập viên thành. Ở đây có bài chính cú: Pháp, ngã, giáo pháp, nghĩa lý, đại lược, phong phú, căn bản, ô nhiễm, thanh tịnh, cứu cánh, đó là những danh hiệu gọi theo hành tướng sai biệt¹⁰¹. Như vậy là bồ tát đã ngộ nhập duy thức, nghĩa là ngộ nhập 3 tướng sở tri. Ngộ nhập như vậy là nhập vào Cực hỷ địa, đạt được pháp tánh, sinh nhà Như lai, được tâm bình đẳng đối với chúng sinh, tâm bình đẳng đối với bồ tát, tâm bình đẳng đối với Phật đà. Và đó là kiến đạo vị của bồ tát.

Tiết 8: Ích Lợi Ngộ Nhập

Chính Văn.-

Vì ích lợi chân thật nào mà ngộ nhập duy thức? Do (a là) cái trí chỉ quán vô lậu vin theo tổng tướng của giáo pháp đại thừa, và do (b là) cái trí hậu đắc của trí trên, cái trí vin theo những thứ tướng thức, nên ngộ nhập duy thức để (một là) diệt trừ chúng tử vừa là nguyên nhân vừa là sở duyên nơi a lại da, (hai là) làm lớn lên những chúng tử chứng đắc pháp thân, (ba là) chuyển đổi cái sở y¹⁰², (bốn là) chứng được toàn thể Phật pháp, (năm là) chứng được cái trí Nhất thế trí. Thêm

nữa, cái trí hậu đắc nhận thức mọi tướng được nhận thức đều phát sinh từ a lại da là như ảo thuật, nhận thức không thác loạn, nên, ví như nhà ảo thuật nhìn vào những trò ảo thuật, bỏ tất nhìn vào mọi tướng được nhận thức, và trình bày đạo lý nhân quả, luôn luôn không có thác loạn.

Tiết 9: Lịch Trình Ngộ Nhập

Chính Văn.-

Ở đây, khi ngộ nhập duy thức thì có 4 thứ định làm chỗ dựa cho 4 thứ thuận với phần quyết trạch¹⁰³. Nên nhận thức thế nào? Nên nhận thức rằng: (Một là) do 4 thứ tâm tư mà trong cái nhãn các pháp không thật¹⁰⁴ thuộc bậc thấp, có cái định được sáng, đó là chỗ dựa của Noãn thuận với phần quyết trạch. (Hai là) trong cái nhãn các pháp không thật thuộc bậc cao, có cái định thêm sáng, đó là chỗ dựa của Đảnh thuận với phần quyết trạch. (Ba là) lại do 4 thứ thật trí đã ngộ nhập duy thức, đã quyết định về các pháp không thật¹⁰⁵, có cái định nhập vào một phần chân thật¹⁰⁶, đó là chỗ dựa của Nhãn thuận với chân thật. (Bốn là) từ đó, một cách không cách hở mà dẹp bỏ ý tưởng duy thức, có cái định không còn cách hở, đó là chỗ dựa của Thế đệ nhất. Nhưng phải biết các định trên đây đang là bên cạnh hiện quán¹⁰⁷.

Lược Giải.-

Lịch trình quán chứng của đoạn này là như vậy. Một, ngộ nhập duy thức nên cảnh không thật: cảnh biến kế là không; đó là Noãn và Đảnh (giai đoạn tâm tư), và Nhãn (giai đoạn ngộ nhập). Hai, ngộ nhập cảnh không nên thức không sinh: thức y tha cũng diệt; đó là Thế đệ nhất. Ba, toàn thể bình đẳng: chứng đắc viên thành; đó là kiến đạo.

Tiết 10: Địa Vị Tu Đạo

Chính Văn.-

Bồ tát như vậy là đã bước vào các địa, đã được kiến đạo vị, đã ngộ nhập duy thức; rồi trong tu đạo vị thì phải tu hành như thế nào? Đối với giáo pháp 10 địa Phật dạy, mà đã thống nhiếp các kinh và cùng hiện tiền cả, bỏ tất do cả 2 phần căn bản và hậu đắc của cái trí chỉ quán vin theo tổng tướng giáo pháp ấy, luôn luôn tu tập trong vô lượng kiếp nên được chuyển y, (cùng lúc), để chứng được 3 loại thân Phật¹⁰⁸ nên tinh tiến tu hành.

Tiết 11: Hiện Quán Khác Nhau

Chánh Văn.-

Hiện quán của thanh văn với hiện quán của bồ tát có sai khác gì? Hiện quán của bồ tát khác với hiện quán của thanh văn là do 11 thứ, nên biết như vậy. Một là do đối tượng mà khác nhau, là lấy giáo pháp đại thừa mà làm đối tượng. Hai là do nuôi giữ mà khác nhau, là do 2 loại tư lương đại phước và đại trí làm yếu tố nuôi giữ. Ba là do thông suốt mà khác nhau, là thông suốt cả nhân vô ngã và pháp vô ngã. Bốn là do niết bàn mà khác nhau, là nhiếp thọ đại niết bàn vô trú. Năm là do địa vị mà khác nhau, là xuất ly bằng 10 địa. Sáu và Bảy là do thanh tịnh mà khác nhau, là dứt sạch tập khí phiền não, là làm sạch cõi Phật. Tám là do bình đẳng mà khác nhau, là được cái tâm bình đẳng đối với mình người, sự nỗ lực thành thực chúng sinh không bao giờ ngừng nghỉ. Chín là do chỗ sinh mà khác nhau, là sinh vào nhà Phật. Mười là do thọ sinh mà khác nhau, là thường sinh trong các đại tập hội của chư Phật¹⁰⁹. Mười một là do kết quả mà khác nhau, là 10 lực, 4 vô úy, 18 bất cộng, vô số phẩm chất của Phật như vậy đều được thành mãn.

Tiết 1: Chánh Cú Tự Làm

Chánh Văn.-

Ở đây có 2 bài chính cú: 1. Danh với nghĩa làm khách thể của nhau, đặc tính này nên tâm tư; tự tánh và sai biệt, 2 thứ ấy của danh và nghĩa cũng phải suy xét là duy thức và duy giả. 2. Thật trí quán sát sự không thật, chỉ có 3 loại phân biệt¹¹⁰: cái kia không thì cái này không¹¹¹, thế là ngộ nhập 3 tánh.

Tiết 2: Chánh Cú Dẫn Luận Phân Biệt Du Đà

Chánh Văn.-

Lại có 2 bài chính cú để giáo thọ, như luận Phân biệt du đà đã nói: 1. Trong định, bồ tát quán xét ấn tượng chỉ là tâm, đối cảnh đã không còn thì quán xét chỉ có tâm mình. 2. Cứ như thế ấy mà trú nơi nội tâm, nên như cái sở thủ đã không thì cái năng thủ cũng không, sau đó chạm vào sự không thủ đắc.

Tiết 3: Chánh Cú Dẫn Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh

Chánh Văn.-

Thêm nữa, có 5 bài chính cú về hiện quán, như luận Đại thừa trang nghiêm kinh nói: 1. Phước đức và trí tuệ 2 thứ tư lương ấy bồ tát khéo cụ bị một cách vô giới hạn, đối với pháp đã tư duy và khéo quyết trạch rồi thì biết ý nghĩa của pháp

ấy chỉ là danh ngôn. 2. Nếu biết mọi ý nghĩa chỉ là danh ngôn, trú ở nơi đạo lý duy tâm, thì thể là hiện chứng pháp tánh¹¹², nên (cảnh và tâm) cả 2 phần ấy đều loại bỏ. 3. Thể hội rời tâm thì không có cảnh riêng, do đó thể hội tâm cũng không có: người có tuệ giác thấu suốt 2 cái đều không nên đứng nơi pháp tánh bất nhị. 4. Người có tuệ giác do sức mạnh của trí vô phân biệt mà thường xuyên thuận hành pháp tánh một cách cùng khắp và bình đẳng, hủy diệt cái khối làm lỗi vắn vít, tựa như được phẩm rất tốt tiêu tan mọi độc chất. 5. Diệu pháp Phật dạy rất khéo xác lập; hãy đặt tuệ giác và bắt rễ vào trong diệu pháp ấy, thấu hiểu ý niệm và nghĩa thú chỉ là phân biệt¹¹³, mạnh mẽ và mau chóng mà về bến bờ của biển cả công đức.

Lược Giải.-

Có người nói 5 bài chính cú này là nói 5 địa vị, diễn tả lịch trình ngộ nhập: một là tư lương đạo, hai là da hành đạo, ba là thông đạt đạo, bốn là tu tập đạo, năm là cứu cánh đạo.

---o0o---

Phần 4

Chương 1: Tổng Minh Nhân Quả

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói sự ngộ nhập các pháp sở tri rồi, còn nhân quả của sự ngộ nhập ấy thì làm sao thấy được? (Sự ngộ nhập ấy) phải do 6 ba la mật là thí, giới, nhẫn, tiến, định, tuệ. Tại sao do 6 ba la mật làm nguyên nhân mà được ngộ nhập duy thức? Rồi tại sao 6 ba la mật lại làm thành quả của sự ngộ nhập ấy? (Sáu ba la mật làm nguyên nhân) là vị bồ tát này không ham tiền của địa vị, không phạm tịnh giới, với khổ thì không dao động, với tu thì không biếng nhác, trong những cái nhân tán động như vậy mà khi chúng không hiện hành thì tâm chuyên nhất nơi cảnh, như thế là có năng lực quyết trạch các pháp một cách đúng lý, nhập vào duy thức. (Sáu ba la mật làm thành quả) là vị bồ tát này do 6 ba la mật mà ngộ nhập duy thức rồi, chứng được 6 ba la mật thống thuộc cái ý lạc thanh tịnh tăng thượng. Vì vậy, giả sử tách rời sự nỗ lực hiện khởi của 6 ba la mật thì do cái thắng giải đối với giáo pháp Phật dạy, lại do những tác ý mến trọng, tùy hỷ và vui thích, nên vẫn thường xuyên, không cách hờ, thích ứng phương tiện tu tập 6 ba la mật mau được viên mãn. Ở đây có 3 bài chính cú: 1. đến 3. (Một) đã tròn đây cái pháp trong trắng, (hai) lại được cái nhẫn sắc bén, (ba) nên bồ tát đối với giáo pháp sâu rộng của đại thừa, (bốn) giác ngộ chỉ là phân biệt và được trí vô phân biệt, (năm) hy vọng và thắng giải thanh tịnh nên ý lạc thanh tịnh; (sáu) trước đó và nay đây do

giáo pháp đấng lưu ra mà cùng thấy được chư Phật, (bảy) xác quyết rằng gần với đại bồ đề, bởi vì không còn có sự khó được nữa. Do 3 bài chính cú này mà tổng quát biểu thị cái ý lạc thanh tịnh tăng thượng có 7 sắc thái: (1) tư lương (2) kham nhẫn (3) đối tượng (4) tác ý (5) bản thân (6) điềm tốt (7) lợi cao. Đúng theo sự tuần tự, 7 sắc thái này được các câu chính cú biểu thị, nên biết như vậy.

Mục 1: Nói Về Số Mục

Chính Văn.-

Vì lý do nào mà ba la mật chỉ có 6 số mục? Vì thành lập sự đối trị những nguyên nhân bị đối trị, vì làm chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật, và vì tùy thuận thành thực cho chúng sinh. Vì muốn đối trị cái nguyên nhân không đi tới, nên lập thí ba la mật và giới ba la mật - nguyên nhân không đi tới là ham tiền của địa vị và nhà cửa vợ con; vì muốn đối trị cái nguyên nhân làm cho đi tới rồi lại trở lui, nên lập nhẫn ba la mật và tiến ba la mật - nguyên nhân trở lui là đau khổ bởi chúng sinh xúc phạm gây ra khi mình ở trong sinh tử, và biếng nhác đối với sự nỗ lực trường kỳ tu tập thiện pháp; vì muốn đối trị cái nguyên nhân tuy đã đi tới và không trở lui nhưng hỏng mất, nên lập định ba la mật và tuệ ba la mật - nguyên nhân hỏng mất là mọi thứ tán động và trí tuệ sai lầm ác hại. Như thế đó là vì thành lập sự đối trị những nguyên nhân bị đối trị nên chỉ qui định có 6 số mục. Lại nữa, 4 ba la mật trước là nhân tố của sự không tán động, 1 ba la mật kế tiếp là thành tựu sự không tán động, sự không tán động này làm chỗ dựa nên biến giác một cách đúng như sự thật về chân lý của các pháp¹¹⁴, và thế là có năng lực chứng đắc tất cả Phật pháp. Như thế đó là vì làm chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật nên chỉ qui định có 6 số mục. Do thí ba la mật mà tiếp nhận chúng sinh, do giới ba la mật mà không hại chúng sinh, do nhẫn ba la mật mà nhịn chịu tai hại mình gặp, do tiến ba la mật mà tán trợ việc họ nên làm - do chính những yếu tố tiếp nhận và ích lợi chúng sinh như thế này mà làm cho họ có thể thành thực, nên từ đó sắp đi, ai tâm chưa định thì làm cho định tĩnh, ai tâm định rồi thì làm cho giải thoát, và khi khai ngộ cho họ thì họ được thành thực¹¹⁵. Như thế đó là vì tùy thuận thành thực cho chúng sinh mà chỉ qui định có 6 số mục. Nên biết như vậy.

Đoạn 1: Nói 6 Thứ Tối Thắng

Chính Văn.-

Sắc thái của 6 ba la mật làm sao thấy được? Do 6 thứ hơn hết mà thấy. Một do chỗ dựa hơn hết, là lấy tâm bồ đề làm chỗ dựa. Hai do sự việc hơn hết, là thực hành trọn vẹn. Ba do tiền đề hơn hết, là lấy sự lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh làm tiền đề. Bốn do phương tiện hơn hết, là được trí vô phân biệt tiếp nhận. Năm

do hồi hướng hơn hết, là hồi hướng vô thượng bồ đề. Sáu do thanh tịnh hơn hết, là phiền não và sở tri không còn chướng ngại mà nổi lên.

Đoạn 2: Nói 4 Câu Phân Biệt

Chính Văn.-

Thí là ba la mật? hay ba la mật là thí? Có cái là thí mà không phải là ba la mật, (có cái là ba la mật mà không phải là thí, có cái là thí mà cũng là ba la mật, có cái không phải là thí mà cũng không phải là ba la mật), nên làm 4 câu như vậy¹¹⁶. Như với thí, với các ba la mật khác cũng làm 4 câu, nên biết đúng cách.

Mục 3: Nói Về Thứ Tự

Chính Văn.-

Vì lý do nào mà 6 ba la mật nói theo thứ tự như vậy? Vì ba la mật trước thích ứng phát sinh ba la mật sau.

Mục 4: Nói Về Danh Từ

Chính Văn.-

Sự giải thích danh từ của các ba la mật làm sao thấy được? Đối với thiện pháp bố thí v/v của thế nhân, của thanh văn duyên giác, thì 6 pháp này rất hơn hết, có năng lực đạt đến bờ bến bên kia, nên gọi chung là ba la mật. Rồi (một) có năng lực phá nát sự keo lẩn, bần cùng, lại có năng lực dẫn ra phước đức tư lương, đem lại tiền tài địa vị rộng lớn, nên gọi là thí. (Hai) có năng lực hủy diệt giới luật ác, nẻo đường ác, lại có năng lực thủ đắc nẻo đường lành, sự đấng trì¹¹⁷, nên gọi là giới. (Ba) có năng lực tận diệt phần nộ, oán thù, lại có năng lực khéo sống trong sự yên ổn mình người, nên gọi là nhẫn. (Bốn) có năng lực rời xa mọi sự biếng nhác, ác, bất thiện, lại có năng lực xuất sinh và tăng trưởng vô lượng thiện pháp, nên gọi là tiến. (Năm) có năng lực tiêu trừ mọi sự tán động, lại có năng lực dẫn ra sự đứng yên nơi nội tâm, nên gọi là định. (Sáu) có năng lực hủy bỏ mọi kiến thức sai lầm, mọi trí tuệ ác hại. lại có năng lực biết các pháp đúng với chân thật và phạm loại¹¹⁸, nên gọi là tuệ.

Đoạn 1: Nói Chung 5 Sự Tu Tập

Chính Văn.-

Nên biết như thế nào về sự tu tập các pháp ba la mật này? Nên biết sự tu tập ấy đại lược có 5 sự. Một là tu tập bằng sự nỗ lực nổi lên. Hai là tu tập bằng sự thắng giải. Ba là tu tập bằng sự tác ý. Bốn là tu tập bằng sự phương tiện khéo léo. Năm là tu tập bằng sự thành tựu việc làm. Tựu trung, 4 sự tu tập thì như trước đã nói¹¹⁹, còn sự thành tựu việc làm là chư vị Như lai thì việc Phật vận dụng tự nhiên mà không có ngừng nghỉ, đối với các pháp ba la mật mà các Ngài đã viên mãn các Ngài lại hoạt dụng các pháp ấy.

Đoạn 2: Nói Riêng Sự Tu Tập Tác Ý

Chính Văn.-

Lại nữa, tu tập bằng sự tác ý là tu tập 6 thứ ý lạc thống nhiếp mọi tác ý mền trọng, tùy hỷ và vui thích: một là ý lạc rộng lớn, hai là ý lạc trường kỳ, ba là ý lạc hoan hỷ, bốn là ý lạc mang ơn, năm là ý lạc chí lớn, sáu là ý lạc thuần lành. (Một) nếu các vị bồ tát trải qua bao nhiêu vô số đại kiếp mới hiện chứng vô thượng bồ đề, trong thì gian ấy giả sử mỗi một sát na bỏ hết mọi thân mạng, đem 7 thứ quý báu chứa đầy trong hằng sa thế giới mà phụng thí chư vị Như lai, làm như vậy cho đến ngày an tọa trên pháp tòa bồ đề, vậy mà các vị bồ tát ấy ý lạc về thí vẫn không biết chán và biết đủ; lại cũng trải qua ngàn ấy thì gian, giả sử trong mỗi sát na lửa dữ đầy cả đại thiên thế giới, đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng thiếu thốn mọi thứ để sống, vậy mà giới, nhẫn, tiến, định, tuệ, vẫn thường xuyên hiện hành, cho đến ngày an tọa trên pháp tòa bồ đề, giới, nhẫn, tiến, định, tuệ, bao nhiêu ý lạc ấy, các vị bồ tát vẫn không biết chán biết đủ, như thế đó gọi là ý lạc rộng lớn của bồ tát. (Hai) chính cái ý lạc không biết chán đã nói, cho đến ngày an tọa trên pháp tòa bồ đề, các vị bồ tát thường xuyên không cách hở, không ngừng nghỉ, như thế đó gọi là ý lạc trường kỳ của bồ tát. (Ba) các vị bồ tát đem 6 ba la mật của mình mà lợi ích chúng sinh, do việc làm này mà hoan hỷ một cách sâu xa, nỗi hoan hỷ của chúng sinh được lợi ích cũng không sánh bằng, như thế đó gọi là ý lạc hoan hỷ của bồ tát. (Bốn) các vị bồ tát đem 6 ba la mật lợi ích chúng sinh, thấy họ có ơn lớn với mình, không thấy mình có ơn với họ, như thế đó gọi là ý lạc mang ơn của bồ tát. (Năm) các vị bồ tát đem những thiện căn do 6 ba la mật tập hợp được, bằng tâm lý sâu xa, xoay lại mà hiến cho tất cả chúng sinh, làm cho họ được quả báo khả ái và thù thắng, như thế đó gọi là ý lạc chí lớn của bồ tát. (Sáu) các vị bồ tát lại đem những thiện căn do 6 ba la mật tập hợp được, cùng với chúng sinh xoay lại mà cầu vô thượng bồ đề, như thế đó gọi là ý lạc thuần lành. Đó là (thứ nhất) bồ tát tu tập tác ý mền trọng bao gồm 6 thứ ý lạc. Các vị bồ tát đối với vô lượng thiện căn thích ứng tu tập 6 thứ ý lạc của vị bồ tát khác thì tùy hỷ sâu xa, đó là (thứ hai) bồ tát tu tập tác ý tùy hỷ bao gồm 6 thứ ý lạc. Các vị bồ tát vui thích sâu xa đối với 6 ba la mật thống thuộc 6 thứ ý lạc của tất cả chúng sinh, lại nguyện cho đến ngày an tọa

trên pháp tòa bồ đề, bản thân cùng với 6 ba la mật không bao giờ rời nhau, đó là (thứ ba) bồ tát tu tập tác ý vui thích bao gồm 6 thứ ý lạc. Nếu ai nghe được sự tu tập 3 thứ tác ý bao gồm 6 thứ ý lạc của bồ tát mà chỉ có được một ý nghĩ tin tưởng, vẫn còn sinh ra khỏi phước vô lượng, những nghiệp chướng ác cũng sẽ tiêu tan, huống chi bồ tát.

Mục 6: Nói Về Chi Tiết

Chính Văn.-

Chi tiết của các pháp ba la mật ấy, làm sao nhìn thấy? Phải biết mỗi ba la mật đều có 3 loại. Ba loại của thí là thí chánh pháp, thí tài sản, thí vô úy. Ba loại của giới là giới luật nghi, giới nhiếp thiện pháp, giới lợi ích chúng sinh. Ba loại của nhẫn là nhẫn oán hại, nhẫn khổ sở, nhẫn pháp¹²⁰. Ba loại của tiến là tiến áo giáp¹²¹, tiến đi tới, tiến không khiếp nhược không thoái chuyển không mừng đủ. Ba loại của định là định an trú, định dẫn phát, định thành sự¹²². Ba loại của tuệ là tuệ đa hành vô phân biệt, tuệ căn bản vô phân biệt, tuệ hậu đắc vô phân biệt¹²³.

Mục 7: Nói Về Thống Nhiếp

Chính Văn.-

Làm sao thấy được sự thống nhiếp lẫn nhau¹²⁴ ? Sáu ba la mật này thống nhiếp được hết thấy thiện pháp, bởi vì (hết thấy thiện pháp) là sắc thái của 6 ba la mật, là tùy thuận của 6 ba la mật, là đẳng lưu của 6 ba la mật.

Mục 8: Nói Về Sở Trị

Chính Văn.-

Như vậy những thứ bị đối trị của ba la mật là bao gồm các pháp tạp nhiễm, thì nhìn thấy như thế nào? (Phải thấy) là bản thân, là nguyên nhân và là hậu quả (của mỗi thứ bị đối trị¹²⁵).

Mục 9: Nói Về Ích Lợi

Chính Văn.-

Những ích lợi thù thắng của 6 ba la mật đạt được, làm sao nhìn thấy? Là các vị bồ tát khi lưu chuyển sinh tử thì (thí) làm cho giàu sang, (giới) làm cho sinh mạng lớn lao, (nhẫn) làm cho bằng hữu và dòng họ lớn lao, (tiến) làm cho sự

nghiệp lớn lao và hoạt động thành tựu, (định) làm cho bảm tính nhẹ mỏng trần tục, không có não hại, (tuệ) làm cho học rành công nghệ và tất cả ngũ minh¹²⁶. (Thêm nữa, và nói tổng quát, thì) đời sống thù thắng, không dẫn ra tội lỗi, cho đến ngày ngồi trên pháp tòa bồ đề, thường xuyên hiện hành mọi sự nghĩa lợi¹²⁷ cho tất cả chúng sinh, đó là lợi ích thù thắng (của 6 ba la mật).

Mục 10: Nói Về Quyết Trạch

Chính Văn.-

Nên nhìn thấy như thế nào về sự quyết trạch lẫn nhau của 6 ba la mật? Là đức Thế tôn đối với tất cả 6 ba la mật này, có chỗ lấy tiếng thí mà nói, có chỗ lấy tiếng giới mà nói, có chỗ lấy tiếng nhẫn mà nói, có chỗ lấy tiếng tiến mà nói, có chỗ lấy tiếng định mà nói, có chỗ lấy tiếng tuệ mà nói. Nói như vậy là có ý thú gì? Có nghĩa trong phần da hành¹²⁸ của hết thấy ba la mật đều có hết thấy ba la mật hỗ trợ mới thành được. Ý thú là như vậy.

Tiết 2: Kết Bằng Chính Cú

Chính Văn.-

Ở đây có 1 bài chính cú ôn đà nam: Số mục, sắc thái, thứ tự, danh từ, tu tập, chi tiết, thống nhiếp, sở trị, ích lợi, quyết trạch, nên biết như vậy (về 6 ba la mật).

Chương 1: Thiết Lập 10 Địa

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói nhân quả của sự ngộ nhập rồi, còn sự tu tập về nhân quả ấy làm sao thấy được? Thấy được qua 10 địa¹²⁹ của bồ tát. Những gì là 10 địa? Một là cực hỷ địa, hai là ly cấu địa, ba là phát quang địa, bốn là diệm tuệ địa, năm là nan thắng địa, sáu là hiện tiền địa, bảy là viễn hành địa, tám là bất động địa, chín là thiện tuệ địa, mười là pháp vân địa. Lý do thiết lập 10 địa như vậy làm sao thấy được? Vì muốn đối trị 10 thứ vô minh¹³⁰ là những chướng ngại bị đối trị. Tại sao, vì 10 sắc thái pháp tánh có 10 vô minh chướng ngại. Những gì là 10 sắc thái pháp tánh? Trong địa thứ nhất là phổ biến, trong địa thứ hai là tối thắng, trong địa thứ ba là thắng lưu, trong địa thứ tư là không nhiếp thọ, trong địa thứ năm là không sai biệt, trong địa thứ sáu là không nhiễm tịnh, trong địa thứ bảy là mỗi pháp không sai biệt, trong địa thứ tám là không thêm bớt, thân tự tại độ tự tại, trong địa thứ chín là trí tự tại, trong địa thứ mười là nghiệp tự tại, tổng trì tự tại, chánh định tự tại¹³¹. Trong đây có 3 bài chính cú: 1. đến 3. Phổ biến, tối thắng,

thắng lưu, không nhiếp thọ, không sai biệt, không nhiễm tịnh, mỗi pháp không sai biệt, không thêm bớt và thân tự tại độ tự tại, trí tự tại, nghiệp tự tại, 10 sắc thái pháp tánh như vậy bị chướng ngại vì 10 vô minh không ô nhiễm; để đối trị 10 vô minh chướng ngại này nên thiết lập 10 địa. Phải biết 10 vô minh như vậy, đối với thanh văn thì không phải là ô nhiễm, nhưng đối với bồ tát thì là ô nhiễm.

Lược Giải.-

Thiết lập 10 địa là để đối trị 10 vô minh, và 10 vô minh có người kể như ghi chú đã ghi. Nhưng có lẽ đó không phải là ý của đoạn này. Đoạn này nói 10 địa có 10 sắc thái pháp tánh, 10 sắc thái này bị 10 vô minh chướng ngại, vậy 10 cái tên vô minh có lẽ đi liền với 10 sắc thái, ví dụ: thứ 1 là vô minh chướng ngại cho sắc thái pháp tánh phổ biến, v/v.

Chương 2: Danh Nghĩa 10 Địa

Chính Văn.-

Thêm nữa, (một) tại sao địa thứ nhất gọi là cực hỷ, vì ở đây lần đầu tiên được cái năng lực thù thắng là có thể làm thành mọi sự nghĩa lợi cho mình người. (Hai) tại sao địa thứ hai gọi là ly cấu, vì ở đây xa rời đến cùng cực những sự phạm giới dơ bẩn. (Ba) tại sao địa thứ ba gọi là phát quang, vì ở đây là chỗ dựa của đẳng trì và đẳng chí¹³² không thoái chuyển, là chỗ dựa của ánh sáng chánh pháp lớn lao. (Bốn) tại sao địa thứ tư gọi là diệm tuệ, vì ở đây các pháp bồ đề phần¹³³ đốt tiêu hết thấy chướng ngại. (Năm) tại sao địa thứ năm gọi là nan thắng, vì trí chân để với trí thế gian mâu thuẫn với nhau, mà ở đây kết hợp được 2 thứ khó kết hợp đó, làm cho thích ứng với nhau. (Sáu) tại sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền, vì ở đây cái trí duyên khởi¹³⁴ làm chỗ dựa, khiến cho tuệ ba la mật hiện ra trước mắt. (Bảy) tại sao địa thứ bảy gọi là viên hành, vì ở đây là đã đến giới hạn cuối cùng của hữu công dụng hành. (Tám) tại sao địa thứ tám gọi là bất động, vì ở đây hết thấy hữu tướng, hữu công dụng hành, đều không thể dao động. (Chín) tại sao địa thứ chín gọi là thiện tuệ, vì ở đây được trí vô ngại¹³⁵ loại thù thắng nhất. (Mười) tại sao địa thứ mười gọi là pháp vân, vì ở đây được cái trí tổng duyên tất cả các pháp, hàm tàng hết thấy đà la ni môn và tam ma địa môn; ở đây ví như mây lớn, che được sự chướng ngại rộng lớn như không gian; ở đây lại viên mãn được pháp thân.

Chương 3: Nói Về Thủ Đắc

Chính Văn.-

Làm sao thấy được sự thủ đắc 10 địa như vậy? Do 4 sự thủ đắc. Một là thủ đắc thắng giải, là thủ đắc sự tin hiểu sâu xa đối với các địa. Hai là thủ đắc chánh hạnh, là thủ đắc 10 pháp hạnh thích hợp với các địa¹³⁶. Ba là thủ đắc thông đạt, là khi ở địa thứ nhất thông đạt pháp giới thì đã thông đạt cùng khắp tất cả các địa. Bốn là thủ đắc thành mãn, là tu chứng các địa đạt đến cứu cánh.

Tiết 1: Tu Chỉ Quán

Chánh Văn.-

Sự tu tập các địa làm sao thấy được? Là các vị bồ tát trong mỗi địa đều tu chỉ và quán, bằng 5 sắc thái tu tập. Những gì là 5 sắc thái? Là tu tổng tập, tu không tướng, tu không dụng công, tu xí thanh, tu không mình đui¹³⁷. Năm sự tu tập này làm cho bồ tát thành tựu 5 sự kết quả: (1) trong mỗi ý nghĩ, tiêu dung chỗ dựa của mọi thứ thô nặng; (2) rời xa các tướng, được cái vui trong hoa viên chánh pháp; (3) biết được chính xác cái ánh sáng chánh pháp lớn lao, không có giới hạn, phổ biến và vô lượng; (4) đã hiện hành cái vô tướng thuận với phần thanh tịnh, không còn phân biệt; (5) để viên mãn thành tựu pháp thân, nên nhiếp thọ chính xác những nhân tố thù thắng của những địa ở sau¹³⁸.

Tiết 2: Tu 10 Độ

Chánh Văn.-

Do sự thêm hơn lên mà nói 10 địa tu riêng 10 ba la mật¹³⁹. Sáu địa trước thì tu riêng 6 ba la mật đã nói. Còn 4 địa sau tu riêng 4 ba la mật là một, phương tiện ba la mật, là đem những thiện căn của 6 ba la mật trước đã tập hợp được mà chung với chúng sinh xoay lại cầu vô thượng bồ đề. Hai, nguyện ba la mật, là phát ra mọi sự đại nguyện nhiệm mầu, dẫn ra những dữ kiện thù thắng cho các ba la mật đương lai. Ba, lực ba la mật, là do 2 lực, tư trạch lực¹⁴⁰ và tu tập lực, mà làm cho 6 ba la mật trước hiện hành một cách không gián đoạn. Bốn, trí ba la mật, là do cái trí nhiệm mầu được thành tựu bởi 6 ba la mật trước mà hưởng thụ pháp lạc và thành thực chúng sinh. Tất cả 4 ba la mật này đều thống nhiếp vào phần hậu đắc của trí vô phân biệt của tuệ ba la mật. Thêm nữa, trong tất cả địa không phải không tu tập tất cả ba la mật¹⁴¹. Và pháp môn như thế này chính là kho tàng ba la mật¹⁴².

Tiết 1: Nói Bằng Tản Văn

Chánh Văn.-

Trải qua bao nhiêu thì gian tu hành các địa mới được viên mãn? Có 5 giai đoạn¹⁴³, trải qua 3 vô số kiếp. (Một) giai đoạn hành giải, trải qua vô số kiếp thứ nhất tu hành viên mãn. (Hai) giai đoạn thanh tịnh ý lạc, giai đoạn hữu tướng hành, giai đoạn vô tướng hành, tức 6 địa trước đến địa thứ 7, trải qua vô số kiếp thứ hai tu hành viên mãn. (Ba) giai đoạn vô công dụng hành, tức địa thứ 8 đến địa thứ 10, trải qua vô số kiếp thứ ba tu hành viên mãn.

Lược Giải.-

Hãy nói 5 giai đoạn trước. Giai đoạn giải hành (là 1), giai đoạn thanh tịnh ý lạc (là 2) chia ra 3 giai đoạn: giai đoạn hữu tướng hành (là 3) giai đoạn vô tướng hành (là 4) giai đoạn vô công dụng hành (là 5). Nay nói 3 vô số kiếp. Vô số kiếp thứ nhất là giai đoạn giải hành (gồm 10 trú, 10 hạnh, 10 hướng, 4 da hành). Vô số kiếp thứ hai có 2 giai đoạn: giai đoạn hữu tướng hành (địa thứ 1 đến địa thứ 6) giai đoạn vô tướng hành (địa thứ 7). Vô số kiếp thứ ba là giai đoạn vô công dụng hành (địa thứ 8 đến địa thứ 10). Như vậy thực sự chỉ có 4, nhưng nói 5 là vì tổng quát lại thì có 2 giai đoạn: giai đoạn giải hành và giai đoạn thanh tịnh ý lạc.

Tiết 2: Nói Bằng Chính Cú

Chính Văn.-

Ở đây có 1 bài chính cú: thanh tịnh lực, tăng thượng lực, kiên cố lực, thắng tiến lực, đó là bồ tát bắt đầu tu hành 3 vô số kiếp.

Lược Giải.-

Thanh tịnh lực là cụ bị 2 tư lương phước trí mà khắc phục những chướng ngại cần phải khắc phục. Tăng thượng lực là cụ bị đại nguyện và thân cận đại thiện tri thức mà bước tới. Kiên cố lực là cụ bị chí ý kiên cố để ma lực không thể làm cho thoái chuyển. Thắng tiến lực là cụ bị sức mạnh tinh tiến mà, trong từng ý nghĩ, sự tu tập thêm và hơn lên để đạt đến viên mãn. Bắt đầu về 3 vô số kiếp là bồ tát phải có 4 lực như vậy.

Chương 1: Nói Về Xuất Xứ

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói sự tu tập về nhân quả rồi, còn sự thù thắng của giới tăng thượng trong sự tu tập ấy thì làm sao thấy được? Hãy thấy như đã được nói đến, trong phần Chính thọ bồ tát giới, thuộc Bồ tát địa (của luận Du đà sư địa).

Tiết 1: Chi Tiết Thù Thắng

Chính Văn.-

Thêm nữa, nên biết đại lược do 4 sự thù thắng dưới đây mà thấy giới tăng thượng này là thù thắng: một là do sự chi tiết thù thắng, hai là do học xứ chung với không chung thù thắng, ba là do sự rộng lớn thù thắng, bốn là do sự sâu xa thù thắng. (Một), sự chi tiết thù thắng là bỏ tất giới có 3 loại: một là giới luật nghi, hai là giới nhiếp thiện pháp, ba là giới lợi ích chúng sinh. Tựu trung, giới luật nghi thì nên biết có nghĩa là xây dựng 2 giới nhiếp thiện pháp và lợi ích chúng sinh, giới nhiếp thiện pháp thì nên biết có nghĩa là xây dựng sự tu tập hết thấy Phật pháp, giới lợi ích chúng sinh thì nên biết có nghĩa là xây dựng sự thành thực hết thấy chúng sinh.

Lược Giải.-

Giới luật nghi xây dựng 2 giới nhiếp thiện pháp và nhiếp chúng sinh, lời cắt nghĩa này rất đáng quan tâm.

Tiết 2: Chung Với Không Chung Thù Thắng

Chính Văn.-

(Hai), học xứ chung với không chung thù thắng, là các vị bỏ tất thì vì tất cả tánh tội đều không hiện hành, nên chung với thanh văn; nhưng giá tội tương tự¹⁴⁴ thì có trường hợp hiện hành, nên không chung với thanh văn. Đối với học xứ giá tội, có thứ thanh văn phạm mà bỏ tất không phạm, có thứ bỏ tất phạm mà thanh văn không phạm. Thêm nữa, bỏ tất có đủ cả các giới thân miệng ý, thanh văn chỉ có 2 giới thân miệng, thế nên bỏ tất thì ý cũng có phạm giới, chứ không phải thanh văn (ý cũng có như vậy). Chính yếu mà nói, thì tất cả 3 nghiệp thân miệng ý không tội lỗi mà lợi ích chúng sinh, thì bỏ tất nên hiện hành tất cả, nên tu học tất cả. Như thế đó nên biết gọi là chung với không chung thù thắng.

Tiết 3: Rộng Lớn Thù Thắng

Chính Văn.-

(Ba), sự rộng lớn thù thắng thì lại do 4 thứ rộng lớn nữa: một là rộng lớn vì học xứ thì đủ loại và vô lượng, hai là rộng lớn vì phước đức được thấu đạt rất là vô lượng, ba là rộng lớn vì ý lạc thì muốn lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh, bốn là rộng lớn vì xây dựng thì xây dựng vô thượng bồ đề.

Tiết 4: Sâu Xa Thù Thắng

Chính Văn.-

(Bốn), sự sâu xa thù thắng là các vị bồ tát do loại phương tiện khéo léo¹⁴⁵, làm 10 việc sát sinh v/v mà không có tội lỗi, sinh vô lượng phước, mau chứng vô thượng bồ đề. Thêm nữa, các vị bồ tát hiện hành 2 nghiệp thân miệng biến hóa, thì nên biết đó cũng là giới pháp sâu xa; vì lý do này mà có khi bồ tát làm quốc vương, thị hiện những việc bức não chúng sinh, đặt họ đứng vững vào trong giới pháp. Thêm nữa, các vị bồ tát thị hiện những việc bản sinh, làm những sự bức não chúng sinh mà thực sự nhiếp hóa chúng sinh, trước làm cho họ tin tưởng sâu xa, sau đi đến thành thực. Như thế đó là sự sâu xa thù thắng của giới pháp mà bồ tát học tập. Do 4 sự thù thắng đã nói đại lược trên đây, nên biết luật nghi của bồ tát rất là thù thắng.

Chương 3: Kết Chỉ Kinh Khác

Chính Văn.-

Chi tiết như vậy của học xứ bồ tát, nên biết còn có vô lượng chi tiết nữa, như đã được nói trong kệ kinh đại thừa Tỳ nại da cù sa.

Chương 1: Nêu Lên Chi Tiết

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói sự thù thắng của giới tăng thượng rồi, còn sự thù thắng của định tăng thượng thì làm sao thấy được? Đại lược do 6 chi tiết, nên biết như vậy: một là đối tượng, hai là chủng loại, ba là đối trị, bốn là năng lực, năm là dẫn ra, sáu là việc làm.

Tiết 1: Đối Tượng

Chính Văn.-

(Một), đối tượng của định tăng thượng là lấy giáo pháp đại thừa mà làm đối tượng.

Tiết 2: Chủng Loại

Chính văn.-

(Hai), chủng loại của định tăng thượng là định Đại thừa quang minh, định Tập phước định vương, định Hiền thủ, định Kiện hành¹⁴⁶, v/v, chủng loại vô lượng.

Tiết 3: Đối Trị

Chính Văn.-

(Ba), đối trị của định tăng thượng là cái trí vin theo tông tướng của các pháp, bằng vào cái cách ví như lấy chốt tháo chốt¹⁴⁷ mà trừ bỏ tất cả sự thô nặng¹⁴⁸ của 2 chương ngại nơi a lại da.

Tiết 4: Năng Lực

Chính Văn.-

(Bốn), năng lực của định tăng thượng là sống trong cái vui của thiền định thì tùy ý muốn mà thọ sinh¹⁴⁹.

Tiết 5: Dẫn Ra

Chính Văn.-

(Năm), dẫn ra của định tăng thượng là dẫn ra thân thông vô ngại trong mọi thế giới¹⁵⁰.

Mục 1: Làm Thân Thông

Chính Văn.-

(Sáu), việc làm của định tăng thượng là chấn động thế giới, phóng ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp mọi khu vực, làm cho mọi thế giới trở nên thấy được, làm cho vật thể chuyển biến, đi lại trong từng sát na giữa các thế giới, thu lại và phóng ra cả không gian và thì gian, thu mọi sắc tượng vào nơi bản thân, đến với loài nào thì hiện ra thân hình cùng loại, hoặc hiện hoặc ẩn, tự do làm cho các loài biến thể, chế ngự thân thông thấp kém của người khác, truyền cảm hứng hùng biện cho người thuyết pháp, và truyền cảm hứng ghi nhớ và thích thú cho người nghe pháp, phóng ra ánh sáng lớn những lúc thuyết pháp, dẫn ra những thân thông lớn lao như vậy.

Đoạn 1: Nói 10 Việc Khó

Chính Văn.-

Lại dẫn ra làm 10 việc khó làm. Mười việc khó làm, một là tự thệ nguyện: thệ nguyện thụ đắc vô thượng bồ đề; hai là không thoái lui: những cái khổ sinh tử không thể làm cho thoái lui; ba là không ruồng bỏ: không ruồng bỏ những kẻ làm theo tà hạnh; bốn là khó trước mắt: kẻ thù mà vẫn làm lợi ích cho họ; năm là không nhuốm bẩn: sống với đời mà không bị việc đời làm hôi tanh; sáu là tin khó hiểu: tuy chưa hiểu đại thừa mà vẫn tin giáo pháp rộng lớn sâu xa; bảy là thông khó thông: thông suốt nhân vô ngã và pháp vô ngã; tám là hiểu khó hiểu: hiểu được những ngôn từ sâu xa bí mật của đức Như lai tuyên thuyết; chín là không bỏ nhiệm: không bỏ sinh tử mà không nhiễm sinh tử; mười là làm khó làm: tu được sự giải thoát chướng ngại của Phật, cùng tận biên cương của sinh tử mà vận dụng tự nhiên, thường xuyên làm việc nghĩa lợi cho chúng sinh.

Thứ 1: Nói Qua Sự Giải Thích 6 Độ

Chính Văn.-

Thêm nữa, trong việc (thứ 8) hiểu khó hiểu, là các vị bồ tát hiểu được những ngôn từ bí mật nào của đức Như lai tuyên thuyết? Là như kệ kinh nói, (1) tại sao bồ tát cho được, là nếu bồ tát không cho chút gì mà cho cả mười phương vô lượng thế giới; (2) tại sao bồ tát thích cho, là nếu bồ tát không ưa thích mọi sự cho; (3) tại sao bồ tát tin hiểu sâu xa vào sự cho, là nếu bồ tát không tin đức Như lai mà cho; (4) tại sao bồ tát khích lệ sự cho, là nếu bồ tát không tự khích lệ sự cho; (5) tại sao bồ tát đam mê sự cho, là nếu bồ tát không tạm thời cho chút ít; (6) tại sao sự cho của bồ tát rộng lớn, là nếu bồ tát rời sự phân tán; (7) tại sao sự cho của bồ tát trong sạch, là nếu bồ tát phát sinh keo lãn; (8) tại sao sự cho của bồ tát rốt ráo, là nếu bồ tát không đứng nơi sự rốt ráo; (9) tại sao sự cho của bồ tát tự tại, là nếu bồ tát không tự tại trong sự cho; (10) tại sao sự cho của bồ tát vô tận, là nếu bồ tát không đứng nơi sự vô tận¹⁵¹. Như sự thí như vậy, thì kế tiếp là giới và cuối cùng là tuệ, tùy sự thích hợp, nên biết cũng là như vậy.

Thứ 2: Nói Qua Sự Giải Thích 10 Ác

Chính Văn.-

(1) Sát sinh là gì, là nếu cắt đứt sự sinh tử lưu chuyển của chúng sinh; (2) Lấy cắp là gì, là nếu không ai cho cũng tự thu lấy chúng sinh; (3) Tà hạnh là gì, là nếu biết dâm dục bất chánh mà tu chánh hạnh; (4) Nói dối trá là gì, là nếu nói được sự dối trá trong sự nói dối trá; (5) Nói ly gián là gì, là nếu thường cư trú trong sự Không tối thượng; (6) Nói thô ác là gì, là nếu khéo léo đứng yên nơi bờ bến niết bàn; (7) Nói thêu dệt là gì, là nếu nói chính xác mọi chủng loại và chi tiết của các pháp; (8) Tham dục là gì, là nếu luôn luôn muốn tự chứng đắc thiên định tối

thượng; (9) Sân hận là gì, là nếu chính xác ghét và hủy diệt mọi thứ phiền não nơi tâm trí; (10) Tà kiến là gì, là nếu thấy được đúng như sự thật cái tánh tà đi khắp mọi nơi.

Thứ 3: Nói Qua Sự Giải Thích Pháp Phật Sáu Xa

Chính Văn.-

Pháp của Phật sáu xa thì thế nào là pháp của Phật sáu xa? Ở đây nên giải thích: (1) pháp thường trú là pháp của Phật, vì pháp thân của Ngài là thường trú; (2) pháp đoạn diệt là pháp của Phật, vì mọi sự chướng ngại vĩnh viễn đoạn diệt; (3) pháp sinh khởi là pháp của Phật, vì thân biến hóa của Ngài biểu hiện sinh khởi; (4) pháp thủ đắc là pháp của Phật, vì 84 ngàn hành vi chúng sinh và sự đối trị của hành vi ấy đều có thể thủ đắc; (5) pháp tham lam là pháp của Phật, vì tự nguyện nhiếp thọ chúng sinh tham lam làm bản thể của mình; (6) pháp sân hận là pháp của Phật, (7) pháp ngu si là pháp của Phật, (8) pháp dị sinh là pháp của Phật, nên biết cũng là như vậy, (cũng là vì tự nguyện nhiếp thọ chúng sinh sân hận, ngu si và dị sinh làm bản thể của mình); (9) pháp không dơ là pháp của Phật, vì thành mãn cái chân như mà mọi chướng ngại dơ bản không thể làm dơ; (10) pháp không bản là pháp của Phật, vì sống trong đời mà không bị việc đời làm bản. Như thế đó gọi là pháp của Phật sáu xa.

Mục 3: Làm 4 Việc

Chính Văn.-

Định tăng thượng lại dẫn ra 4 việc: tu tập 6 ba la mật, thành thực tất cả chúng sinh, làm sạch thế giới của Phật, hoàn thành các pháp của Phật¹⁵². Nên biết 4 pháp này cũng là việc làm của định tăng thượng của bồ tát.

Mục 1: Nêu Lên

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói sự thù thắng của định tăng thượng rồi, còn sự thù thắng của tuệ tăng thượng thì làm sao thấy được? Là tự tánh, sở y, nhân duyên, sở duyên, hành tướng, nhiệm trì, trợ bạn, dị thực, đẳng lưu, xuất ly, cứu cánh, thắng lợi, sai biệt, thí dụ, tác sự và thậm thâm¹⁵³ của trí vô phân biệt. Nên biết trí vô phân biệt được nói như vậy thì gọi là sự thù thắng của tuệ tăng thượng.

Đoạn 1: Giải Thích Tự Tánh

Chính Văn.-

Tự trung, tự tánh của trí vô phân biệt là không phải 5 trạng thái: một là không phải không tác ý, hai là không phải không tâm tư, ba là không phải không thọ tướng, bốn là không phải sắc tự tánh, năm là không phải kế đạt đối với chân như. Không phải 5 trạng thái như vậy thì nên biết đó gọi là trí vô phân biệt.

Lược Giải.-

Trí vô phân biệt dĩ nhiên không tác ý, tâm tư và thọ tướng, nhưng không tác ý như trạng thái hôn mê, không tâm tư như nhị thiên sắp lên, không thọ tướng như diệt tận định thì không phải là trí vô phân biệt. Trí này cũng không vô tri giác như sắc chất. Đối tượng hóa chân như ra mà kế đạt, sự kế đạt ấy cũng không phải trí vô phân biệt.

Thứ 1: Tự Tánh

Chính Văn.-

Đối với 16 sắc thái được xác lập của trí vô phân biệt như trên đã nói, ở đây lại nói 25 bài chính cú. 1. Tự tánh của trí vô phân biệt của bồ tát là không phải 5 trạng thái, nhất là trạng thái kế đạt chân như.

Thứ 2: Sở Y

Chính Văn.-

2. Sở y của trí vô phân biệt của bồ tát không phải tâm mà là tâm, bởi vì nó không thuộc chủng loại tư lượng.¹⁵⁴

Thứ 3: Nhân Duyên

Chính Văn.-

3. Nhân duyên của trí vô phân biệt của bồ tát là do đa văn huân tập cùng với tác ý đúng lý.

Thứ 4: Sở Duyên

Chính Văn.-

4. Sở duyên của trí vô phân biệt của bồ tát là pháp tánh ly ngôn, tức chân như vô ngã.

Thứ 5: Hành Tướng

Chính Văn.-

5. Hành tướng của trí vô phân biệt của bồ tát là, đối với đối tượng sở duyên, biết đối tượng ấy là phi sắc thái danh ngôn. 6. Đặc tính tương ứng là tương ứng với đối tượng sở phân biệt chứ không phải gì khác, và đối tượng ấy chỉ là những chữ liên kết lại, triển chuyển thành sự tương ứng. 7. Không phải tách rời cái năng thuyên mà có cái sở thuyên để trí biết đến, nhưng năng thuyên và sở thuyên không phải hoàn toàn tương đồng, do vậy mà pháp tánh thì phi danh ngôn.

Thứ 6: Nhiệm Trì

Chính Văn.-

8. Nhiệm trì của trí vô phân biệt của bồ tát là làm cho những bồ tát hạnh sau đó tiến mau và lớn thêm.

Thứ 7: Trợ Bạn

Chính Văn.-

9. Trợ bạn của trí vô phân biệt của bồ tát là 5 ba la mật mà nói ra 2 đạo. (4 ba la mật trước là tư lương đạo, định ba la mật là y chỉ đạo).

Thứ 8: Dị Thục

Chính Văn.-

10. Dị thục của trí vô phân biệt của bồ tát là do phân da hành của trí ấy mà sinh trong 2 đại hội (tha thọ dụng và biến hóa) của Phật¹⁵⁵.

Thứ 9: Đăng Lưu

Chính Văn.-

11. Đăng lưu của trí vô phân biệt của bồ tát là trong những đời sau, tự thể của nó hơn thêm lên.

Thứ 10: Xuất Ly

Chính Văn.-

12. Xuất ly của trí vô phân biệt của bồ tát là nên biết trong 10 địa, (địa thứ nhất rời khỏi hệ lụy nên) được gọi là được, (các địa sau thoát khỏi chướng ngại nên) được gọi là thành.

Thứ 11: Cứu Cánh

Chính Văn.-

13. Cứu cánh của trí vô phân biệt của bồ tát là chứng được 3 thân thể thanh tịnh và thành được 10 tự tại tối thượng.

Thứ 12: Thắng Lợi

Chính Văn.-

14. Trí vô phân biệt không nhiễm như hư không, là vì (phần da hành của nó) chuyển được các ác nghiệp cực nặng, nhờ vào sự tin hiểu (chân như vô phân biệt). 15. Trí vô phân biệt không nhiễm như hư không, là vì (phần căn bản của nó) thoát ly mọi sự chướng ngại, được gọi là thích ứng với sự được và thích ứng với sự thành. 16. Trí vô phân biệt như hư không, là vì (phần hậu đắc của nó) thường đi trong thế gian mà không bị mọi sự của thế gian làm cho ô nhiễm.

Thứ 13: Sai Biệt

Chính Văn.-

17. Như người câm muốn biết (mà chưa biết, cũng không nói được), như người câm biết được (mà không nói được), như người không câm biết được (và nói được): 3 phần của trí vô phân biệt được ví dụ như vậy. 18. Như người ngu muốn biết, như người ngu biết được, như người không ngu biết được: 3 phần của trí vô phân biệt được ví dụ như vậy. 19. Như 5 thức muốn biết, như 5 thức biết được, như ý thức biết được: 3 phần của trí vô phân biệt được ví dụ như vậy. 20. Như người chưa hiểu luận văn mà muốn hiểu, như người hiểu được, như người hiểu được mà dạy được: tuần tự ví dụ cho 3 phần da hành, căn bản và hậu đắc của trí vô phân biệt. Nên biết như vậy.

Thứ 14: Thí Dụ

Chính Văn.-

21. Như người nhắm mắt, phần căn bản của trí vô phân biệt cũng là như vậy; như người ấy mở mắt, phần hậu đắc của trí vô phân biệt cũng là như vậy. 22. Nên biết như hư không, phần căn bản của trí vô phân biệt cũng là như vậy; như trong hư không ấy hiện mọi hình sắc, phần hậu đắc của trí vô phân biệt cũng là như vậy.

Thứ 15: Tác Sự

Chính Văn.-

23. Như ngọc như ý và nhạc khí chư thiên, không tư lượng mà vẫn thành việc: mọi việc Phật làm, thành mà không tư lượng thì cũng như vậy.

Thứ 16: Thâm Thâm

Chính Văn.-

24. Không phải chính nơi pháp tánh chân như mà cũng không phải nơi nào khác, không phải trí mà là trí; vì cùng với pháp tánh chân như không khác gì nhau, nên trí vô phân biệt thành vô phân biệt. 25. Nên biết pháp tánh của các pháp là không phân biệt: sở phân biệt là không nên trí vô phân biệt cũng không.

Tiết 2: Nói Chi Tiết

Chính Văn.-

Ở đây trí vô phân biệt phần đa hành có 3 thứ: do nhân tố, do dẫn ra, do tập luôn, và đó là do sự phát sinh mà có khác nhau¹⁵⁶. Trí vô phân biệt phần căn bản có 3 thứ: đã đầy đủ, không thác loạn, không hý luận, và đó là do sự không phân biệt mà có khác nhau¹⁵⁷. Trí vô phân biệt phần hậu đắc có 5 thứ: thông suốt, tùy nghĩ, thiết lập, tổng hợp, đúng ý, và đó là do sự tư trạch mà có khác nhau¹⁵⁸.

Mục 1: Dẫn Kinh Đại Thừa A Tì Đạt Ma Nói Về Không Phải Thật

Chính Văn.-

Lại có 6 bài chính cú xác lập trí vô phân biệt như vậy: 1. Ngạ quỷ, bàng sinh, cùng với chư thiên, nhân loại, mỗi loài tùy thích ứng mà sự đồng đẳng nhưng tâm khác biệt, nên tôi cho rằng biến kế là không thật. 2. Quá khứ, vị lai, mộng ảnh, 2 ấn tượng của hiện cảnh và trong định, tuy đối tượng không thật có mà ấn tượng

vẫn thành tựu. 3. Nếu sự mà thật thì không có trí vô phân biệt, không có trí ấy mà nói Phật quả chứng đắc thì vô lý. 4. Bồ tát được định tự tại thì do thắng giải lực mà muốn đạt v/v thành gì cũng thành cả. Những người đắc định khác cũng vậy. 5. Thành tựu sự quyết trạch là có trí mà được định, thì tư duy các pháp, tư duy thế nào biểu hiện như thế. 6. Trí vô phân biệt mà hiện hành thì mọi sự không hiển hiện, mà sự không thì thức cũng không¹⁵⁹.

Mục 2: Dẫn Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Nói Về Không Phải Chỗ

Chính Văn.-

Tuệ ba la mật với trí vô phân biệt không khác gì nhau, như nói bồ tát đứng nơi bát nhã ba la mật không thích ứng 5 chỗ thì tu tập viên mãn 5 ba la mật khác. Như thế nào gọi là không thích ứng 5 chỗ mà tu tập viên mãn? Là do xa lìa 5 chỗ sau đây. Một là xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo. Hai là xa lìa chỗ phân biệt của bồ tát chưa thấy chân như. Ba là xa lìa chỗ nhị biên của sinh tử với niết bàn. Bốn là xa lìa chỗ mừng đủ của sự chỉ dứt phiền não chướng. Năm là xa lìa chỗ niết bàn vô dư y không còn đoái hoài gì đến lợi ích yên vui cho chúng sinh.

Tiết 4: Nói Thù Thắng

Chính Văn.-

Trí thanh văn với trí bồ tát khác gì nhau? Do 5 sắc thái sau đây mà khác nhau, nên biết như vậy. Một là khác vì không phân biệt, tức không phân biệt các pháp 5 uẩn v/v. Hai là khác vì không phải phần ít, tức thông đạt chân như, nhập vào lĩnh vực tất cả chúng loại, phổ độ tất cả chúng sinh, chứ không phải chỉ có phần ít mà thôi. Ba là khác vì vô trú, tức lấy niết bàn vô trú làm chỗ cư trú. Bốn là khác vì rốt ráo, tức trong niết bàn vô dư y mà không có cùng tận. Năm là khác vì vô thượng, tức trên cái trí vô phân biệt của đại thừa này không còn thừa nào hơn nữa. Ở đây có 1 bài chính cú: Những bậc lấy đại bi làm bản chất, thì do cái trí có 5 sắc thái hơn cả, mà trong sự thành mãn thuộc lĩnh vực thế gian hay sự thành mãn thuộc lĩnh vực xuất thế, nên nói rằng những bậc ấy tối cao xa.

Chương 2: Giải Nghi Về 3 Tầng Thượng

Chính Văn.-

Nếu các vị bồ tát thành tựu giới tăng thượng, định tăng thượng và tuệ tăng thượng như vậy, công đức viên mãn, tiền tài địa vị đều đại tự tại, thì tại sao hiện thấy có người thiếu thốn tiền tài địa vị? Vì thấy người ấy có cái nghiệp nặng trở

ngại cho tiền tài địa vị, vì thấy người ấy nếu được cho tiền tài địa vị thì chớ ngại cho thiện pháp thượng thượng, vì thấy người ấy nếu thiếu thốn tiền tài địa vị thì chán bỏ hiện hữu, vì thấy người ấy nếu được cho tiền tài địa vị thì dồn chứa những nhân tố của pháp bất thiện, vì thấy người ấy nếu được cho tiền tài địa vị thì thế là gây ra bao nhiêu nguyên nhân tổn hại người khác: vì thế mà hiện thấy có người thiếu thốn tiền tài địa vị. Ở đây có 1 bài chĩnh cú: Thấy có nghiệp rất nặng, thấy sinh ra chớ ngại, thấy không chán hiện hữu, thấy dồn chứa nhân ác, thấy tổn hại người khác, nên hiện có những người không cảm ứng với sự bố thí của bồ tát.

Tiết 1: Nói Thê Tướng

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói sự thù thắng của tuệ tăng thượng rồi, còn sự thù thắng của đoạn đức của sự tu tập làm sao thấy được? Đoạn đức là niết bàn vô trú của bồ tát. Thê tướng của niết bàn ấy là xả bỏ tạp nhiễm mà không xả bỏ sinh tử, chuyển y chỗ dựa của 2 phần (sinh tử và niết bàn). Ở đây, sinh tử là phần tạp nhiễm nơi y tha, niết bàn là phần thanh tịnh nơi y tha, chỗ dựa của 2 phần là y tha thông cả 2 phần. Chuyển y là chính y tha khi nổi lên sự đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm mà chuyển được phần thanh tịnh.

Lược Giải.-

Niết bàn nghĩa là chính nơi y tha mà chuyển bỏ biến kế tạp nhiễm, chuyển được viên thành thanh tịnh. Niết bàn vô trú là bỏ tạp nhiễm (phiền não) mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử mà cũng không trú nơi niết bàn. Do vậy, niết bàn là chuyển y.

Mục 1: Nói Chi Tiết

Chính Văn.-

Chuyển y như vậy đại lược có 6 trạng thái. Một là chuyển bằng sự bớt sức mạnh thêm khả năng, là do thắng giải lực sống trong đa văn huân tập, lại do có sự hộ thẹn, nên làm cho phiền não chỉ hiện hành một phần ít, còn một phần không hiện hành. Hai là chuyển bằng sự thông đạt, là các vị bồ tát đã nhập đại địa, (từ địa thứ nhất) đến địa thứ sáu, trước mắt chân thật thì hiển hiện, phi chân thật thì không hiển hiện. Ba là chuyển bằng sự tu tập, là (từ địa thứ bảy) đến địa thứ mười, còn có chớ ngại, hữu tướng không hiển hiện mà chân thật thì hiển hiện. Bốn là chuyển bằng sự viên mãn, là vĩnh viên không còn chớ ngại, hữu tướng không

hiển hiện, chân thật tối thanh tịnh thì hiển hiện, đã được tự tại đối với hữu tướng. Năm là chuyển một cách thấp kém, là các vị thanh văn chỉ thông đạt được nhân không vô ngã, một bề chống sinh tử, một bề bỏ sinh tử. Sáu là chuyển một cách rộng lớn, là các vị bồ tát thông đạt cả pháp không vô ngã, chính nơi sinh tử mà thấy là thanh tịnh, dấu đoạn tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử.

Lược giải.-

Sáu chuyển y, thứ 6 là đại thừa, thứ 5 là tiểu thừa. Trong đại thừa lại có 4 chuyển y của 4 bồ tát vị: giải hành vị, thông đạt vị, tu tập vị, cứu cánh vị.

Mục 2: Nói Mất Được

Chính Văn.-

Nếu các bồ tát ở nơi sự chuyển y thấp kém thì có lỗi làm gì? Là không đoái hoài đến sự lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh, trái bỏ tất cả các pháp bồ tát, chỉ giải thoát như tiểu thừa thấp kém: đó là lỗi làm mất mát. Nếu các bồ tát ở nơi sự chuyển y rộng lớn thì có công đức gì? Là lấy chuyển y của đại thừa làm chỗ dựa nên được tự tại trong sinh tử, thị hiện thân hình chúng sinh trong tất cả nẻo đường sinh tử, đem những phương tiện điều phục khéo léo là đời sống thù thắng (của nhân loại và chư thiên) và giáo pháp 3 thừa (thanh văn duyên giác bồ tát) mà xây dựng cho chúng sinh được giáo hóa: đó là công đức nhận được.

Tiết 1: Nói Về Chuyển Y Giải Thoát

Chính Văn.-

Ở đây có 4 bài chính cú: 1. Phàm phu che khuất chân thật nên một bề hiển hiện hư vọng. Bồ tát xả bỏ hư vọng nên một bề hiển hiện chân thật. 2. Nên biết hiển hiện với không hiển hiện, chân thật với hư vọng, hễ chuyển y thì giải thoát, tùy ý mà tự tại.

Tiết 2: Nói Về Niết Bàn Vô Trí

Chính Văn.-

3. Đối với sinh tử niết bàn, nếu nổi lên cái trí bình đẳng, thì bây giờ do đó mà chứng được sinh tử tức niết bàn. 4. Do vậy, đối với sinh tử không phải xả bỏ không phải không xả bỏ, cũng tức là đối với niết bàn không phải chứng đắc không phải không chứng đắc.

Chương 1: Nói Thở Tánh

Chính Văn.-

Như vậy là đã nói sự thù thắng của đoạn đức của sự tu tập, còn sự thù thắng của trí đức của sự tu tập thì làm sao thấy được? Do 3 loại thân Phật mà biết sự thù thắng của trí đức: một là do tự tánh thân, hai là do thọ dụng thân, ba là do biến hóa thân. Tự trung, tự tánh thân là pháp thân của chư vị Như lai, do các pháp tự tại chuyển chỗ y cứ; thọ dụng thân là dựa vào pháp thân, ở tại chúng hội của chư Phật nơi tịnh độ¹⁶⁰, thọ dụng pháp lạc đại thừa; biến hóa thân là cũng dựa vào pháp thân, từ Đâu suất thiên cung thị hiện ẩn mật, thọ sinh, thọ dục, vượt thành xuất gia, đến chỗ ngoại đạo, tu các khổ hạnh, chứng đại bồ đề, chuyển đại pháp luân, nhập đại niết bàn.

Tiết 1: Tổng Tiêu

Chính Văn.-

Ở đây có 1 bài chính cú ôn đà nam: Tướng, chứng đắc, tự tại, y chỉ, nhiếp trì, sai biệt, đức, thâm thâm, niệm, nghiệp, nói về (pháp thân của) chư Phật.

Đoạn 1: Chuyển Y

Chính Văn.-

Pháp thân chư Phật lấy gì làm sắc thái? Nên biết pháp thân đại lược có 5 sắc thái. Thứ nhất là sắc thái chuyển y, là chuyển diệt y tha thuộc phần tạp nhiễm chướng ngại, chuyển được y tha thuộc phần thanh tịnh, giải thoát chướng ngại, tự tại với pháp.

Đoạn 2: Bạch Pháp Thành Tự

Chính Văn.-

Thứ hai là sắc thái bạch pháp thành tự, là do 6 ba la mật viên mãn mà được 10 tự tại. Tự trung, sống lâu tự tại, tâm thức tự tại và đồ dùng tự tại, là do viên mãn thí ba la mật; nghiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới ba la mật; thắng giải tự tại là do viên mãn nhẫn ba la mật; nguyên tự tại là do viên mãn tiến ba la mật; thần lực tự tại, thống nhiếp tất cả ngũ thông, là do viên mãn định ba la mật; trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn tuệ ba la mật¹⁶¹.

Đoạn 3: Vô Nhị

Chính Văn.-

Thứ ba là sắc thái vô nhị, là có không không hai, vì các pháp không thật có mà chân không hiển lộ thì thật có; là hữu vi vô vi không hai, vì không làm nghiệp và phiền não, nhưng tự tại thị hiện là vẫn có làm; là mâu thuẫn đồng nhất không hai, vì chỗ y cứ của chư Phật thì không dị biệt, nhưng vô lượng chúng sinh hiện thành đẳng giác. Ở đây có 2 bài chính cú: 1. Vì ngã chấp không còn, nên trong pháp tánh không còn thấy có những cái thân riêng biệt. Nhưng tùy theo cái thân chúng đặc riêng biệt ngày trước, nên thiết lập ra khác nhau. 2. Khác nhau vì chúng tánh, vì không rộng, vì viên mãn, vì không đầu¹⁶², chỗ y cứ là pháp tánh thanh tịnh thì không riêng biệt, nên chư Phật không phải nhiều mà cũng không phải một.

Đoạn 4: Thường Trú

Chính Văn.-

Thứ tư là sắc thái thường trú, vì chân như thì thanh tịnh, vì bản nguyện dẫn ra, vì việc đáng làm thì không có cái thời kỳ kết thúc.

Đoạn 5: Bất Khả Tư Nghị

Chính Văn.-

Thứ năm là sắc thái bất khả tư nghị, vì chân như thanh tịnh chỉ chứng đắc từ bên trong, vì không có sự ví dụ nào của thế gian có thể ví dụ được, vì không phải là chỗ mà mọi tâm tư có thể thấu đến.

Mục 2: Chứng Đắc

Chính Văn.-

Pháp thân như vậy làm sao chứng đắc lúc đầu? Là do trí căn bản vô phân biệt và trí hậu đắc vô phân biệt vin theo ấn tượng tổng quát của pháp đại thừa, khéo tu với 5 sắc thái tu tập¹⁶³, nơi tất cả bồ tát vị thì tích tụ tư lương phước trí, đến kim cang dụ định thì phá được chướng ngại nhỏ nhiệm khó phá, định này vô gián thoát ly tất cả chướng ngại nên chứng đắc chuyển y.

Mục 3: Tự Tại

Chính Văn.-

Pháp thân do mấy thứ tự tại mà tự tại? Đại lược do 5 thứ. Thứ nhất do sự tự tại về quốc độ, về bản thân, về tướng hảo, về âm thanh vô biên, về tướng vô kiến đánh, ấy là do chuyển chỗ y cứ của sắc uẩn. Thứ hai do sự tự tại về cái vui rộng lớn, không tội lỗi và không số lượng, ấy là do chuyển chỗ y cứ của thọ uẩn. Thứ ba do sự tự tại về hùng biện tất cả danh thân, cú thân và văn thân, ấy là do chuyển chỗ y cứ của tướng uẩn. Thứ tư do sự tự tại hóa hiện, biến đổi, dẫn nhiếp đại chúng, dẫn nhiếp bạch pháp, ấy là do chuyển chỗ y cứ của hành uẩn. Thứ năm do sự tự tại về đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quan sát trí, thành sở tác trí, ấy là do chuyển chỗ y cứ của thức uẩn.

Mục 4: Y Chỉ

Chính Văn.-

Pháp thân y cứ vào mấy chỗ? Đại lược vào 3 chỗ. Thứ nhất do những chỗ y cứ của Phật cư trú. Ở đây có 2 bài chính cú: 1. Chư Phật được 5 thứ tánh hỷ là do đẳng chứng pháp tánh, (các vị thanh văn) không được 5 thứ tánh hỷ là do không đẳng chứng pháp tánh ấy; nên ai cầu 5 thứ tánh hỷ thì phải đẳng chứng pháp tánh. 2. Một là năng lực vô lượng, hai là sự thành vô lượng, ba là pháp vị viên mãn, bốn là nghĩa đức viên mãn, được 4 sự tánh hỷ này thì tối thắng, không tội lỗi, năm là thấy thường vô tận¹⁶⁴. Thứ hai do những chỗ y cứ của thọ dụng thân, chỉ để thành thực cho các vị bồ tát. Thứ ba do những chỗ y cứ của biến hóa thân, phần nhiều để thành thực cho các vị thanh văn v/v.

Mục 5: Nhiếp Trì

Chính Văn.-

Nên biết pháp thân do mấy Phật pháp nhiếp trì? Đại lược do 6 Phật pháp. Một, do thanh tịnh, là chuyển a lại da mà được pháp thân. Hai, do dị thực, là chuyển sắc căn mà được trí diễ thực. Ba, do an trú, là chuyển sự ở nơi ngũ dục mà được ở nơi 4 vô lượng tâm. Bốn, do tự tại, là chuyển sự tự tại của các nghiệp vụ tiếp thu mà được sự tự tại của cái trí thần thông vô ngại qua lại trong mọi thế giới. Năm, do ngôn ngữ, là chuyển ngôn ngữ hý luận của mọi thứ thấy nghe hay biết mà được sự tự tại của cái trí hùng biện làm cho lòng chúng sinh vui vẻ. Sáu, do bạt tế, là chuyển sự cứu vớt mọi thứ tai nạn lầm lỗi mà thành cái trí cứu vớt tất cả tai nạn lầm lỗi cho tất cả chúng sinh. Nên biết pháp thân được 6 pháp như vậy của Phật thu giữ.

Mục 6: Sai Biệt

Chính Văn.-

Pháp thân chư Phật nên nói khác nhau? hay nên nói không khác? Vì chỗ y cứ (là pháp tánh thanh tịnh), vì ý lạc (cùng muốn cứu độ chúng sinh) và vì việc làm (cứu độ chúng sinh) không khác nhau, nên nên nói không khác; nhưng vô lượng chúng sinh thành bậc đẳng giác, nên nên nói có khác. Nói pháp thân như vậy thì nói thọ dụng thân cũng vậy: ý lạc và việc làm không khác nhau, nên nên nói không khác; nhưng không phải chỉ do chỗ y cứ không khác nhau, mà còn vô lượng thân thể khác nhau (nên nên nói có khác). Nên biết biến hóa thân nên nói như thọ dụng thân.

Đoạn 1: Nói Các Đức

Chính Văn.-

Pháp thân thích ứng với mấy đức? Thích ứng với 20 công đức tối thanh tịnh: 4 tâm vô lượng, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 trí vô ngại, 6 thân thông, 30 tướng đại trượng phu, 80 tùy hình hảo, 4 tất cả tướng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô úy, 3 bất hộ, 3 niệm trú, bạt nhỏ tập khí, sự không quên mất, đại bi, 18 pháp bất cộng, nhất thể tướng diệu trí. Ở đây có 16 bài chỉnh cú (nói về 20 công đức mới kê): 1. Kính lạy đáng thương xót chúng sinh, phát khởi 4 thứ ý lạc: muốn chúng sinh hòa đồng cái vui, muốn chúng sinh xa lìa nỗi khổ, muốn chúng sinh không mất hoan hỷ, muốn chúng sinh hưởng mọi lợi lạc¹⁶⁵. 2. Kính lạy đáng giải thoát hết thảy chướng ngại, bậc thánh hơn cả thế gian, tuệ giác cùng khắp các pháp, đáng tâm giải thoát như vậy¹⁶⁶.

Chính Văn.-

3. Kính lạy đáng diệt được cho chúng sinh tất cả mê hoặc, không còn thừa sót, tổn hại phiền não, thường xuyên thương xót những người còn có ô nhiễm¹⁶⁷. 4. Kính lạy đáng không còn dụng công, không còn vướng mắc, không bị ngăn ngại, thường xuyên tịch định, giải đáp nạn hỏi¹⁶⁸.

Chính Văn.-

5. Kính lạy đáng đối với sự được nói là giáo pháp sở y và nghĩa lý năng y, đối với sự nói là ngôn từ và trí tuệ, đều sử dụng tuệ giác vô ngại mà thường khéo thuyết pháp¹⁶⁹. 6. Kính lạy đáng vì khéo giáo hóa chúng sinh nên thị hiện phi hành,

biết rõ ngôn âm, biết rõ tâm hành, biết rõ quá khứ, biết rõ vị lai, ra khỏi phiền não¹⁷⁰.

Chính Văn.-

7. Kính lạy đấng khai đạo, chúng sinh nhìn thấy Ngài thì ai cũng biết chắc chắn đó là bậc Thiên sĩ, và nhìn thấy chốc lát cũng tin tưởng sâu xa¹⁷¹. 8. Kính lạy đấng chứng đắc (4 sự thanh tịnh toàn bộ), đó là tùy ý giữ hay bỏ sự sống lâu của thân mạng, biến hóa chất và biến đổi hình của thế giới, định tâm và trí giác hoàn toàn tự tại¹⁷².

Chính Văn.-

9. Kính lạy đấng chế ngự ma vương, kẻ lừa dối chúng sinh trong 4 sự: phương tiện, qui y, thanh tịnh và xuất ly¹⁷³. 10. Kính lạy đấng ngoại đạo không thể thắng được, vì tự lợi thì nói về trí đức và nói về đoạn đức, lợi tha thì nói về xuất ly và nói về chướng ngại¹⁷⁴.

Chính Văn.-

11. Kính lạy đấng chế ngự đại chúng, bằng cách ở trong đại chúng thuyết pháp một cách điều phục sự chỉ trích của họ; Ngài lại rời bỏ 2 sự dơ bẩn là ưa khen ghét chê. Ngài không phải giữ gìn cái gì, cũng không có sự quên mất¹⁷⁵. 12. Kính lạy đấng không lúc nào không biến giác chân lý, nên khắp trong mọi cử động đi đứng nằm ngồi toàn là sự dụng của trí giác viên minh¹⁷⁶.

Chính Văn.-

13. Kính lạy đấng không có sự lãng quên: trong sự lợi ích yên vui cho chúng sinh, việc Ngài làm thường xuyên không lỡ cơ hội và không vô hiệu quả¹⁷⁷. 14. Kính lạy đấng tâm ý lợi lạc chúng sinh, bằng cách ngày đêm 6 buổi quan sát toàn thể thế giới, sự quan sát đi đôi với tâm đại bi¹⁷⁸.

Chính Văn.-

15. Kính lạy đấng hơn hết tất cả thanh văn duyên giác, do hành do chứng do trí do nghiệp của Ngài¹⁷⁹. 16. Kính lạy đấng hủy diệt nghi hoặc cho hết thấy mọi người ở khắp mọi nơi, vì Ngài đã chứng đắc trí đại bồ đề đủ mọi phẩm chất, nghĩa là thủ đắc tất cả 3 thân¹⁸⁰.

Đoạn 2: Nói 6 Đức

Chính Văn.-

Pháp thân chư Phật, ngoài sự thích ứng với các đức như trên, lại còn thích ứng với 6 đức: tánh, nhân, quả, nghiệp, tương ứng, chuyển hiện. Do đó pháp thân chư Phật viên mãn công đức vô thượng, nên biết như vậy. Ở đây có 2 bài chính cú: 1. và 2. (Tánh là chứng đắc) viên thành thắng nghĩa, (nhân là tu tập) tất cả các địa mà xuất sinh, (quả là) đạt đến vị trí trên hết tất cả chúng sinh, (nghiệp là) giải thoát cho tất cả chúng sinh, (tương ứng là) thích ứng với các đức vừa vô tận vừa vô đẳng, (chuyển hiện là hiện biến hóa thân thì) thế gian thấy được, (hiện thọ dụng thân thì) đại hội Bồ Tát thấy được, (nhưng tự tánh thân thì) không phải nhân loại chư thiên v/v được thấy.

Mục 8: Sáu Xa

Chính Văn.-

Pháp thân chư Phật rất sâu xa, cực kỳ rất sâu xa, trạng thái rất sâu xa ấy làm sao thấy được? Ở đây có 12 bài chính cú: 1. Chư Phật thì không thọ sinh mà thọ sinh, không trú ở mà trú ở, việc làm thì toàn là không còn dụng công, và ăn là sự ăn thứ tư¹⁸¹. 2. Không khác nhau mà cùng không số lượng, không số lượng nhưng cùng làm một việc như nhau, và việc làm có loại không thường xuyên, có loại thường xuyên, nên Phật thì đủ cả 3 thân¹⁸².

Chính Văn.-

3. Sự hiện hành đẳng giác thì không phải có, sự giác ngộ toàn bộ thì không phải không; trong mỗi ý nghĩ có vô số lượng chúng sinh do sự có với sự không mà hiển lộ ra (là đức Phật)¹⁸³. 4. Không phải ô nhiễm mà không phải tách rời ô nhiễm, do dục mà được xuất ly; biết dục là không dục, ngộ nhập pháp tánh của dục¹⁸⁴.

Chính Văn.-

5. Chư Phật siêu quá các uẩn mà an trú trong các uẩn: Phật cùng với uẩn không phải đồng nhất không phải dị biệt, không xả bỏ mà khéo vắng lặng¹⁸⁵. 6. Chư Phật thì việc làm viên dung như nước vào biển cả, nên ta đã làm, ta đang làm, ta sắp làm, chư Phật không có lối tư duy như vậy¹⁸⁶.

Chính Văn.-

7. Chúng sinh vì tội chướng mà không hiện thấy Phật, như đồ bẻ thì không có nước và được mặt trăng hiện ra. Ánh sáng chánh pháp của Phật tựa như mặt trời

soi khắp thể gian, (nhưng chúng sinh tội chướng thì như người mù không thấy được ánh sáng ấy).¹⁸⁷. 8. Hoặc thị hiện thành đấng giác, hoặc thị hiện nhập niết bàn, như lửa khi đốt khi tắt. (Nhưng lửa khi đốt khi tắt mà) không bao giờ không có, chư Phật cũng vậy, vì Phật thì thường trú¹⁸⁸.

Chính Văn.-

9. Trong pháp phi thánh, trong nhân loại và các nẻo ác, trong pháp phi phạm hạnh, Phật an trú trong tự thể tối thắng¹⁸⁹. 10. Phật hiện hành khắp nơi mà cũng không hiện hành một nơi nào; thân Phật hiện hành mọi nơi, sự đó không phải 6 giác quan biết được¹⁹⁰.

Chính Văn.-

11. Phiền não bị đàn áp chứ không bị hủy diệt, như độc tố bị chú lực vô hiệu hóa. Nên bỏ tất để lại phiền não, cho đến khi phiền não hết hẳn thì chứng được trí toàn giác của Phật¹⁹¹. 12. Phiền não trở thành giác phân, sinh tử mà làm niết bàn: vì đủ đại phương tiện như vậy nên Phật thì bất khả tư nghị¹⁹².

Chính Văn.-

Nên biết 12 bài chính cú như trên là nói sự sâu xa có 12 thứ: sự sâu xa về sinh, trú, nghiệp và ăn, sự sâu xa về an lập, số lượng và việc làm, sự sâu xa về hiện thành đấng giác, sự sâu xa về lý dục, sự sâu xa về đoạn diệt các uẩn, sự sâu xa về thành thực chúng sinh, sự sâu xa về hiển hiện của Phật, sự sâu xa về thị hiện thành đấng giác và nhập niết bàn, sự sâu xa về an trú, sự sâu xa về thị hiện bản thân, sự sâu xa về đoạn diệt phiền não, sự sâu xa về bất khả tư nghị.

Đoạn 1: Nói Về Niệm Phật

Chính Văn.-

Nếu các bồ tát niệm pháp thân của Phật, thì nên niệm bằng mấy mắt? Đại lược mà nói, thì bồ tát niệm pháp thân của Phật bằng 7 mắt sau đây. Một là chư Phật hoàn toàn tự tại đối với tất cả các pháp, nên niệm Phật như vậy, vì Phật thì thần thông vô ngại đối với toàn thể các thế giới hệ. Ở đây có 1 bài chính cú: Chúng sinh vô lượng, nhưng có người đủ mọi chướng ngại, có người thiếu các yếu tố, lại có những người bị 2 loại quyết định là nghiệp chướng và báo chướng, đối với mọi người như vậy thì Phật không thể tự tại. Hai là thân chư Phật thường trú, nên niệm Phật như vậy, vì Phật thì chân như đã vô gián thoát hết dơ bẩn. Ba là chư Phật tối thắng, không tội lỗi, nên niệm Phật như vậy, vì Phật thì tất cả phiền

não chướng và sở tri chướng đều đã thoát ly. Bốn là chư Phật không còn dụng công, nên niệm Phật như vậy, vì Phật thì không còn dụng công mà mọi việc Phật làm đều không ngừng nghỉ. Năm là chư Phật hưởng thụ rất giàu vui, nên niệm Phật như vậy, vì tịnh độ của Phật thì rất giàu vui. Sáu là chư Phật rời hết ô nhiễm, nên niệm Phật như vậy, vì Phật thì sống trong đời mà việc đời không thể ô nhiễm. Bảy là chư Phật làm thành việc lớn, nên niệm Phật như vậy, vì Phật thì thị hiện thành đấng giác, thị hiện nhập niết bàn, v/v, tất cả chúng sinh ai chưa thành thực thì Phật làm cho thành thực, ai thành thực rồi thì Phật làm cho giải thoát. Ở đây có 2 bài chĩnh cú: 1. và 2. Tự tại, thường trú, thanh tịnh, không còn dụng công, cho chúng sinh đại pháp lạc, sống khắp nơi mà không bị ô nhiễm, lợi ích đồng đẳng cho bao chúng sinh: chư Phật viên mãn những mặt như vậy, người có trí nên niệm chư Phật về mọi mặt ấy.

Đoạn 2: Nói Về Tịnh Độ

Chính Văn.-

Sắc thái của Phật độ thanh tịnh, làm sao biết được? Như trong phẩm tựa của kinh Bách thiên, thuộc bộ tát tạng, đã nói. Rằng đức Thế tôn ở trong đại cung điện, nơi được cấu trúc bằng 7 chất liệu quý báu rực rỡ hơn hết, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô biên quốc độ (1. hiển sắc viên mãn), nơi có vô số khu vực được trang sức tuyệt diệu và vị trí xen nhau (2. hình sắc viên mãn), nơi mà hình lượng tràn đầy một cách vô giới hạn và khó ước tính (3. phần lượng viên mãn), nơi mà hình lượng ấy siêu việt lĩnh vực 3 cõi (4. phương sở viên mãn), nơi được tạo thành bởi loại thiện căn tối thượng và siêu việt thế gian (5. nhân viên mãn), nơi lấy tâm thức cực trong sạch và cực tự tại mà làm bản thể (6. quả viên mãn), nơi đức Thế tôn đóng đô (7. chủ viên mãn), nơi các đại bồ tát vân tập (8. phụ dực viên mãn), nơi vô số 8 bộ thường xuyên tùy tùng (9. quyến thuộc viên mãn), nơi sống bằng sự vui thích mùi vị chánh pháp quảng đại (10. nhiệm trì viên mãn), nơi xuất phát mọi sự ích lợi chân thật cho chúng sinh (11. sự nghiệp viên mãn), nơi dứt tuyệt phiền não, tai nạn (12. nhiếp ích viên mãn), nơi tách rời các loại ma (13. vô úy viên mãn), nơi được sự trang hoàng của Phật, một sự trang hoàng vượt quá mọi sự trang hoàng (14. trú xứ viên mãn), nơi lấy đại niệm, đại tuệ và đại hạnh mà làm đường đi (15. lộ viên mãn), nơi lấy sự chỉ vĩ đại và sự quán tinh tế mà làm cỗ xe (16. thừa viên mãn), nơi lấy sự không vĩ đại, sự vô tướng vĩ đại và sự vô nguyên vĩ đại mà làm cửa vào (17. môn viên mãn), nơi kiến thiết trên hoa sen chúa làm bằng ngọc lớn và trang trí bởi vô số lượng công đức (18. y trì viên mãn). Như thế đó là nói về 18 sự viên mãn¹⁹³ của Phật độ thanh tịnh. Thêm nữa, thọ dụng Phật độ thanh tịnh như vậy thì một chiều sạch mẫu, một chiều yên vui, một chiều không tội, một chiều tự tại.

Lược Giải.-

Tịnh độ được nói ở đây là thọ dụng độ, nói xác hơn là tha thọ dụng độ. Tịnh độ ấy là Hoa tạng thế giới (tượng trưng bằng đại cung điện) trên Liên hoa đài tạng (tượng trưng bằng đài hoa sen). Tịnh độ ấy có 18 sự viên mãn và 4 sự một chiều.

Mục 10: Nghiệp

Chính văn.-

Nên biết pháp giới chư Phật, trong mọi thì gian, làm được 5 việc. Một là cứu vớt tai nạn cho tất cả chúng sinh, vì chúng sinh gặp Phật thì thoát được mọi tai nạn đui, điếc, điên, cuồng, v/v. Hai là cứu vớt đường dữ, vì cứu vớt chúng sinh ra khỏi chỗ dữ mà đặt vào chỗ lành. Ba là cứu vớt sự phi phương tiện, vì làm cho ngoại đạo bỏ những phi phương tiện cầu được giải thoát, mà đem họ để vào giáo pháp của đức Như lai. Bốn là cứu vớt thân kiến, vì trao cho họ con đường siêu thoát 3 cõi. Năm là cứu vớt cỗ xe được đi, vì cứu vớt các vị bồ tát muốn đi theo các cỗ xe khác, các vị thanh văn thuộc loại không cố định, đem họ đặt cả vào trong đại thừa, cho họ tu theo cỗ xe vĩ đại. Cũng nên biết nghiệp dụng của chư Phật trong 5 việc này là rất bình đẳng. Ở đây có 1 bài chính cú: Vì nguyên nhân, vì thân thể, vì chức nghiệp, vì khuynh hướng, vì hoạt động, vì 5 sự này riêng biệt nên việc làm khác nhau. Thế nhân vì 5 sự này mà việc làm khác nhau, chư Phật không có 5 sự này nên không phải việc làm của chư Phật khác nhau.

Tiết 1: Về Nhất Thừa

Chính Văn.-

Nếu pháp thân, cái thân thích ứng đầy đủ với công đức, của chư Phật không phải chung có với thanh văn và duyên giác, thì vì ý gì Phật nói về nhất thừa? Ở đây có 2 bài chính cú: 1. Vì dẫn dắt cho một loại thanh văn và giữ gìn cho một số bồ tát, nghĩa là do những người không cố định mà Phật nói về nhất thừa¹⁹⁴. 2. Vì pháp tánh, vô ngã và giải thoát thì đồng đẳng, vì những người thuộc loại không cố định, vì thủ đắc 2 ý lạc, vì thanh văn và duyên giác có một số chỉ là hóa thân, vì sự rốt ráo, vì 8 lý do này mà Phật nói nhất thừa¹⁹⁵.

Tiết 2: Về Đồng Thời Có Nhiều Phật

Chính Văn.-

Như vậy là chư Phật đồng nhất pháp thân, thế nhưng Phật lại có nhiều vị, lý do có thể thấy được là vì sao? Ở đây có 1 bài chính cú: Trong một thế giới không thể có 2 đức Phật, (nói như vậy vô lý), vì đồng thời có vô lượng người viên thành quả vị Phật đà. Nếu nói vô lượng người ấy tuần tự kế nhau thành Phật thì vô lý, nên đồng thời thành ra có nhiều Phật.

Tiết 3: Về Niết Bàn Không Niết Bàn

Chính Văn.-

Làm sao biết, trong pháp thân, Phật không rốt ráo có nhập niết bàn, cũng không rốt ráo không nhập niết bàn? Ở đây có 1 bài chính cú: Vì tất cả chúng ngại đều đã giải thoát, nên Phật rốt ráo có nhập niết bàn; nhưng việc làm của Phật thì không bao giờ kết thúc, nên Phật rốt ráo không nhập niết bàn.

Tiết 4: Về Thọ Dụng Thân Không Phải Tự Tánh Thân

Chính Văn.-

Tại sao thọ dụng thân không phải chính là tự tánh thân? Vì 6 lý do. Một, vì thọ dụng thân là sắc thân có thể thấy được. Hai, vì thọ dụng thân thì ở trong vô số chúng hội của chư Phật khác nhau có thể thấy được. Ba, vì thọ dụng thân tùy sự thấy của chúng giải mà tự tánh không cố định có thể thấy được. Bốn, vì thọ dụng thân thì mỗi cái thấy khác nhau, tự tánh biến đổi có thể thấy được. Năm, vì thọ dụng thân thì bỏ tất thanh văn, cùng với chư thiên v/v, mỗi chúng hội xen lẫn với nhau có thể thấy được. Sáu, vì a lại da với các chuyển thức chuyển y không khác nhau, sự phi lý ấy có thể thấy được. Nên nói thọ dụng thân của Phật chính là tự tánh thân của Phật là không đúng lý¹⁹⁶.

Tiết 5: Về Biến Hóa Thân Không Phải Tự Tánh Thân

Chính Văn.-

Tại sao biến hóa thân không phải chính là tự tánh thân? Vì 8 lý do. (Một và Hai), vì các vị bồ tát từ lâu xa đến nay đã được định bất thoái, vậy sinh trong Đâu suát và sinh trong nhân loại thì không đúng lý. (Ba), vì các vị bồ tát từ lâu xa đến nay thường nhớ đời trước, vậy không biết chính xác về văn học toán học, các kỹ nghệ gồm có kỹ nghệ ấn loát, về hưởng thụ trần dục, thì không đúng lý. (Bốn), vì các vị bồ tát từ lâu xa đến nay đã biết giáo pháp ác thuyết và giáo pháp thiện thuyết, vậy đến hỏi ngoại đạo thì không đúng lý. (Năm), vì các vị bồ tát từ lâu xa đến nay đã khéo biết chánh pháp tam thừa, vậy tu khổ hạnh của tà kiến thì

không đúng lý. (Sáu), vì các vị bồ tát bỏ cả vạn ức đại lục Thiệm bộ, chỉ thành đẳng chánh giác và chuyển chánh pháp luân nơi một chỗ thì không đúng lý. (Bảy), nếu nói không cần thị hiện thành đẳng chánh giác, chỉ đem hóa thân mà làm việc Phật ở mọi nơi khác, vậy thì đáng lẽ chỉ thành đẳng chánh giác ở Đâu suất, và tại sao không qui định trong tất cả mọi đại lục Thiệm bộ cùng lúc đều có Phật xuất hiện; đã không qui định như vậy thì không giáo cũng không lý. Dầu có nhiều hóa thân cũng không trái gì với lời nói không có 2 đức Như lai cùng xuất hiện (trong một thế giới), như 2 vị luân vương không cùng xuất hiện (một lúc một chỗ), vì lẽ một 4 đại lục cũng nói là một thế giới. Ở đây có 1 bài chĩnh cú: Hóa thân của Phật, (và những hóa thân khác)¹⁹⁷, nhiều chỗ nhập thai cùng lúc, vì để biểu thị đây là đẳng Nhất thế chúng trí thành đẳng chánh giác. (Tám), vì lợi lạc cho hết thảy chúng sinh mà phát nguyện tu hành, chứng đại bồ đề, vậy rốt ráo niết bàn thì không đúng lý, vì hạnh nguyện không hiệu quả thì thành ra có lỗi¹⁹⁸.

Lược Giải.-

Đoạn này chống lại lý thuyết tiểu thừa nói hóa thân đã là pháp thân. Đức Phật mà nay gọi là đức Phật trong lịch sử, đại thừa nói là hóa thân, chưa phải pháp thân.

Tiết 6: Về 2 Thân Là Thường

Chính Văn.-

Thọ dụng thân và biến hóa thân của Phật đã là vô thường, thì tại sao trong kinh nói thân Phật là thường? Vì 2 thân nương dựa pháp thân, mà pháp thân là thường. Thêm nữa, vì thọ dụng thân thì thường hằng thọ dụng đại thừa pháp lạc, không có ngừng nghỉ, nhưng, như nói thường hưởng vui vẻ (mà thật không phải hưởng luôn); vì biến hóa thân thì luôn luôn hóa hiện lợi ích chúng sinh, không có vĩnh tuyệt, nhưng, như nói thường cho người ăn (mà thật không phải cho luôn), sự thường của thân Phật nên biết cũng là như vậy.

Tiết 7: Về Biến Hóa Thân Không Thường Trú

Chính Văn.-

Do 6 lý do mà biến hóa thân của chư Phật thị hiện không thường còn. Một là việc làm đã hoàn tất, chúng sinh thành thực đã giải thoát cả. Hai là muốn làm cho người bỏ cái tâm lý không ưa niết bàn, thường cầu cái thân thường trú của Phật. Ba là muốn làm cho người bỏ cái tâm lý khinh thường đức Phật, ý thức chánh pháp sâu xa. Bốn là muốn làm cho người khát ngưỡng đức Phật một cách sâu xa,

nếu để họ thấy luôn thì sinh ra nhàm chán. Năm là muốn làm cho người bản thân tinh tiến, biết đấng nói chánh pháp thì khó mà gặp được. Sáu là muốn làm cho người cấp tốc thành thực, bản thân tinh tiến, không rời bỏ cái ách chánh pháp. Ở đây có 2 bài chĩnh cú: 1. và 2. Vì việc làm đã xong xuôi, vì để cho người bỏ cái tâm lý không ưa niết bàn, bỏ cái tâm lý khinh thường đức Phật, mà khát ngưỡng đức Phật một cách sâu xa, mà trong tâm tự sinh tinh tiến, vì làm cho người cấp tốc thành thực, vì những lý do ấy mà chủ trương biến hóa thân của Phật không rút ráo thường trú.

Tiết 8: Về Thành Phật Là Phải Có Dụng Công

Chính Văn.-

Pháp thân chư Phật vô thí đến giờ phi dị biệt, phi số lượng, như vậy không cần vì chứng đắc pháp thân ấy mà chúng sinh phải dụng công!? Ở đây có 1 bài chĩnh cú: Phật chứng đắc pháp thân phi dị biệt, phi số lượng, sự chứng đắc ấy là nhân tố cho chúng sinh. Nếu chúng sinh loại bỏ sự tinh tiến dụng công, thì sự chứng đắc ấy chẳng bao giờ thành nhân tố gì cả. Do đó, loại bỏ nhân tố tinh tiến dụng công thì không đúng lý.

---o0o---

Chính Văn.-

Nhiếp đại thừa, một phẩm trong kinh Đại thừa a tì đạt ma, tôi là Vô trước, đã lược giải hoàn tất.

---o0o---

Hết

¹ Luận này có 11 phần, ngoài 10 phần là 10 tiết mục, còn có phần 1 này là cương yếu. Nay tôi dời đi một chút, gọi phần này là phần đầu, còn 10 phần sau đúng theo số 10 tiết mục.

² Là các vị Bồ tát ở địa vị cao, đã ngộ nhập đại thừa, mà ngộ nhập một cách khéo léo.

³ Thù thắng, thù là lớn, lạ, thắng là hơn, siêu việt. Thù thắng là rất hơn, tối siêu việt

⁴ Ghi chú này có 4 điều. Điều 1, dịch như vậy là dịch tắt, dịch rõ thì, thí dụ tiết mục một phải là ngôn ngữ thù thắng về tiết mục thù thắng “căn cứ của các pháp sở tri”. Điều 2, ý nghĩa của 10 tiết mục sẽ nói trong chương 2 dưới đây. Điều 3, 10 tiết mục này thực sự chỉ có 7, vì 3 tiết mục sáu đến tám có thể nói chung là 3 thứ tăng thượng giới định tuệ. Điều 4, 10 tiết mục có thể phân ra 3 loại: cảnh, gồm có 2 tiết mục một và hai; hành, gồm có 6 tiết mục ba đến tám; quả, gồm có 2 tiết mục chín và mười - cảnh là chân lý luận, hành là phương pháp luận, quả là mục đích luận

⁵ Sở tri nghĩa là được biết đến. Các pháp sở tri, chữ pháp nghĩa là khái niệm, một pháp là một khái niệm. Cây bút là một pháp, mà cây bút dài hay ngắn, trắng hay đen, cũ hay mới, tốt hay xấu, cũng toàn là một pháp. Một ý tưởng là một pháp, mà ý tưởng ấy thiện hay ác, đúng hay sai, lợi hay hại, mê hay ngộ, cũng toàn là một pháp. Thế nên pháp bao gồm tất cả có không, tâm vật, nhiễm tịnh, thiện ác, mê ngộ, thánh phàm. Các pháp ấy là những đối tượng được biết, và luận này nói là 3 tánh, đó gọi là các pháp sở tri. Căn cứ của các pháp sở tri, căn cứ là căn bản; căn bản của các pháp sở tri là a lại da. A lại da nên nói là chủ thể của các thức, là chủ thể của các pháp, hơn là nói một thức. A lại da có nghĩa là không mất, là kho tàng; nghĩa như vậy là cái nghĩa chủ thể

⁶ 3 tánh (tính cách) là các pháp sở tri. Nay hãy nói đơn giản nhất, thì 3 tánh là nói tính cách không gian của các pháp. Mỗi pháp đều cùng lúc có 3 tánh, và được ví dụ như sau. Như sợi giây gai phải do chỉ gai mới có, đó là y tha (do yếu tố mới có); sợi giây gai ấy, trong đêm tối hay từ đằng xa, mắt nhìn không rõ thì thấy là con rắn, đó là biến kế (đối tượng chỉ tưởng tượng); sợi giây gai ấy nếu ban ngày và mắt nhìn rõ thì thấy là chỉ gai, đó là viên thành (đối cảnh rất chính xác). (Nhiếp luận nói sợi giây gai ấy nếu được biết rõ là sắc hương vị xúc, đó là viên thành)

⁷ Nói a lại da hay nói 3 tánh như trên, cũng đã thấy là duy thức. Nên duy thức là chân lý của các pháp sở tri. Duy thức, nói chính xác thì a lại da là căn bản của các pháp, nên gọi là duy thức; nói theo ngộ nhập thì ngộ nhập duy thức là ngộ nhập 3 điều: 1. ngộ nhập các pháp không thật, 2. ngộ nhập 2 phần tướng kiến hình thành ra nhau, 3. ngộ nhập các pháp (mà Nhiếp luận gọi là 11 thức) toàn là liên hệ với thức, nên gọi là duy thức. Nhận thức được đạo lý duy thức tức là ngộ nhập chân lý của 3 tánh (các pháp sở tri).

⁸ 6 độ là thí (công hiến) giới (khuôn phép) nhẫn (chịu đựng) tiến (tiên tới) định (chuyên nhất) tuệ (minh sát). Độ là ba la mật đa, là báu báu ngàn, có nghĩa là toàn vẹn, hoàn hảo. Do 6 độ mà có sự ngộ nhập duy thức, lại chính do sự ngộ nhập duy thức mà hoạt dụng 6 độ: 6 độ là nhân mà cũng là quả của sự ngộ nhập. Như vậy cũng đủ thấy ngộ nhập ở đây không phải chỉ là lý giải, tâm đắc, chỉ là kiến thức, mà là sự thể nhập và thể hiện của toàn bộ thân tâm đối với đạo lý duy thức

⁹ 10 địa là 10 cấp độ gần cuối cùng của Bồ tát vị; 10 cấp độ này mới thật hoạt dụng về 6 độ, ngộ nhập sâu vào đạo lý duy thức.

¹⁰ Giới định tuệ (hay giới tâm tuệ) là 3 học hay tăng thượng học (3 môn tu học hay 3 môn tu học có tính cách tăng lên). Nhưng 3 học ở đây là của 10 Bồ tát vị, nên giới là bồ tát giới, định là các đại định, tuệ là trí vô phân biệt. Các đại định thì quan trọng nhất là thủ lăng nghiêm và hư không tạng. Thủ lăng nghiêm dịch nghĩa là kiên hành (đi tới mạnh mẽ). Hư không tạng là kho tàng hư không. Trí vô phân biệt, vô phân biệt có nghĩa là không còn có sự phân biệt biến kế: cái trí không còn biến kế, gọi là trí vô phân biệt

¹¹ Phật có 3 đức: đoạn đức (giải thoát cứu cánh) trí đức (tuệ giác cứu cánh) ân đức (hóa độ tất cả). Ở đây nói về 2 đức một và hai, còn đức ba thì gồm trong đức hai. Đoạn đức ở đây là đại niết bàn, tức niết bàn vô trú: sự giải thoát không vướng mắc vào sinh tử và vào chính niết bàn. Trí đức ở đây là đại bồ đề, gồm cả 4 trí tức là 3 thân

¹² Cái trí Nhất thể trí, nhất thể trí là trí tuệ toàn giác, là toàn giác. Cái trí toàn giác gọi là đại bồ đề (đại giác)

¹³ Chinh cú, chính văn là tụng, tức như thi, câu và chữ không so le. Nhưng ở đây, và sau đây, tôi không dịch ra chinh cú, mà chỉ dịch ra văn bình thường

¹⁴ Hai cực đoạn thêm bớt là nơi y tha, cố chấp biến kế là thêm, không biết viên thành là bớt.

¹⁵ Sở thủ cũng là sở tri mà nói về biến kế; khéo biết sở thủ là biết sở thủ duy thức.

¹⁶ Ba đại kiếp vô số là các bồ tát địa phải trải qua 3 giai đoạn thì gian dài (mà dài đến bao nhiêu là tùy sự nỗ lực và ngộ nhập mau hay chậm). Ba giai đoạn là một diệt ngã chấp phần phân biệt, hai diệt ngã chấp phần câu sinh và pháp chấp phần phân biệt, ba diệt pháp chấp phần câu sinh; một ở sơ địa, hai ở bát địa, ba ở thập địa.

¹⁷ Bài chinh cú này có nghĩa a lại da là căn bản của các pháp, do đó mà có sinh tử, cũng do đó mà có niết bàn. Do a lại da mà có niết bàn, điều này có 2 nghĩa. Nghĩa một, do a lại da mà có sinh tử, sinh tử hết là niết bàn, nên nói a lại da là căn bản của sinh tử niết bàn. Nghĩa hai, chừng tử các pháp sinh tử và niết bàn đều là a lại da, nên nói a lại da là căn bản của sinh tử và niết bàn. Nghĩa một sâu hơn; như cái tay chỉ xuống cũng chính là cái tay chỉ lên: hết chỉ xuống thì chỉ lên, hết sinh tử thì niết bàn.

¹⁸ Chủng tử, nghĩa đen là hạt giống, nghĩa chính là tiềm năng. Sóng đôi với chủng tử là hiện hành, tức là hiện tượng. Bàn tay có tiềm năng viết chữ là chủng tử, bàn tay ấy viết ra chữ là hiện hành. Chủng tử và hiện hành đối với a lại da cũng tương tự như vậy.

¹⁹ Đáng lẽ nói các pháp hoặc nói các pháp nhiễm tịnh. Nhưng chỉ nói các pháp tạp nhiễm là vì a lại da là chỗ dựa của các pháp tạp nhiễm, mà các pháp này huân tập và tăng trưởng a lại da; còn các pháp thanh tịnh tuy cũng lấy a lại da làm chỗ dựa mà là pháp đối trị và chuyển y a lại da. Như cái tay có thể chỉ lên (tịnh), nhưng bây

giờ đang chỉ xuống (nhiễm), thì, đâu biết toàn thể cái tay chỉ xuống cũng chính là toàn thể cái tay sẽ chỉ lên, nhưng đang chỉ xuống thì mệnh danh là a lại da, và các pháp dựa vào nó, huân tập cho nó, cùng nó làm nhân duyên cho nhau, là các pháp tập nhiễm

²⁰ Đoạn này cắt nghĩa a lại da là không mắt (vô một), là tàng (thâu tàng). Tàng có sở tàng, năng tàng và chấp tàng. Sở tàng là a lại da làm quả cho các pháp, tiếp nhận các pháp huân tập chủng tử (tức hiện hành sinh chủng tử). Năng tàng là a lại da làm nhân cho các pháp, duy trì chủng tử phát sinh các pháp (tức chủng tử sinh hiện hành). Chấp tàng là a lại da là tự ngã mà chúng sinh tự ý thức, chấp lấy.

²¹ Dòng nước độc là nước thác ghềnh đổ mạnh xuống, trông như tấm vải. Chủng tử mà hiện hành thì cũng như vậy. Hãy lấy ví dụ khác. Như những hình ảnh trên màn ảnh: chúng do vô số hình ảnh liên tiếp hiện hành mà thành. Vũ trụ của duy thức là như vậy, toàn do chủng tử hiện hành

²² A đà na nghĩa chính là lấy (thủ). A đà na là đặc biệt nói về sinh mệnh. Sinh mệnh chúng ta từ khi mở đầu trong thai mẹ (kiết sinh) cho đến lúc kết liễu một đời, nó là tổng thể của các giác quan (sắc căn), là sinh mệnh của chúng ta (tự thể). Sinh mệnh ấy là tổng thể hiện hành của tổng thể chủng tử, hiện hành trong một thời kỳ (đời sống). Sinh mệnh ấy, a đà na là chủ thể. Điều phải nói thêm, là trên đây chỉ nói một đời. Nhưng đối với a đà na thì mỗi đời chỉ là một giai đoạn. Giai đoạn thì liên tục: sự liên tục ấy, chủ thể cũng là a đà na.

²³ Ý có 2: ý vô gián và ý ô nhiễm. Thứ nhất, ý vô gián là nói chung với tiểu thừa mà vẫn có khác tiểu thừa. Tiểu thừa cũng nói ý (trong 18 giới, tức 6 căn, 6 cảnh và 6 thức, thì ý là ý căn trong 6 căn). Nhưng hỏi ý đó là gì, thì tiểu thừa bảo nó không là gì khác hơn chính là bản thân ý thức mà giai đoạn trước sinh rồi diệt đi, nhường chỗ cho giai đoạn sau sinh ra, cái giai đoạn trước đó gọi là ý vô gián, và là ý căn trong 6 căn. Đại thừa cũng nhận có cái ý vô gián như vậy, nhưng nói rằng đó là đẳng vô gián duyên chứ không phải tăng thượng duyên. Mà ý căn thì phải là tăng thượng duyên. Nên ý căn phải biệt lập, không phải chỉ là vô gián diệt. Như vậy nói về ý vô gián, cái ý thứ nhất, mà đại thừa đã khác tiểu thừa. Thứ hai, ý ô nhiễm là ý thức về tự ngã: ngã si, ngã kiến, ngã mạn và ngã ái. Chính cái ý ô nhiễm này, vì vậy, làm cho tâm thức tập nhiễm, và đó là cái ý chỉ đại thừa nói đến.

²⁴ Sáu lý do chứng minh ý ô nhiễm ở đây toàn là lấy 6 giáo nghĩa của tiểu thừa. Lý do 1 vô minh bất cọng và lý do 6 ngã chấp thường có, là có ý ô nhiễm (ý thức tự ngã) mới có vô minh và ngã chấp hiện hành trong mọi tâm thức thiện, ác và vô ký. Lý do 2 đồng pháp 5 thức là 5 thức có 5 căn làm câu hữu y, thì ý thức cũng vậy, phải có ý căn (ý ô nhiễm) làm câu hữu y. Lý do 3 huân thích danh từ là, như nhãn thức có nghĩa là thức của nhãn căn, ý thức cũng vậy: ý thức là thức của ý căn. Lý do 4, 2 định khác nhau là có ý nhiễm ô thì diệt tận định mới khác vô tướng định, vì

diệt tận định không còn ý ô nhiễm. Lý do 5 sinh trời vô tướng không còn ý thức mà vẫn còn ngã chấp: ngã chấp ấy chính là ý ô nhiễm.

²⁵ Tất cả tâm thức ở đây là tâm thức thiện, ác, vô ký; mê, ngộ.

²⁶ Tính chất của tâm (gọi là tánh) có 4 loại: thiện, ác, hữu phú vô ký (trung tính mà có ô nhiễm) vô phú vô ký (trung tính mà không ô nhiễm). Ý ô nhiễm vì là vi tế bằng hữu, như phiền não bị định chế ngự, nên thuộc về loại thứ 3.

²⁷ Đoạn này chứng tỏ kinh của các bộ phái không phải đồng nhất

²⁸ Chính văn là 3 tướng: tự tướng, nhân tướng, quả tướng. Nói tự tướng, quả tướng, nhân tướng, mới thuận nghĩa hơn

²⁹ Coi lại ghi chú 19

³⁰ Cùng sinh cùng diệt là 2 cái ướp với nhau mà ngấm ngấm biến đổi, sinh và mất liên tục, nên cái này mới có cái kia.

³¹ Xưa người ta đem mè trộn với hoa thơm, ủ lại, đến khi hoa rã ra thì đem mè ấy ép lấy dầu, dầu này thành dầu thơm

³² A lại da làm nhân tố cho các pháp là chủng tử sinh hiện hành, các pháp làm nhân tố cho a lại da là hiện hành sinh chủng tử.

³³ Duyên có 4, và lấy nhân thức làm mẫu mà nói, thì (một) nhân thức ấy do chủng tử của nó hiện hành mà có, đó là nhân duyên (cái nhân làm duyên tố); (hai) nhưng chủng tử nhân thức hiện hành được là phải có nhân căn, đó là tăng thượng duyên (dữ kiện thêm lên làm duyên tố); (ba) phải có sắc cảnh, đó là sở duyên duyên (đối cảnh làm duyên tố); (bốn) và phải do chính bản thân nhân thức mà giai đoạn trước mất đi để chỗ cho giai đoạn sau sinh ra, đó là đẳng vô gián duyên (sự mất đi của giai đoạn trước làm duyên tố). Như vậy chỉ có chủng tử sinh hiện hành (chủng tử nhân thức sinh nhân thức) và hiện hành sinh chủng tử (nhân thức sinh chủng tử nhân thức) mới là nhân duyên, ngoài ra là 3 duyên khác, không phải nhân duyên.

³⁴ Dịch sát và đủ là duyên khởi ra những tự thể đáng ưa và đáng ghét khác nhau. Tự thể là sinh mạng (và thể giới của sinh mạng), nói chung là quả báo.

³⁵ Tự tánh (bản thể) là phái Sở luận. Tác tác (việc làm cũ) là định mạng luận. Tự tại (chúa trời Đại tự tại) là nhất thần giáo. Thật ngã (ngã là phạn, phạn là ngã, thật ngã: phạn ngã) là phái Vệ đà. Không có nguyên nhân là tự nhiên luận.

³⁶ Tác giả: chủ thể tạo tác. Thọ giả: chủ thể sử dụng.

³⁷ Coi lại chính văn 2 loại duyên khởi. Tự tánh là loại duyên khởi thứ nhất, tự thể là loại duyên khởi thứ hai. Tự tánh là đặc tính khác nhau, tự thể là sinh mạng khác nhau

³⁸ Chủng tử ở ngoài là hạt giống nói theo nghĩa đen. Chủng tử ở trong là năng tính gọi theo tiếng ví dụ.

³⁹ Để hiểu 3 bài chính cú này, phải biết trước 3 pháp số sau đây. Thứ nhất là chủng tử có 6 đặc tính: một là sát na diệt, là chủng tử sinh diệt trong từng sát na; hai là quả câu hữu, là chủng tử câu hữu với căn và cảnh; ba là hằng tùy chuyển, là chủng

tử liên tục với hiện hành; bốn là tánh quyết định, là chủng tử cùng tính chất với hiện hành; năm là đãi chúng duyên, là chủng tử đủ mọi duyên tố mới hiện hành; sáu là dẫn tự quả, là chủng tử chỉ dẫn ra hiện hành của nó. Thứ hai là năng huân có 4 đặc tính: một là có sinh diệt, là có sinh diệt chuyển biến; hai là có thắng dụng, là có cường lực tư duy và thiện ác; ba là có tăng giảm, là có khi tăng khi giảm; bốn là hòa hợp với sở huân, là cùng thân cùng lúc với sở huân. Năng huân, như vậy, là 6 thức trước. Thứ ba là sở huân có 4 đặc tính: một là kiên trụ, là liên tục ổn định; hai là vô ký, là vô ký trung tính; ba là khả huân, là khả năng thọ huân; bốn là hòa hợp với năng huân, là cùng thân cùng lúc với năng huân. Sở huân, như vậy, là thức thứ 8. Các bài tụng 1, 2 và 3 là nói chủng tử có 6 đặc tính và sở huân có 4 đặc tính

⁴⁰ Tiểu thừa cho 6 thức trước là sở huân, nhưng 6 thức ấy có 3 sự sai biệt là căn, cảnh và tác ý đều khác nhau, nên không có sự tương ứng với năng huân; tiểu thừa lại cho 6 thức trước, ngay bản thân mà giai đoạn sau là sở huân, nhưng 2 giai đoạn trước và sau đồng loại mà không câu hữu, nên cũng không thích ứng với đặc tính của sở huân.

⁴¹ Chủng tử có 2 lực, lực năng sinh và lực năng dẫn, năng sinh là sinh ra hiện hành, năng dẫn là duy trì hiện hành. Cái cây khô rồi, cái thân chết rồi, mà còn một thì gian mới hủy diệt hẳn, thì đó là lực năng dẫn.

⁴² Hai loại chủng tử cùng có 6 đặc tính, nhưng đứng về mặt huân tập thì 2 loại chủng tử rất khác nhau. Chủng tử ở ngoài có thứ có huân tập (như hoa ướp mè) có thứ không huân tập (như bùn mọc sen). Còn chủng tử ở trong nhất thiết phải có sự huân tập. Lấy thí dụ như sự đa văn. Nếu sự huân tập đa văn không có thì không thể có kết quả của sự đa văn (là ký ức và tác ý đúng lý), lại làm đa văn thì mất kết quả, không làm đa văn mà được kết quả, thì rất sai lầm.

⁴³ Chủng tử ở ngoài thực ra là hiện hành, do chủng tử ở trong làm nhân duyên, nghĩa là do a lại da tiếp nhận huân tập mà có chủng tử (chủng tử ở trong) và hiện hành (chủng tử ở ngoài). Chủng tử ở ngoài mọc lên cây cối, đó là hiện hành sinh hiện hành (là tăng thượng duyên, không phải nhân duyên).

⁴⁴ Thức nhân duyên là a lại da, làm nhân duyên cho các pháp; thức thọ dụng là 6 thức trước, thọ dụng quả báo khổ vui. Sự thọ dụng của thức thọ dụng là diễn biến qua 3 tâm sở: thọ dụng (thọ) phân biệt (tướng) suy động (hành, đặc biệt là tư trong hành).

⁴⁵ Chữ các pháp ở đây là chữ các pháp tập nhiễm đã nói trong những đoạn trước, các pháp này là chỉ cho chuyển thức (thức thọ dụng). Tầng thức ở đây là a lại da (thức nhân duyên). Hai thức này làm nhân làm quả cho nhau là một, các pháp đối với tầng thức, thì các pháp năng huân (nhân) tầng thức sở huân (quả), hai, tầng thức đối với các pháp, thì chủng tử tầng thức (nhân) hiện hành các pháp (quả).

⁴⁶ 6 thức, phải nói rõ là bản thân của 6 thức (thức thọ dụng); bản thân 6 thức, ngoài nhân duyên đã nói, còn có 3 duyên nữa (nghĩa là đủ cả 4 duyên)

⁴⁷ 3 sự duyên khởi ở đây là ngoài sự duyên khởi thứ nhất duyên khởi ra tự tánh khác nhau (ở đây gọi là cùng tận sinh tử) và sự duyên khởi thứ hai duyên khởi ra tự thể khác nhau (ở đây gọi là đường lành đường dữ, dịch sát là quả báo đáng ưa hay không đáng ưa), ở đây thêm 1 sự duyên khởi nữa, đó là khả năng thọ dụng, để nói về thức thọ dụng. Nói 3 sự duyên khởi này có đủ 4 duyên là nói tổng quát, phân tách thì là nhân duyên (sự duyên khởi cùng tận sinh tử), là tăng thượng duyên (sự duyên khởi đường lành đường dữ), là 3 duyên tăng thượng duyên, sở duyên duyên và đẳng vô gián duyên (sự duyên khởi khả năng thọ dụng). Còn nhân duyên là sự duyên khởi cùng tận sinh tử đã nói

⁴⁸ Phải bỏ túc như vậy nữa mới rõ: mà ý thức thì không hoàn toàn ô nhiễm, thì có gián đoạn, thì có đối cảnh rõ rệt.

⁴⁹ Thực là ăn. Ăn ở đây có nghĩa là khả năng duy trì sự sống. Với cái nghĩa như vậy, ăn có 4 thức. Một là đoàn thực, ăn bằng thực phẩm. Hai là xúc thực, ăn bằng sự tiếp xúc đối cảnh của các giác quan. Ba là tư thực, ăn bằng sự tư duy. Bốn là thức thực, ăn bằng sự duy trì căn thân của thức dị thực

⁵⁰ Thức chủng tử dị thực, hay thức chủng tử thức dị thực, là danh từ gọi đặc tính làm nhân và đặc tính làm quả của a lại da.

⁵¹ Cái thiện tâm lệ thuộc cõi Dục là chính cái tham lệ thuộc cõi Dục vừa nói ở trên. Cái tham ấy bây giờ được gọi là thiện tâm là vì nó ham muốn ly dục mà siêng tu.

⁵² Chánh văn (nghe chánh pháp một cách chính xác) do pháp giới tối thanh tịnh làm nhân, do trí vô phân biệt làm quả. Đẳng lưu là bản thân (ở đây là pháp giới tối thanh tịnh) thế nào thì chảy ra như vậy

⁵³ Thế gian và xuất thế ở đây là hữu lậu và vô lậu.

⁵⁴ Sữa hòa với nước mà ngỗng chỉ uống sữa, còn nước vẫn còn, điều này tôi thực không biết và chưa thấy

⁵⁵ Diệt định là gọi tắt diệt tận định hay diệt thọ tướng định. Tiểu thừa thì đệ tam quả sắp lên, đại thừa thì bồ tát bất thoái sắp lên, mới nhập được định này. Nhập định này thì cảm giác (thọ) và tư tưởng (tướng) đều không còn hiện hành.

⁵⁶ Trước đã nói 2 giai đoạn trước sau thì không phải là câu hữu để huân tập thành chủng tử.

⁵⁷ Danh ngôn huân tập, danh ngôn là các pháp. Các pháp mà gọi là danh ngôn, là vì các pháp là những khái niệm. Khái niệm là danh ngôn. Danh ngôn có 2 loại: chính khái nhiệm là biểu thị các pháp, nên gọi nó là danh ngôn hiển cảnh; rồi ngôn ngữ văn tự truyền đạt danh ngôn hiển cảnh thì gọi là danh ngôn biểu nghĩa. Nói danh ngôn huân tập cũng như nói các pháp huân tập, huân tập thành ra chủng tử tương lai của các pháp, các pháp tương lai do chủng tử ấy mà hiện hành. Nên danh ngôn huân tập là duyên khởi thứ nhất, duyên khởi ra tự tánh khác nhau.

⁵⁸ Ngã kiến huân tập là mặt na (ý ô nhiễm) ý thức a lại da làm tự ngã. Ý thức tự ngã này huân tập thành ra chúng tử thấy có mình có người, tự thể (sinh mạng) khác nhau

⁵⁹ Hữu chi huân tập, hữu chi là 12 nhân duyên. Do hữu chi huân tập, bằng các nghiệp phước, phi phước và bất động, mà có ra tự thể (và quả báo của tự thể) là 3 cõi 6 đường đáng ưa và đáng ghét. Ngã kiến huân tập và hữu chi huân tập là duyên khởi thứ hai, duyên khởi ra tự thể khác nhau

⁶⁰ Thế giới ở ngoài, chính văn là khí thể gian, là thế giới làm đồ dùng của tự thể. Tự thể, chính văn là nội xứ, là cái tổng thể gồm cả 6 giác quan.

⁶¹ Cọng kiết là kiết sử ai cũng có như nhau. Cái gọi là cọng kiết, phải thêm: thế giới ở ngoài do cọng kiết thành ra.

⁶² Tướng (sắc thái) cũng gọi là tánh (tính cách). Tên tắt 3 tướng là y tha, biến kế, viên thành.

⁶³ Phân biệt hư vọng: sự phân biệt không chính xác.

⁶⁴ Có 11 thức tất cả. Hãy tạm gác chữ thức để cắt nghĩa 11 thứ đã. Thân (thân) là cái tổng thể gồm có 5 giác quan. Chủ thể của thân (thân giả) là ý ô nhiễm. Chủ thể của sự tiếp nhận (thọ giả) là ý vô gián diệt. Được tiếp nhận (bỉ sở thọ) là 6 cảnh. Tiếp nhận (bỉ năng thọ) là 6 thức. Thì gian (thế) là vị lai hiện tại quá khứ liên tục. Số mục (số) là những số mục hàng lẻ, hàng chẵn, v/v. Thế giới cư trú (xứ) là thế giới chúng sinh cư trú. Nói năng (ngôn thuyết) là ngôn ngữ xuất từ thấy nghe hay biết. Minh người (tự tha sai biệt) là bản thân với tha thân. Đường lành đường dữ (thiện thú ác thú tử sinh) là những nẻo đường sinh tử. Tất cả 11 thứ này đều gọi là thức, là vì liên hệ đến thức, do thức biểu thị. Tất cả 11 thức này là y tha khởi, bao gồm hết thấy mọi sự sai biệt của nhân sinh vũ trụ.

⁶⁵ Hiện tượng thác loạn (loạn tướng) là sắc, bản thể thác loạn (loạn thể) là thức. Sắc với thức này là khách thể với chủ thể mà từ đó có mọi sự thác loạn.

⁶⁶ Ở đây, trước đây, và sau đây còn nữa, nên nhớ chữ các thức là 11 thức, tức là tất cả các pháp

⁶⁷ Phải để ý mấy danh từ. Sắc thức là sắc cảnh, nhãn thức là nhãn căn, thức của nhãn thức là nhãn thức; pháp thức là pháp cảnh, ý thức là ý căn, thức của ý thức là ý thức...

⁶⁸ Có thật là thấy các pháp thật có, phân biệt là thấy các pháp khác nhau

⁶⁹ Một là cái trí biết mâu thuẫn, là có thật như nước mà người thấy nước, qui thấy máu, trời thấy cung điện: thật thì sao một mà thấy khác nhau như vậy? Hai là không thật như việc đã qua, sẽ đến, hay chiêm bao, không thật mà vẫn có ấn tượng được biết: thật thì sao không mà thấy có như vậy? Ba, nếu đối cảnh là thật thì cái trí của chúng ta cũng thật rồi, cần gì phải dụng công tu tập? Bốn, thì có 3: (1) nếu là thật thì sao định quán xanh thấy xanh cả? (2) nếu là thật thì sao quán pháp, nghĩ gì là thấy liền? (3) nếu là thật thì sao trí vô phân biệt thấy không có gì thật hết?

⁷⁰ Ý thức ở đây là ý và ý thức

⁷¹ Sợi giây gai là sở biến kế, con rắn do thấy làm sợi giây là biến kế chấp, vậy sợi giây với con rắn là một hay khác nhau? sở biến kế với biến kế chấp là một hay khác nhau? Thật ra con rắn là đối tượng nhận thức hóa, không thể nói là một hay khác nhau.

⁷² Sai biệt cũng gọi là cộng tướng. Thí dụ nói sắc vô thường, thì sắc là tự tánh, vô thường là sai biệt (thế nhưng sự sai biệt ấy lại có như pháp khác, nên cũng gọi là cộng tướng, đổi lại tự tánh gọi là tự tướng)

⁷³ Bản thể vốn thanh tịnh, gọi là tự tánh viên thành; tự tánh viên thành ấy đã hiển lộ thì gọi là thanh tịnh viên thành

⁷⁴ Như hư không vốn trong sáng, chỉ vì mây che mà u ám, tịnh trừ mây che thì trong sáng hoàn trong sáng. Đó là sự trong sáng vốn có, không phải mới làm ra

⁷⁵ Ở đây chỉ kể có 2 pháp

⁷⁶ Trong 8 ví dụ, sóng nắng là từ đằng xa nhìn hơi nắng bốc lên, thấy như sóng dợn, làm cho nai khát sinh ra cái tưởng là nước. Ảnh tượng, ở đây là hình ảnh trong gương. Bóng sáng là do ánh sáng mà có những bóng in trên vách trên đất. Tiếng dội là ở trong hang núi mà kêu lên thì tiếng dội lại y như tiếng kêu. Trăng nước là bóng trăng dưới nước, nước trong và lặng thì thấy được. Biến hóa là nhà ảo thuật làm ra ảo thuật mà người thích.

⁷⁷ Địa giới, hay địa đại, là 1 trong 4 thứ thuộc vật lý cấu thành vũ trụ; 4 thứ ấy là có thể (địa giới) dịch thể (thủy giới) nhiệt lực (hỏa giới), động lực (phong giới). Nguyên ngữ là kiên, thấp, noãn, động (còn địa, thủy, hỏa, phong, tức là đất, nước, lửa, gió, chỉ là nói theo kiến thức phổ thông).

⁷⁸ Phật nói ngài là đức Thắng quán (Tỳ bà thi), đó là căn cứ vào sự bình đẳng giữa các đức Phật. Nói niệm hồng danh và phát nguyện mà có kết quả lớn, đó là căn cứ vào thì gian cuối cùng. Nói phụng sự nhiều Phật mới hiểu đại thừa, đó là căn cứ vào sự hiểu cao sâu. Với 1 pháp mà khi khen khi chê, đó là căn cứ vào ích lợi khác nhau cho người nghe.

⁷⁹ Về 4 bí mật, 2 thứ đầu của luận này phải hội ý với luận Đại thừa trang nghiêm kinh mới rõ. Bí mật dẫn vào, là thế nhân rất sợ vô ngã nên phải căn cứ thế tục để mà nói có ngã để dẫn dắt họ; còn tiểu thừa ngộ nhập vô ngã nhưng rất sợ vô pháp, nên phải căn cứ thế tục để mà nói có pháp để dẫn dắt họ. Bí mật về tướng là nói 3 tánh mà chính ra cho thấy vô tánh. Bí mật đối trị là nói pháp môn có đến 84 ngàn chỉ vì đối trị 84 ngàn phiền não. Bí mật chuyển biến là nói với ngụ ý bằng chữ nghĩa khác, ví dụ nói như bài chính cú đã dẫn. Nghĩa bài ấy như sau. Kiên cố là ngoan cố, khó điều phục. Không kiên cố là không còn sự kiên cố nói trên, tức là định. Biết được định mới là kiên cố thật. Sự đảo ngược là thường lạc ngã tịnh (đảo ngược vô thường bất lạc vô ngã bất tịnh). Khéo sống trong sự đảo ngược là sống trong sự đảo ngược mà không đảo ngược (vẫn sống bằng vô thường bất lạc vô ngã

bất tịnh). Cùng cực sự nhiễu loạn của phiền não là những khổ hạnh khó nhẫn khó làm; mà nhẫn và làm được cả nên được vô thượng giác

⁸⁰ Duyên khởi cốt nói về sở tri y (a lại da). Duyên sinh cốt nói về sở tri tướng (3 tự tướng). Cả 2 tiết mục này là nói về cảnh (chân lý luận). Còn ngữ nghĩa là nói về hành (phương pháp luận) và quả (mục đích luận). Do vậy, 3 tiết mục này bao quát toàn bộ đại thừa.

⁸¹ Do danh ngôn mà sinh ra các pháp, đó là nói dị thực làm nhân cho chuyển thức; danh ngôn lại do các pháp huân tập, đó là nói chuyển thức làm nhân do dị thực.

⁸² Thức là phân biệt, tướng là sở phân biệt, kiến là năng phân biệt.

⁸³ Chỗ dựa là y tha, sở chấp là biến kế, pháp tánh là viên thành.

⁸⁴ Phàm với thánh như nhau, ở chỗ nơi y tha ai cũng được với không được: khi phàm phu chưa thấy chân lý, thì nơi y tha họ được biến kế tức không được viên thành; khi thánh giả đã thấy chân lý, thì nơi y tha họ được viên thành tức không được biến kế.

⁸⁵ Công đức là thành quả, phẩm chất.

⁸⁶ Chính văn này của Giải thâm mật, Hoa nghiêm.

⁸⁷ 32 pháp này thấy trong kinh Đại bảo tích

⁸⁸ Dịch sát là nay tôi mượn cái trí làm gì.

⁸⁹ Cũng có thể dịch là không phải mượn tới lòng thương xót.

⁹⁰ Ý thức, chính văn là ý ngôn, một tên gọi khác của ý thức, có nghĩa ý thức hay phân biệt danh ngôn, nên gọi là ý ngôn

⁹¹ Thắng giải: lý giải một cách thượng thặng.

⁹² Dịch sát là người hơn người đã có cái ý lạc ấy.

⁹³ Trí tuệ khác là kiến thức hiểu sai về đại thừa, là nghi hoặc không tin đại thừa là Phật thuyết.

⁹⁴ Pháp chấp ở đây là cái thường gọi là pháp ái.

⁹⁵ Hiện tượng hiện tiền là thế giới mình đang tiếp xúc, hiện tượng xác lập là ảnh tượng trong định.

⁹⁶ Tầm tư là suy tìm. Danh và nghĩa ở đây là danh và nghĩa của các pháp, thí dụ bút là danh, để viết là nghĩa. Tự tánh và sai biệt là đặc tính và chi tiết; tự tánh và sai biệt ở đây là của danh và nghĩa; thí dụ bút mực hay bút chì (tự tánh) và mới hay cũ (sai biệt), và đó là tự tánh và sai biệt của nghĩa; còn tên để gọi tự tánh và sai biệt ấy của nghĩa là tự tánh và sai biệt của danh. Tầm tư là suy tìm 4 thứ trên toàn là giả thiết, chỉ là ý thức.

⁹⁷ Thật trí, nói đủ là như thật trí, cái biết đúng như sự thật, về danh nghĩa tự tánh sai biệt

⁹⁸ Duy thức, phải nói đủ là vô nghĩa duy thức (duy thức vì không thật). Không thật ở đây là ý thức giả thiết, là không thể thủ đắc.

⁹⁹ Muốn hiểu chỗ này thì phải coi lại tiết mục 2 (mục lược giải y tha và tiết đa thức luận). Ở đây chỉ ghi chú rằng nói ngộ nhập là ngộ nhập duy thức, và ngộ nhập duy thức là qua 3 sự: một là ngộ nhập duy thức, vì các pháp toàn là không thật; hai là ngộ nhập 2 tướng (tướng phần và kiến phần), vì các pháp toàn là năng thủ sở thủ (nhận thức đã đối tượng hóa và đối tượng đã nhận thức hóa); ba là ngộ nhập nhiều thứ, vì các pháp chỉ là lăm sự thể của thức (tức 11 thức).

¹⁰⁰ Muốn hiểu chỗ này thì phải coi lại tiết mục 2 (mục lược giải y tha và tiết đa thức luận). Ở đây chỉ ghi chú rằng nói ngộ nhập là ngộ nhập duy thức, và ngộ nhập duy thức là qua 3 sự: một là ngộ nhập duy thức, vì các pháp toàn là không thật; hai là ngộ nhập 2 tướng (tướng phần và kiến phần), vì các pháp toàn là năng thủ sở thủ (nhận thức đã đối tượng hóa và đối tượng đã nhận thức hóa); ba là ngộ nhập nhiều thứ, vì các pháp chỉ là lăm sự thể của thức (tức 11 thức).

¹⁰¹ Có tất cả 10 tên. Pháp là pháp chấp. Ngã là ngã chấp. Giáo pháp là năng thuyết. Nghĩa lý là sở thuyết. Đại lược là nói tóm. Phong phú là nói rộng. Căn bản là tựa mẫu. Ô nhiễm là phàm. Thanh tịnh là thánh. Cứu cánh là toàn bộ. Có người nói đây là 10 tên của pháp tánh viên thành. Nếu hiểu như vậy thì phải nói đây là pháp tánh viên thành được gọi theo các cái được biết (tựa như nói chân như có 7 thứ, nói thức có 11 thứ).

¹⁰² Sở y ở đây là a lại da hay y tha.

¹⁰³ Thuận với phần quyết trạch, tức là da hành vị, phần sau của giải hành vị. Đối lại, phần đầu của giải hành vị là tư lương vị (thuận với phần giải thoát).

¹⁰⁴ Cái nhãn các pháp không thật, nhãn nghĩa là chấp nhận, bao gồm cái nghĩa chịu đựng, nhận định. Cái nhãn các pháp không thật là cái nhãn các pháp duy thức.

¹⁰⁵ Quyết định về các pháp không thật, quyết định là cao hơn nhãn.

¹⁰⁶ Nhập vào một phần chân thật, chân thật là viên thành, ở đây chứng mà chưa chứng được toàn phần

¹⁰⁷ Bên cạnh hiện quán (hiện quán biên), hiện quán là tuệ giác vô lậu chứng được chân thật; đang là phương tiện của tuệ giác, gần được tuệ giác ấy, thì gọi là bên cạnh hiện quán.

¹⁰⁸ 3 loại thân Phật là đại Bồ đề, được chuyển y là đại niết bàn, nói theo ở đây.

¹⁰⁹ Thường sinh trong các đại tập hội của chư Phật là cách nói sinh tịnh độ, mà là tha thọ dụng độ, của Phật

¹¹⁰ Là danh ngôn phân biệt, tự tánh phân biệt, sai biệt phân biệt.

¹¹¹ Biến kế không thì y tha cũng không (cảnh không thì thức cũng không).

¹¹² Là hiện chứng một phần pháp tánh thôi, như trước đây mới nói

¹¹³ Là hư vọng phân biệt (thức).

¹¹⁴ Sự không tán động là định ba la mật. Biến giác chân lý là tuệ ba la mật.

¹¹⁵ Chưa định làm cho định, định rồi làm cho thoát, là định ba la mật. Khai ngộ cho thành thực, là tuệ ba la mật.

¹¹⁶ Có cái là thí mà không phải là ba la mật, là sự thí không có 6 sự hơn hết. Có cái là ba la mật mà không phải là thí, là 5 ba la mật khác có 6 sự hơn hết. Có cái là thí mà cũng là ba la mật, là sự thí có 6 sự hơn hết. Có cái không phải là thí mà cũng không phải là ba la mật, là 5 ba la mật không có 6 sự hơn hết.

¹¹⁷ Là định.

¹¹⁸ Biết đúng chân thật là trí căn bản, biết đúng phẩm loại là trí hậu đắc. Ở đây chân thật là tánh như sở hữu, phẩm loại là tánh tận sở hữu.

¹¹⁹ Tu tập bằng sự nỗ lực nổi lên là, thí dụ thí ba la mật, cụ bị mọi yếu tố về thí mà làm sự ấy. Tu tập bằng sự thắng giải là như trong chương 1 nói do cái thắng giải đối với giáo pháp Phật dạy mà tu tập. Tu tập bằng sự tác ý là cũng như trong chương ấy nói do những tác ý mến trọng, tùy hỷ và vui thích mà tu tập. Tu tập bằng sự phương tiện khéo léo là như đoạn 1 của mục 2 nói là được trí vô phân biệt tiếp nhận mà tu tập, hoặc cũng như trong chương 1 nói thường xuyên, không cách hở, thích ứng phương tiện mà tu tập. Tu tập bằng sự thành tựu việc làm là chính Phật hoạt dụng liên tục và tự nhiên về 6 ba la mật mà Ngài đã viên mãn.

¹²⁰ Nhẫn pháp (đề sát pháp nhẫn) là chấp nhận thật tướng các pháp đã quán sát kyờ

¹²¹ Tiến áo giáp là tinh tiến như cái áo giáp bảo vệ cho người tu hành khỏi bị sát hại bởi phiền não, nhất là sự nhác

¹²² Định an trú là định làm cho thân tâm khinh an, định dẫn phát là định dẫn ra thần lực, định thành sự là thần lực ấy làm mọi sự lợi ích.

¹²³ Tuệ là trí vô phân biệt; trí ấy ở giai đoạn tu tập thì gọi là da hành, ở giai đoạn chứng đắc thì gọi là căn bản, ở giai đoạn hoạt dụng thì gọi là hậu đắc.

¹²⁴ Ý câu hỏi cho thấy muốn nói 2 bên, ba la mật và thiện pháp khác, thống thuộc lẫn nhau. Nhưng lời đáp thì chỉ nói ba la mật thống nhiếp thiện pháp. Ý lời đáp đúng hơn. Tựu trung, chữ sắc thái, chính văn là tướng, có người giải thích tướng đây là thực chất : thực chất của ba la mật là tuệ ba la mật, bởi vì rời tuệ ba la mật thì không một pháp nào thành ba la mật cả. Giải thích như vậy tuy chính xác, nhưng không sát văn ý ở đây.

¹²⁵ Nói điển hình như thí ba la mật thì sở triê của pháp này là tham lẫn; tham lẫn có 3, là bản thân của nó, là những gì làm nguyên nhân của nó và những gì làm hậu quả của nó, tất cả 3 thứ như vậy đều bị thí ba la mật đối trị. Các pháp ba la mật khác cũng vậy, suy ra thì biết.

¹²⁶ Ngũ minh (5 minh xứ): công xảo minh (công nghệ học) y phương minh (y dược học) thanh minh (ngữ văn học) nhân minh (luận lý học) nội minh (Phật học).

¹²⁷ Nghĩa lợi: lợi ích chân thật.

¹²⁸ Da hành, nghĩa đen là làm thêm, thêm lên việc làm, tức là nỗ lực, cụ bị, vận dụng phương cách (nên có chỗ dịch là phương tiện).

¹²⁹ Địa (đất) là tiếng ví dụ; 10 địa là 10 cấp độ cuối cùng của bồ tát vị, ở đó là chỗ công đức sinh ra, đứng vững và lớn lên, nên ví dụ như đất. Đặc chất của 10 địa là trí vô phân biệt, mọi công đức khác chỉ là tùy thuộc trang hoàng.

¹³⁰ 10 vô minh, có chỗ kê như sau: 1. tính dị sinh, 2. 3 nghiệp tà hạnh của chúng sinh, 3. tính chậm lụt, 4. hiện hành câu sinh phiền não nhỏ nhiệm của thân kiến, 5. nhập niết bàn của thanh văn, 6. hiện hành tướng thô, 7. hiện hành tướng tế, 8. vô tướng còn dụng công, 9. không làm việc lợi ích chúng sinh, 10. chưa được tự tại trong các pháp.

¹³¹ 10 sắc thái pháp tánh: 1. phổ biến: toàn thể nhất vị, 2. tối thắng: 3 nghiệp thanh tịnh, 3. thắng lưu: thù thắng lưu xuất, 4. không nhiếp thọ: không tiếp nhận ngã ngã sở, 5. không sai biệt: sinh tử với niết bàn không thấy sai biệt, 6. không nhiễm tịnh: không còn thấy tạp nhiễm với thanh tịnh có sai biệt, 7. mỗi pháp không sai biệt: các pháp mỗi pháp đều không có sai biệt, 8. không tăng giảm và thân tự tại độ tự tại: thân hình và thế giới biểu hiện tùy ý, 9. trí tự tại: tuệ giác tự tại, 10. nghiệp tự tại: 3 nghiệp tự do, tông trì tự tại: nắm giữ không mất, chánh định tự tại: định lực bất động.

¹³² Đăng trì: 4 thiên, đăng chí: 4 vô sắc định.

¹³³ Là 37 bồ đề phần pháp

¹³⁴ Là trí quán 12 chi duyên khởi.

¹³⁵ Là 4 vô ngại trí.

¹³⁶ Sao chép, hiển cúng, chuyển cho, lắng nghe, dở đọc, học nhớ, chỉ dạy, phúng tụng, suy nghĩ, tu tập. Pháp hạnh, gọi đủ là chánh pháp hạnh : việc làm đối với chánh pháp. Pháp số 10 pháp hạnh ở trên là trích luận Biện trung biện.

¹³⁷ Tổng tập là tập hợp giáo pháp đại thừa mà quán sát theo tổng tướng. Vô tướng là trong pháp tánh, quán các pháp không thể thủ đắc. Không dụng công là nhiệm vận tu chỉ quán, không cần phải tác ý và dụng công. Xí thanh là sự tu tập trên, thêm và hơn lên trong từng ý nghĩ. Không mừng đủ là sự tu tập trên, bước tới và bước lên mãi, không tự hào và tự mãn.

¹³⁸ Tiêu dung chỗ dựa của mọi thứ thô nặng, thì chỗ dựa là a lại da, thô nặng là chúng tử 2 chương. Xa rời các tướng thì các tướng là các tướng hý luận, những khái niệm nhị biên. Biết được cái ánh sáng chánh pháp lớn lao thì ánh sáng ấy là tuệ vô ngại, thông đạt pháp tánh viên minh. Hiện hành vô tướng thuận với phân thanh tịnh, thì vô tướng là trí vô phân biệt, phân thanh tịnh là chân tánh xuất triền. Viên mãn thành tựu pháp thân, thì đó là mục đích chính, vì mục đích ấy mà 10 địa sự tu tập của địa trước là nhân thù thắng của địa sau.

¹³⁹ Nói mỗi địa tu mỗi độ là nói theo sự tăng thắng

¹⁴⁰ Tư trạch lực: năng lực tư duy quyết trạch

¹⁴¹ Nói các địa tu các độ là nói theo sự chung thông

¹⁴² Kho tàng ba la mật: kho tàng đại thừa.

¹⁴³ Chính văn là bồ đặc dà la, tạm dịch là người. Nhưng không phải là 5 loại người, mà là mọi người đều trải qua 5 giai đoạn, nên đổi chữ ấy rõ hơn.

¹⁴⁴ Có người nói chữ tương tự không có. Nay xét có thể có thật, và có với cái nghĩa giá tội tương tự, tức tuồng như giá tội, chứ không phải thật là giá tội.

¹⁴⁵ Phương tiện khéo léo là phương tiện do đại bi làm động cơ và do đại trí dẫn đạo

¹⁴⁶ Đại thừa quang minh: ánh sáng của giáo pháp đại thừa. Tập phước định vương: chúa tể trong sự tập hợp phước đức. Hiền thủ: từ bi giữ gìn cho chúng sinh. Kiện hành: tinh tiến hùng mãnh.

¹⁴⁷ Muốn tháo cái chốt lớn thì lấy cái chốt nhỏ đóng vào đầu chốt ấy, chốt ấy ra thì chốt nhỏ cũng ra.

¹⁴⁸ Là chủng tử.

¹⁴⁹ Là sinh đầu tùy ý. Nhưng tiêu thừa chỉ nhập niết bàn mà không có năng lực này.

¹⁵⁰ Là đến đâu tùy ý.

¹⁵¹ Hãy tạm theo 1 bản chú thích như sau: 1 là cho đến nỗi không thấy cho chút gì, 2 là cho đến nỗi không còn thích cho mới cho, 3 là cho đến nỗi không đợi tin Phật mới cho, 4 là cho đến nỗi không cần tự khích lệ mới cho, 5 là cho đến nỗi không có chút thì gian cách hở, 6 là cho theo định lực phân thân vô số mà cho, 7 là cho đến nỗi keo lẩn không dung sự dơ bẩn nào nơi tâm trí, 8 là cho đến nỗi không đứng vào niết bàn rốt ráo, 9 là cho đến nỗi không cho sự tham lẩn còn tự do trong sự cho, 10 là cho đến nỗi không đứng nơi niết bàn vô tận.

¹⁵² Pháp của Phật ở đây là những phẩm chất và thành quả của Ngài, như 10 lực, 4 vô úy, v/v.

¹⁵³ Có 16 chi tiết tất cả, sẽ được giải thích sau đây.

¹⁵⁴ Tư lượng ở đây là ý thức tự ngã.

¹⁵⁵ Nghĩa là sinh trong tịnh độ thuộc loại tha thọ dụng độ, hoặc sinh trong tịnh độ thuộc loại biến hóa độ

¹⁵⁶ Nhân tố là do quá khứ đa văn huân tập có sức mạnh, nên đời này không cần hiện duyên mà vẫn phát sinh, tức như thường nói đốn ngộ. Dẫn ra là quá khứ có đa văn huân tập mà đời này vẫn phải nhờ hiện duyên cần thiết mới phát sinh. Tập luôn là quá khứ đa văn huân tập hoặc quá kém hoặc không có, đời này phải tu tập luôn luôn mới phát sinh. Cả 3 loại do sự phát sinh khác nhau mà khác nhau.

¹⁵⁷ Đã đầy đủ là ngoại đạo sinh Vô tướng thiên hay Phi phi tướng xứ, đời sống không có tác ý, và họ thỏa mãn, cho là đã đủ rồi. Không thác loạn là tiêu thừa niết bàn không còn phân biệt thác loạn về thường lạc ngã tịnh. Không hý luận là bồ tát không còn danh ngôn huân tập, chứng pháp tánh vô phân biệt. Cả 3 loại này do sự vô phân biệt khác nhau mà khác nhau.

¹⁵⁸ Thông suốt là quán chân như bằng ấn tượng mà thông suốt chân như. Tùy nghĩ là theo sự thông suốt mà truy niệm chân như. Thiết lập là thiết lập danh tướng mà tuyên thuyết cho người về chân như. Tổng hợp là tổng hợp các pháp mà quán sát.

Đúng ý là muốn gì cũng biến hóa được. Cả 5 loại này do sự tư trạch khác nhau mà khác nhau.

¹⁵⁹ 6 bài chính cú này là nói lại 4 trí đã nói trong tiết mục 2. Bài 1 là nói cái trí biết sự mâu thuẫn, bài 2 là nói cái trí biết không có đối cảnh mà thức vẫn có, bài 3 là nói cái trí biết đáng lẽ không dụng công mà vẫn không thác loạn. Các bài 4, 5 và 6 là nói 3 trí của cái trí tùy chuyên: bài 4 là thứ nhất, cái trí tùy thắng giải lực của định tự tại mà đối cảnh biểu hiện; bài 5 là thứ hai, cái trí tùy tác ý lực của tu pháp quán mà đối cảnh biểu hiện; bài 6 là thứ ba, cái trí tùy trí vô phân biệt mà thấy đối cảnh biểu hiện không có gì là thật cả. Muốn rõ, coi lại chính văn và ghi chú 66.

¹⁶⁰ Chúng hội của chư Phật, hay đại tập hội của chư Phật, là đại hội gồm toàn chư vị bồ tát; thân Phật mà đại hội này nhìn thấy là tha thọ dụng thân của Phật; tịnh độ mà có đại hội này chính là tha thọ dụng độ của Phật.

¹⁶¹ Trong 10 tự tại, tâm thức tự tại là không bị trần lao ô nhiễm, không bị đối cảnh chi phối; nghiệp tự tại là 3 nghiệp thân miệng ý không bị trở ngại; sinh tự tại là muốn sinh đâu tùy ý, không bị nghiệp lực hữu lậu chi phối; pháp tự tại là trí hậu đắc tùy cơ thiết lập giáo pháp mà hợp chánh lý cả.

¹⁶² Chúng tánh là đa văn huân tập, không rộng là tu hành thì thành Phật chứ không phải rộng không, viên mãn là giáo pháp hóa độ cho người thì đức Phật nào cũng nói đầy đủ, không đầu là không thể có đức Phật đầu tiên mà sự thành Phật là vô thủ vô chung.

¹⁶³ Là tu tổng tập, tu không tướng, tu không dụng công, tu xí thành, tu không mừng đủ, đã nói trong tiết mục 2. Coi lại ghi chú 133.

¹⁶⁴ Năng lực là năng lực của pháp tánh. Sự thành là thành tựu sự nghiệp độ sinh. Pháp vị là diệu nghĩa của pháp tánh đẳng lưu. Nghĩa đức, nghĩa là niết bàn, đức là công đức vô lậu. Thấy thường là thấy pháp tánh thường trú. Năm sự này đem lại sự đại hoan hỷ của Phật, và xuất sinh từ pháp tánh mà Phật đẳng chứng, nên gọi là tánh hỷ

¹⁶⁵ Bài này tán dương 4 vô lượng tâm của Phật.

¹⁶⁶ Bài này tán dương 8 giải thoát (giải thoát hết thấy chướng ngại), 8 thắng xứ (bậc thánh hơn cả thế gian) và 10 biến xứ (tuệ giác cùng khắp các pháp).

¹⁶⁷ Bài này tán dương công đức vô tránh của Phật. Vô tránh là hòa bình, không cãi. Sự vô tránh của Phật là hủy diệt sự tranh cãi cho chúng sinh, sự tranh cãi ấy là mê hoặc, phiền não, nhiễm ô.

¹⁶⁸ Bài này tán dương nguyện trí của Phật. Nguyện trí ấy có 5 phẩm chất.

¹⁶⁹ Bài này tán dương 4 trí vô ngại của Phật: giáo pháp là pháp vô ngại, nghĩa lý là nghĩa vô ngại, ngôn từ là từ vô ngại, trí tuệ là biện vô ngại

¹⁷⁰ Bài này tán dương lực thông giáo hóa của Phật. Đây là thứ tự của lực thông ấy: như ý thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thiên nhãn thông, lậu tận thông

-
- ¹⁷¹ Bài này tán dương 32 tướng tốt và 80 nét đẹp của thân Phật.
- ¹⁷² Bài này tán dương 4 tất cả tướng thanh tịnh. Thứ tự như sau: thân thanh tịnh, độ thanh tịnh, định thanh tịnh, trí thanh tịnh.
- ¹⁷³ Bài này tán dương 10 lực của Phật. Phương tiện là nguyên nhân, ma vương nói sai nguyên nhân, Phật dùng trí lực thị xứ phi xứ mà bác bỏ. Qui y là tôn thờ, ma vương bảo tôn thờ chúa trời, Phật dùng trí lực tam thế nghiệp báo mà bác bỏ. Thanh tịnh là giải thoát, ma vương nói sai giải thoát, Phật dùng trí lực thiên định giải thoát mà bác bỏ. Xuất ly là giải thoát cứu cánh của đại thừa, ma vương nói chúng sinh không tu được pháp ấy, Phật dùng 7 trí lực khác mà bác bỏ.
- ¹⁷⁴ Bài này tán dương 4 vô úy của Phật. Thứ tự như sau: chánh đẳng giác vô úy, lậu vĩnh tận vô úy, thuyết chương pháp vô úy, thuyết xuất đạo vô úy.
- ¹⁷⁵ Bài này tán dương 3 bất hộ và 3 niệm trú của Phật. Về 3 bất hộ, thân miệng ý của Phật thuần tịnh thuần trí, không có gì còn phải giữ gìn, nên thuyết pháp cho đại chúng thì điều phục cho họ. Về 3 niệm trú, Phật vĩnh viễn sống trong chánh niệm và chánh trí, nên ai khen không ưa, ai chê không ghét, ai khen chê không ưa ghét.
- ¹⁷⁶ Bài này tán dương công đức bạt nhử tập khí của Phật.
- ¹⁷⁷ Bài này tán dương sự không quên mất của Phật.
- ¹⁷⁸ Bài này tán dương đại bi của Phật.
- ¹⁷⁹ Bài này tán dương 18 pháp bất cộng của Phật, 18 pháp ấy chia ra 4 loại: hành, là 6 bất cộng đầu tiên; chứng, là 6 bất cộng kế tiếp; trí, là 3 bất cộng tiếp theo; nghiệp, là 3 bất cộng cuối cùng.
- ¹⁸⁰ Bài này tán dương nhất thể tướng diệu trí của Phật. Trí ấy là nhất thể chủng trí, là nhất thể trí trí, hoàn thành 4 trí tức 3 thân.
- ¹⁸¹ Bài này nói sự sâu xa về sinh, trú, nghiệp và ăn. Không trú ở mà trú ở: trú ở niết bàn vô trú. Ăn có 4 loại, Phật thuộc loại ăn thứ 4: ăn chỉ là thị hiện có ăn
- ¹⁸² Bài này nói sự sâu xa về an lập, số lượng và việc làm. Việc làm là lợi lạc chúng sinh. Việc làm ấy có loại không thường xuyên là biến hóa thân và thọ dụng thân, có loại thường xuyên là tự tánh thân.
- ¹⁸³ Bài này nói sự sâu xa về hiện thành đẳng giác. Thành Phật mà nói không phải có, là không phải có biến kế nơi y tha; thành Phật mà nói không phải không, là không phải không viên thành nơi y tha. Nói cách khác, thành Phật là biểu thị sự có viên thành và sự không biến kế ấy.
- ¹⁸⁴ Bài này nói sự sâu xa về ly dục
- ¹⁸⁵ Bài này nói sự sâu xa về đoạn diệt các uẩn.
- ¹⁸⁶ Bài này nói sự sâu xa về thành thực chúng sinh.
- ¹⁸⁷ Bài này nói sự sâu xa về hiển hiện của Phật.
- ¹⁸⁸ Bài này nói sự sâu xa về thị hiện thành đẳng giác và nhập niết bàn
- ¹⁸⁹ Bài này nói sự sâu xa về an trú. An trú trong tự thể tối thắng có 3: một, ở trong pháp phi thánh thì Phật an trú trong thánh trú (là 3 giải thoát môn không vô tướng

vô nguyện), hai, trong nhân loại và các nẻo ác thì Phật an trú trong thiên trú (là thiên định), ba, trong pháp phi phạm hạnh thì Phật an trú trong phạm trú (4 phạm trú từ bi hỷ xả).

¹⁹⁰ Bài này nói sự sâu xa về thị hiện bản thân. Tùy căn cơ mà Phật thị hiện, không ở nơi nào mà không nơi nào không ở, nên thân Phật thì siêu giác quan.

¹⁹¹ Bài này nói sự sâu xa về đoạn diệt phiền não. Độc tố bị chú lực là cũng như thuốc chủng. Để lại phiền não là để thọ sinh trong sinh tử mà hóa độ chúng sinh.

¹⁹² Bài này nói sự sâu xa về bất khả tư nghị

¹⁹³ 18 viên mãn, chính văn kê tiếp ở đây. Nhưng tôi đem lên đoạn trên, ghi trong mở đóng vòng đơn, làm như vậy để dễ hiểu hơn.

¹⁹⁴ Vì dẫn dắt thanh văn xoay về đại thừa, vì giữ gìn bồ tát có khuynh hướng không phải đại thừa, nói tóm, vì 2 số người thuộc loại không cố định này mà Phật nói nhất thừa.

¹⁹⁵ Vì pháp tánh, vô ngã và giải thoát, 3 điều này thì Phật với thanh văn duyên giác đồng đẳng, nên Phật nói nhất thừa. Những người thuộc loại không cố định là thanh văn và bồ tát mà bài chính cú trên mới nói. Ý lạc có 2, có nhân ý lạc, mình người bình đẳng, có pháp ý lạc, pháp pháp bình đẳng. Thanh văn còn có 1 loại nữa là hóa thân của Phật. Sự rốt ráo là cứu cánh, là chung cực, cuối cùng - thì chỉ là một. Vì 5 lý do này nữa, cộng với 3 lý do trước, có tất cả 8 lý do mà Phật nói nhất thừa.

¹⁹⁶ Lý do ba là tập thể thấy khác nhau. Lý do bốn là cá thể thấy cũng trước sau khác nhau. Lý do sáu, chuyển bản thức được pháp thân, chuyển chuyển thức được được thọ dụng thân, không thể không khác nhau.

¹⁹⁷ Cùng lúc Phật hóa thân nhập thai thì cũng hóa thân thành tôn giả Xá lợi phất v/v nhập thai. Hóa thân như vậy là để làm tôn nghiêm cho sự thành Phật của một đức Phật

¹⁹⁸ Lý do sau hết, nhập niết bàn chỉ là hóa thân thị hiện; nếu hóa thân là pháp thân, thì nhập niết bàn là pháp thân nhập niết bàn, như vậy là trái với thế nguyện độ sinh, hoặc thế nguyện ấy vô hiệu quả.